

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TRÚNG THƯỜNG
CTKM XÀI THẺ THẢ GA, CẢ NĂM NHẬN QUÀ

1. Tại Big C giai đoạn 1

STT	Họ và tên khách hàng	Số thẻ	Số tiền trả thưởng (VNĐ)
1	TRAN THI HUONG GIANG	***301	53,972
2	HOANG XUAN HONG	***048	109,224
3	NGUYEN THI LOI	***814	304,710
4	LE THANH THUY	***174	80,581
5	VU THI DUNG	***767	157,389
6	TRINH THI THANH HA	***982	135,311
7	VU THI LUONG	***431	55,464
8	NGUYEN THI THU HA	***025	66,600
9	LAI THI LAN ANH	***519	144,509
10	NGUYEN THANH LONG	***629	193,752
11	BUI THI THANH HA	***642	67,239
12	DANG MINH QUANG	***546	118,099
13	DINH THE PHONG	***264	492,742
14	NGUYEN VAN TRUNG	***577	100,053
15	TO TUAN	***118	40,260
16	LE THI THANH THUY	***714	135,810
17	HOANG THU HA	***264	180,726
18	TRAN THI THANH HA	***089	355,654
19	NGUYEN THI THU HA	***851	116,949
20	TRAN THI KIEU HANH	***321	104,076
21	TRINH GIANG HUONG	***690	83,218
22	LE THI NGUYET ANH	***756	109,121
23	DOAN TRINH	***995	69,184
24	LE THI NGOC MO	***055	229,494
25	CHU THI KIM THANH	***317	79,011
26	PHAM HOAI NAM	***504	35,810
27	TRAN VIET HA	***194	81,929
28	HO THI MAI LAN	***620	315,460
29	LE DAI PHONG	***214	43,898
30	LE VAN RANG	***470	124,482
31	TRAN THI THO	***089	47,341
32	NGUYEN VAN TOI	***279	43,725
33	TRAN THI MY HANH	***281	44,765
34	LAM THI THU HIEN	***692	45,761
35	HOANG THI MINH NGUYET	***860	234,925
36	DAO NGOC QUYNH	***814	74,474
37	PHAM THI THU VAN	***255	192,472
38	TRAN VU THANH UYEN	***033	35,018
39	NGUYEN THI NGOC HA	***266	34,186
40	NGO THI MY THANH	***680	1,000,000
41	LE THUY NGA	***318	191,136
42	NGUYEN LINH THUY VU	***481	58,925

43	NGUYEN THI TUYET VAN	***058	235,039
44	TRINH HOANG ANH	***127	103,350
45	NGUYEN THI NGOC MAI	***144	888,165
46	NGUYEN THI HONG NGAN	***460	76,619
47	DUONG HONG BICH THUY	***784	249,499
48	NGUYEN ANH TUYEN	***077	64,160
49	NG T PHUONG TRANG	***999	45,357
50	CAO NGOC DUYEN	***423	145,682
51	HOANG MAI CHI	***052	623,612
52	NGUYEN THI NHA TRANG	***240	129,693
53	NGUYEN HO HOA	***477	150,867
54	HO THI THIEN NHIE	***890	511,632
55	VO THI HAI YEN	***016	149,022
56	LE THI NGOC ANH	***524	42,110
57	NGUYEN VAN HOC	***827	84,246
58	JANKI DASS JAJOO	***607	100,212
59	TRINH THI HANH	***592	539,290
60	LA HUE	***237	315,208
61	NGUYEN HUU THANG	***089	224,562
62	LE PHUC LOI	***936	37,482
63	VO THI NGOC UYEN	***644	62,238
64	VONG CUN KIU	***681	191,060
65	CAO DUC NHUAN	***566	383,479
66	CHUNG HUE PHAN	***070	195,135
67	DANG NGUYET ANH	***334	149,490
68	NGUYEN THI NHA VY	***126	119,867
69	PHAM VAN DUNG	***903	302,280
70	QUACH TO DIEP	***008	148,278
71	DOAN THI LAM HUONG	***787	1,000,000
72	NGUYEN THI THANH HA	***565	87,074
73	TRAN XUAN NHO	***623	53,700
74	LE VINH THAI	***372	61,860
75	LE NGUYEN NHU AN	***204	363,590
76	NGUYEN VAN HOANG	***516	47,591
77	HUYNH THANH THUY	***659	116,368
78	LUONG CUU LONG	***763	339,716
79	PHAN THI MY DUYEN	***170	83,796
80	NGUYEN THI PHUONG LINH	***426	56,365
81	AN GIANG	***683	93,617
82	LE TAM	***513	39,624
83	VU THI HAO	***149	162,341
84	HOANG THI VAN GIANG	***459	45,390
85	NGUYEN XUAN PHIEN	***472	175,537
86	LE THI KIM CHI	***862	157,714
87	NGUYEN THI THU HA	***219	60,783
88	NGO THI TU ANH	***938	59,591
89	DOAN THI HONG LINH	***036	1,000,000
90	TRAN VAN DINH	***497	41,152

91	LE MANH THANH	***037	65,656
92	DO NHU HAI	***938	102,674
93	LE DINH THIEN	***355	75,140
94	PHAM THI HANG	***466	152,744
95	VO HONG THANH	***695	297,544
96	HUYNH EP NGUYEN THI NGOC PHUON	***211	606,541
97	HOANG HONG HA	***465	39,638
98	NGUYEN VAN THAI	***737	33,722
99	NGUYEN THE PHIET	***726	174,253
100	NGUYEN KIM DUNG	***521	211,287
101	NGUYEN THI KIM THANH	***970	149,948
102	NGUYEN THANH HAI	***610	78,492
103	LE THANH QUYNH	***255	232,346
104	NGUYEN NGOC TIEN	***905	137,717
105	LE QUANG HOA	***091	60,693
106	DANG HO PHUONG	***582	202,975
107	NGUYEN THI HONG MINH	***386	70,980
108	LE THUY HA	***713	51,707
109	TRAN ANH DUNG	***231	92,980
110	NGUYEN THI HONG NGA	***610	53,695
111	LE VAN ANH	***873	56,239
112	TRAN THI THANH BINH	***528	53,993
113	LE THI MAI PHUONG	***849	75,544
114	TRAN VAN DAI	***757	81,970
115	NGUYEN THI LAN ANH	***222	64,603
116	NGUYEN THI QUYNH ANH	***019	93,996
117	TRAN VAN TRINH	***466	151,320
118	NGUYEN MINH THU	***228	122,010
119	HUYNH HUU TUOC	***114	48,464
120	NGUYEN THI KHANH HONG	***621	137,660
121	LE THANH TUNG	***161	96,851
122	BUI VAN HOA	***688	780,390
123	BUI THI TUYET VAN	***417	474,020
124	NGUYEN THI THU HIEN	***988	165,618
125	NGUYEN THI NHAN	***222	150,841
126	NGUYEN THI NUONG	***066	250,756
127	BUI THI KIM NGAN	***913	122,475
128	PHAM VAN LUU	***276	76,508
129	LE THI THU HA	***139	124,149
130	NGUYEN XUAN NGA	***155	50,630
131	TRAN HAI NAM	***857	40,444
132	LE HUY ANH	***110	258,663
133	LE CHI DUNG	***700	81,580
134	HUYNH DUY KHANH	***827	106,370
135	BUI THU HA	***434	59,661
136	NGUYEN THAI DUNG	***332	172,462
137	NGUYEN THI THANH TRUC	***836	1,000,000

138	HA THI KIM NGA	***553	40,302
139	NGUYEN THI KIM	***002	110,716
140	NGUYEN VAN HUNG	***461	96,759
141	DANG THU HUONG	***461	172,347
142	NGUYEN THI TUYET VIN	***569	82,766
143	NGUYEN NGOC THUY TIE	***591	211,340
144	LE HOAI BAO CHAU	***595	38,300
145	NGUYEN THI KIM HAI	***265	46,488
146	NGUYEN TIEN SON	***428	101,998
147	NGUYEN NU PHUNG TIEN	***247	193,078
148	NGUYEN THE PHUONG	***093	53,847
149	LY THI TUONG VAN	***413	164,695
150	NGUYEN THI HUONG LOAN	***189	987,929
151	PHAM THI HONG LINH	***485	31,344
152	NGUYEN THI MAI HUONG	***633	120,849
153	HA THI THANG	***219	40,444
154	PHAN NGOC VIET	***993	227,643
155	TRAN NGO TRAM ANH	***738	98,270
156	NGUYEN THI MINH HOA	***449	135,490
157	NGUYEN THI MINH NGUY	***052	87,813
158	NGUYEN MINH HOA	***286	392,237
159	TRAN THI THU MIEN	***439	89,471
160	NGUYEN MINH PHONG	***827	146,997
161	NGUYEN THI MINH THU	***038	84,500
162	DANG HUU TRI	***846	294,128
163	NGUYEN CAO CUONG	***825	98,237
164	TRAN ANH TUAN	***168	142,079
165	LE THI HONG NHUNG	***857	63,689
166	TRAN MAI HUONG	***607	206,047
167	LE THI HAI YEN	***888	116,177
168	PHAN THI THIEN LY	***724	232,141
169	TRAN THI THU HIEN	***987	219,197
170	DUONG CONG DINH	***437	480,311
171	HUYNH MINH BANG NGA	***102	172,483
172	THAI THI THANH VAN	***483	194,340
173	NGUYEN HOANG BICH PHUONG	***801	32,730
174	LY CAM NHUNG	***023	66,648
175	TRAN VU LAM	***764	375,759
176	NGO THI TUYET TRINH	***620	297,500
177	LE HONG HUE	***401	86,701
178	NGUYEN THI PHUONG THOA	***883	54,510
179	NGUYEN QUOC TUAN	***444	65,782
180	LE THI LAN HUONG	***846	62,895
181	NGUYEN THI THANH HUONG	***800	305,337
182	VU PHUONG HOA	***545	273,690
183	NGUYEN THI MAI LAN	***229	84,076
184	HOANG THI THANH THUY	***291	151,877
185	NGUYEN VIET DUNG	***765	398,900

186	TON MY XUYEN	***830	1,000,000
187	DOAN MINH QUAN	***106	70,914
188	TRAN THI KIM DUNG	***474	105,605
189	TRAN HOAI VAN	***614	150,127
190	TRAN HANG THU	***842	68,560
191	NGUYEN NGOC TIEN DUNG	***623	371,186
192	HO THI NGOC TRANG	***548	369,360
193	TRUONG THI NGAN	***227	190,550
194	NGUYEN XUAN DUNG	***854	30,510
195	NGUYEN THI LAN	***635	81,906
196	NGUYEN SANG	***539	207,580
197	TRINH THI BICH HANH	***281	42,180
198	NGUYEN THI BINH MINH	***258	208,792
199	DO VAN DANG	***319	671,989
200	NGUYEN NGOC KHOA	***917	55,990
201	PHAN THI THU HUONG	***849	87,750
202	NGUYEN HAI HA	***453	30,763
203	LE THI XUAN HONG	***490	157,845
204	PHAM THI NGAN	***964	53,371
205	DUONG NGOC VINH	***024	63,847
206	NGO MINH TAM	***758	81,060
207	DO VIET THUAN	***932	46,848
208	NGUYEN HOANG LAN ANH	***891	112,193
209	NGUYEN KHAC DUY LINH	***304	45,020
210	TRAN VIET HIEU	***813	412,000
211	DAO VAN TIEN	***495	100,680
212	NGUYEN DUY PHONG	***729	120,040
213	NGUYEN HONG NHU KHOA	***346	185,686
214	NGUYEN PHUONG MAI	***944	91,789
215	LE THUY LAN	***638	60,520
216	NGO THI BICH NGUYET	***535	59,311
217	NGUYEN THI THU HONG	***640	94,749
218	BUI THE CUONG	***607	39,130
219	BUI QUOC MINH	***493	35,799
220	NGUYEN THI THU PHUON	***684	77,612
221	VU HUU VINH	***419	638,149
222	VU THANH BINH	***384	152,301
223	PHAM ANH TU	***007	30,460
224	HOANG THANH HUONG	***673	72,780
225	DANG THI THANH HUONG	***874	90,259
226	TRAN THI THU	***882	804,310
227	CUNG TO LAN	***177	91,620
228	DAO TRUONG SON	***530	42,550
229	NGO HUY HOANG	***019	34,000
230	NGUYEN THI THANH HANG	***989	134,039
231	VO THANH TRUC	***301	258,482
232	NGUYEN THI LONG VAN	***061	310,890
233	ONG TAN LAI	***810	33,108

234	PHAM TUONG LINH	***051	37,550
235	TRAN VIET HUONG	***849	56,054
236	DAO THI NGUYEN	***902	477,452
237	LE THI HOANG TRUC	***308	198,814
238	MAI XUAN HAI	***086	76,004
239	LE ANH CHIEN	***693	76,536
240	NGUYEN TAN QUANG	***044	455,120
241	QUAN ANH LIEN	***034	194,785
242	HO THI YEN THU	***242	51,871
243	BUI ANH KIET	***839	248,491
244	TRAN BA TRI	***039	36,987
245	TRUONG HONG LOAN	***386	250,132
246	PHAM THI HUONG DUYEN	***789	148,514
247	VUONG THI KIM YEN	***984	268,575
248	TRINH THI THAO	***439	232,150
249	DANG QUOC TRI DUNG	***539	194,688
250	NINH THI KIM ANH	***760	116,300
251	HUYNH VAN THON	***724	40,393
252	NGUYEN LE BAO HANH	***101	95,729
253	BAO NHI	***067	280,000
254	NGUYEN THI PHUONG THANH	***816	121,670
255	MAI ANH DUNG	***338	357,760
256	VU THANH LIEM	***508	75,472
257	PHAM THU UYEN	***091	62,992
258	TRAN THI KI	***881	79,416
259	NGUYEN THI THUY TRAM	***265	236,060
260	LE THI KIM DIEU	***082	146,730
261	LE THANH TUNG	***338	174,441
262	BUI THE LAN	***110	481,459
263	NGUYEN BAO TRUNG	***823	109,500
264	TRAN QUOC DIEN	***386	49,500
265	MANG THUY DUONG	***425	37,232
266	TRAN TRUNG HIEU	***569	50,758
267	NGUYEN THI HANG	***733	162,752
268	TRAN BICH THUY	***006	79,100
269	NGUYEN THI THU HIEN	***249	66,072
270	CAO THI THOM	***449	203,322
271	PHAM THI THOM	***166	707,523
272	VO THANH UT	***742	55,599
273	LE THU THUY	***685	176,329
274	TRAN TAN HIEU	***218	200,200
275	NGUYEN SY TUAN	***450	44,210
276	NGUYEN THI LE NA	***989	156,955
277	DUONG THI TUYET LOAN	***486	112,030
278	BUI BICH TRAM	***157	300,500
279	LY THI VAN QUYNH	***476	38,753
280	HA VIET DUNG	***151	58,659
281	NGUYEN THI NGOC	***104	156,115

282	VO THI THU BA	***592	281,943
283	PHAM HONG NGA	***115	66,311
284	NGUYEN THI KIM LOAN	***772	352,983
285	LE HUU XUAN	***311	534,626
286	DINH DONG MINH	***660	49,568
287	LE NGOC LIEU	***970	68,880
288	PHAN MINH TIEN	***882	60,080
289	MAI HONG PHI	***558	105,353
290	NGUYEN TUONG BAO VY	***810	84,493
291	PHAM THUY TRANG	***565	66,211
292	VU THI BINH NGUYEN	***429	130,160
293	DO THI NGOC DAO	***046	62,460
294	NGUYEN VIET SON	***928	649,645
295	DINH THI HUONG	***037	41,975
296	PHAN VAN THANH	***837	58,994
297	NGUYEN THANH HAI	***166	84,221
298	NGUYEN THI YEN	***163	35,520
299	NGUYEN THI NHAT MAI	***449	117,970
300	MAI XUAN PHONG	***253	100,566
301	DINH VAN NGOAN	***431	782,372
302	LE QUANG HA	***362	51,955
303	DANG THI XUAN	***405	50,480
304	DAO THI NGUYET ANH	***991	52,524
305	LE PHUOC DO	***510	77,370
306	LUONG THI NGA	***979	97,371
307	NGUYEN THI BICH NGOC	***767	63,200
308	NGUYEN THI BICH	***984	66,874
309	LUONG NGOC HAI	***460	38,170
310	DUONG THIEU DI	***123	41,354
311	NGUYEN THI THU HOAI	***896	158,048
312	NGUYEN PHUOC NGHIA	***421	87,611
313	DAO THI BICH LIEN	***952	326,360
314	TRAN THI THUY TIEN	***305	170,000
315	TRAN CONG THANH	***260	105,344
316	TRUONG THI ANH TUYET	***956	35,994
317	DO THI BAO HOA	***141	270,490
318	MAI NGOC THUY	***857	1,000,000
319	NGUYEN T TUONG HANH	***568	189,779
320	LE VAN QUAN	***980	124,990
321	NGUYEN MINH HONG THUY	***828	56,908
322	TRAN HO TRAM PHUONG	***873	258,355
323	VU MINH NGOC	***713	108,425
324	DINH NGOC SON	***771	82,157
325	TRAN BUU SON	***576	108,025
326	LUONG THI VU BAO	***317	207,176
327	NGO THI ANH XUAN	***165	136,590
328	DOAN THI THUONG	***800	136,207
329	PHAM DUC TIEN	***565	56,726

330	NGUYEN THI THUY SINH	***011	53,471
331	PHAM THI HONG NHUNG	***574	58,094
332	LY THE DUNG	***800	105,710
333	LE THI DIEM HANG	***521	90,530
334	TRUONG QUANG VU	***039	52,112
335	TRUONG NGUYEN HUONG THAO	***769	55,369
336	VU THI XUAN HUONG	***223	32,770
337	BUI QUANG VINH	***940	181,760
338	CAO THANG LONG	***374	34,970
339	NGUYEN THI LUU LUYEN	***537	67,245
340	TRUONG THI MY LINH	***976	89,722
341	NGUYEN THI NGOC HANG	***213	68,659
342	TRAN THU HA	***285	340,204
343	DUONG THI DIEU HIEN	***067	43,250
344	HUYNH THI TRUC LY	***573	112,857
345	PHAM THI THU HUYEN	***897	136,375
346	DOAN THI HONG NHUNG	***721	199,787
347	NGUYEN THI KIM OANH	***614	246,144
348	NGUYEN MANH CUONG	***587	101,245
349	TRUONG THI KIEU NHU	***775	68,710
350	VO THI TAM	***608	60,916
351	TRAN THUY KIM DAN	***085	97,957
352	NGUYEN THI PHUONG HA	***506	207,060
353	TRAN THUY AN	***673	78,129
354	LE MINH TRI	***060	53,150
355	TRAN THI HONG LAM	***995	595,220
356	LE THI MINH LOAN	***184	302,655
357	TRAN THI HONG THUAN	***466	80,490
358	NGUYEN ANH SANG	***170	75,306
359	NGUYEN THI LAM TRUC	***957	36,860
360	DUONG TAN HUY	***745	531,358
361	TRAN THI HONG THAI	***546	89,978
362	PHAM THI VY	***042	52,250
363	DAO THI THAI CHAU	***923	46,360
364	BUI VIET HUONG	***504	37,630
365	NGUYEN DUY HAI	***413	57,810
366	HOANG ANH CUONG	***418	54,861
367	NGUYEN THI MINH TAM	***536	69,077
368	NGUYEN THI MINH HUYEN	***390	67,157
369	NGUYEN THI NGOC LAN	***524	386,152
370	NGUYEN THI NGOC PHU	***389	171,717
371	NGUYEN DUC VIET	***249	54,157
372	BUI THE HUNG	***887	39,037
373	PHAM THI DUY BAO	***285	321,080
374	NGUYEN THI THU THUY	***780	62,122
375	HO SY MINH	***729	30,400
376	TRAN NGOC MINH	***547	68,426
377	LAM THANH QUI	***428	61,542

378	HA THI KIM LAN	***004	70,052
379	PHAN HUYNH TRUONG SINH	***374	66,251
380	PHAM TRANG CHAU	***523	52,096
381	LUU VAN CAM	***088	70,690
382	DO HOANG MINH TUNG	***942	897,730
383	VO TOAN THANG	***563	209,449
384	LE THANH HUNG	***239	163,380
385	NGUYEN DIEP DONG QUY	***593	80,910
386	PHAM NGOC MAI TRAM	***694	71,505
387	TRAN HUU TAN	***234	111,420
388	TRAN NGUYEN	***477	44,877
389	TRAN KIM CUONG	***725	77,748
390	DAO THANH NHAN	***695	248,845
391	HA MINH THUC	***501	50,750
392	LE THI THANH HUNG	***387	146,076
393	LE VAN LAM	***054	70,687
394	VU THI CAM VAN	***387	30,710
395	NGUYEN THI HOANG MAI	***822	66,308
396	LUONG QUOC DUNG	***790	84,769
397	TRAN THU THUY	***635	226,593
398	HOANG THI THANH HIEN	***641	64,370
399	MAI HUU THO	***366	120,050
400	NGUYEN PHUONG THU	***790	191,994
401	NGUYEN LE HOANG VI	***179	70,760
402	LUU THI PHUONG THUY	***523	77,840
403	NGUYEN BA VAN	***136	31,312
404	PHAM HUONG GIANG	***563	86,990
405	NGUYEN HONG HAI	***188	136,608
406	LE THI DONG THUY	***433	332,261
407	TRUONG NGOC THU	***019	215,028
408	LE TRUNG DUNG	***877	165,610
409	PHAM THANH THUY	***574	666,857
410	PHAM VAN KHOA	***148	45,890
411	VO THUY NGOC HOA	***808	247,154
412	BUI HUU CUONG	***243	90,970
413	BUI THI HAO	***467	45,800
414	PHAM DUY BIEN	***257	170,320
415	NGUYEN THI MY THAO	***569	45,662
416	VU THI HANH	***528	354,290
417	NGUYEN THI MINH HOA	***412	71,006
418	LUONG THI HONG CHUC	***837	32,140
419	NGUYEN THUAN THANH	***002	78,400
420	TRAN HANH KHANH TRAN	***977	141,473
421	NGUYEN THI MINH	***010	1,000,000
422	HUYNH NHAT TUAN	***815	161,388
423	HA THI THU HANG	***592	98,810
424	DOAN TRI DUNG	***371	141,970
425	LE THI QUYNH TRAM	***157	41,300

426	HOANG MINH TUAN	***198	31,427
427	HUYNH THANH NHAN	***124	215,027
428	NGUYEN AN PHUC HANH	***876	61,462
429	HOANG MINH TU	***181	66,840
430	DANG KIM NAM	***573	112,131
431	HUYNH LE VIET TAN	***255	142,843
432	VU THI NGOC ANH	***952	107,760
433	LE THI PHUONG	***437	108,880
434	TRAN DINH VINH	***369	150,710
435	PHAM THI HIEN LUONG	***239	100,392
436	NGUYEN THI QUOC TAM	***471	31,067
437	NGUYEN TRUNG TUYEN	***715	32,103
438	PHAM PHI TU	***644	125,533
439	DO QUOC HA	***802	191,730
440	VU TU CAU	***430	83,453
441	NGUYEN HOANG VU	***924	170,680
442	PHAN THI TRINH LAN	***901	132,205
443	TRAN THI BICH LOAN	***112	164,478
444	PHAM THI MY HANH	***437	77,170
445	NGUYEN THI MAI	***017	85,101
446	NGUYEN THI MY	***912	337,285
447	NGUYEN THI MY LUONG	***371	52,138
448	BUI XUAN THANH	***509	159,285
449	HO THI KHANH LINH	***260	194,201
450	NGUYEN THE THANH	***405	160,560
451	NGUYEN THI THANH QUY	***645	63,796
452	TRAN THANH VUONG	***289	81,797
453	NGUYEN HUYNH THAO VY	***282	86,978
454	LE THI NHUNG	***228	45,095
455	BUI THI CAM NHUNG	***107	47,197
456	VU THI HUONG	***852	36,978
457	HUYNH THI KIM LOAN	***139	73,333
458	LE THI NGOC LOAN	***914	128,360
459	PHAN THI MY PHUONG	***919	153,426
460	NGUYEN HUY HA	***792	85,244
461	DUONG THANH THUY	***771	84,908
462	PHAM THI QUYNH LAN	***950	88,094
463	PHAN THI NGOC HANH	***228	233,104
464	NGUYEN T HUONG GIANG	***529	297,730
465	TRAN THI THU LE	***321	502,000
466	CAO KHA TUAN	***853	96,679
467	PHAM THI DONG GIANG	***116	69,040
468	DOAN THI THANH BINH	***484	114,610
469	NGUYEN NGOC THU	***203	273,380
470	LE BAO QUOC	***668	75,586
471	LE THANH CHUNG	***237	45,040
472	HOANG QUY THUC	***410	160,540
473	NGUYEN QUOC ANH	***827	92,410

474	HUYNH THI DANH	***697	30,360
475	NGO ANH THU	***537	81,670
476	TRAN TUAN ANH	***283	401,594
477	VO THI THU HA	***753	173,053
478	CHU THI HA THANH	***842	119,090
479	NGUYEN NGOC LINH	***632	86,745
480	DUONG TRONG NGHIA	***449	105,620
481	PHAN TON QUYEN	***954	161,896
482	NGUYEN THU HUONG	***436	94,391
483	TO TUAN NGHIA	***943	176,314
484	MAI THI THU THUY	***427	222,976
485	BUI ANH THU	***004	189,530
486	DANG XUAN TRUNG	***672	55,147
487	DOAN THI KIM OANH	***319	974,861
488	NGUYEN THI VIET HAO	***432	268,179
489	NGUYEN THI HONG VAN	***491	45,000
490	DINH THI CAM VAN	***561	76,940
491	HOANG THI QUYNH HOA	***349	250,850
492	DANG THI HOANG YEN	***223	46,596
493	TRAN RIN ANH	***332	112,480
494	VUONG QUOC KHOI	***442	416,917
495	NGUYEN HAI ANH	***448	75,646
496	VU HONG DIEP	***979	130,070
497	LY HIEN	***866	887,120
498	NGUYEN THI CAM PHUC	***898	181,384
499	DUONG THI BICH DAO	***248	150,606
500	VO THANH NHAN	***026	56,194
501	PHAN THI THANH HA	***673	182,128
502	DANG MANH HUY	***312	91,755
503	NGUYEN PHUONG LAN	***948	33,582
504	DAO THI HOA	***269	82,300
505	CUNG TO MAI	***829	75,175
506	BUI THI PHUONG THUY	***450	61,997
507	NGUYEN THUY HONG	***303	57,300
508	TRAN THI THUY	***321	39,070
509	TRAN THI YEN LINH	***240	372,956
510	TRUONG DOAN PHAO	***128	77,290
511	NGUYEN THI KIM TUYEN	***676	107,291
512	NGO VAN DUC	***009	70,449
513	HOANG HAI	***238	115,173
514	LE THI PHUONG ANH	***367	403,700
515	TRAN SON TUNG	***773	144,442
516	DO MINH KHOA	***770	213,500
517	DO THI THU HANG	***476	74,102
518	VU THI HONG NGAN	***031	130,292
519	TA THIEN KIM	***194	642,361
520	NGUYEN PHU HONG PHUC	***096	526,390
521	HOANG THI CAM TU	***942	455,729

522	LE VAN CUONG	***294	90,490
523	NGUYEN THI NGOC HANG	***251	36,715
524	TRAN THI HOA	***447	100,024
525	NGUYEN MINH DUC	***896	58,732
526	NGUYEN THI AN	***663	34,171
527	MAI NGOC THANH	***125	353,530
528	STEPHANE JOEL GORIN	***053	226,767
529	MAI ANH TUAN	***753	100,292
530	LE NGOC HUNG	***333	85,238
531	HUYNH THI TUYET SUON	***824	138,367
532	VU THI MINH LY	***735	34,442
533	NGUYEN THI HONG NGA	***490	38,400
534	NGUYEN THI KIM NGAN	***416	42,147
535	HUYNH DUY HUNG	***040	33,823
536	DAO THI HOA	***726	126,401
537	TRAN TRA MY	***270	295,751
538	NGUYEN THANH DUY	***220	166,673
539	NGUYEN THU GIANG	***222	67,670
540	CONG TUYET MY	***349	245,741
541	NGUYEN THANH HUONG	***733	486,332
542	TRAN THI THU THUY	***754	211,104
543	NGUYEN THI BICH HAI	***543	71,522
544	VU QUOC DONG	***576	49,984
545	KHUONG PHAN THY QUYEN	***741	120,015
546	DINH NGUYEN KHANH TR	***848	98,490
547	NGUYEN DUC HA	***239	70,121
548	LAM THI THUC QUYEN	***471	232,170
549	NGUYEN HOANG HAI	***895	52,570
550	NGO THI BICH HA	***914	102,510
551	NGUYEN THI HUE	***552	88,461
552	NGUYEN THI THANH NHAN	***987	76,930
553	LIM HWEE KOK VICTOR	***023	126,212
554	LE TRUONG QUANG TRUNG	***561	32,950
555	HA THI VIET HA	***127	75,200
556	NGUYEN VAN BAO	***324	197,270
557	NGUYEN THI DIEM PHUC	***024	77,193
558	NGUYEN THANH TRUNG	***685	174,052
559	PHAN THI LE DUNG	***930	54,418
560	VU THI THU THUY	***571	270,140
561	NGUYEN T THUY VINH	***364	69,536
562	NGUYEN THI VAN NAM	***412	43,880
563	NGUYEN VIET LICH	***012	63,376
564	TRAN NGHIEP HONG	***092	109,510
565	HUYNH DANG KHOA	***078	62,245
566	NGUYEN BICH NGOC	***408	106,218
567	TRAN THI PHUONG HOA	***236	56,737
568	NGUYEN THI MINH NGUYET	***819	41,690
569	TRAN LAN DUNG	***897	42,792

570	EVELYN ORTEGA TONDO	***984	95,350
571	VU THI TUONG VAN	***716	273,663
572	TRAN MINH HOANG	***802	53,182
573	LE HOANG TIEN QUY	***120	44,010
574	NGUYEN VAN HOI	***595	43,030
575	DANG QUAN SANG	***354	36,004
576	DO THI THIEP	***860	32,574
577	CAO DUC MINH	***518	56,410
578	HUYNH TRAN THANH CHI	***081	33,230
579	HOANG VAN XUAN	***995	133,060
580	HOANG THI THU NGA	***063	88,870
581	BUI THI TUYET MI	***123	336,250
582	LE THI THU HA VCB	***118	133,160
583	TRAN MINH CHAU	***384	141,010
584	VO THI MY DUYEN	***049	77,830
585	PHAM TIEN DUNG	***324	185,680
586	NGUYEN NHAT TRANG	***079	180,386
587	NGUYEN XUAN BINH	***328	574,380
588	TRAN ANH PHUONG	***902	294,350
589	PHAN THI YEN	***422	485,983
590	LE MAC GIAO	***995	30,240
591	NGUYEN THI THANH THANH	***456	50,110
592	DOAN THI AN HAI	***423	159,542
593	NGO THI ANH THU	***090	57,452
594	CAO HOANG QUY NHAN	***115	68,910
595	DINH DIEU THU	***510	101,978
596	DINH TIEN DUNG	***363	109,222
597	NGUYEN TRONG LINH	***407	84,634
598	NGUYEN VIET LAN ANH	***037	31,149
599	NGUYEN THI HOAI NAM	***677	94,539
600	VO THI NHAM	***412	135,477
601	NGUYEN THI KIM THANH	***474	80,540
602	DINH CONG THANH	***389	99,800
603	VUONG LAN CHI	***431	1,000,000
604	TRAN QUOC DUY	***119	296,137
605	DANG THANH BINH	***735	979,942
606	VO TA QUAN	***926	104,241
607	NGUYEN THI LY THIEN	***180	44,948
608	TRAN HUNG DAO	***689	185,208
609	NGUYEN DANG DUNG HOA	***874	48,690
610	THIEU NGOC TAM	***634	503,630
611	NGUYEN THI VIET NGA	***161	140,896
612	NGUYEN TRUONG SON	***115	85,653
613	DAO TANG VINH	***294	30,956
614	VU NGOC KIM HUYEN	***293	74,714
615	LY MONG YEN	***507	191,228
616	TANG QUANG HUNG	***292	50,370
617	DINH THI HUONG	***721	516,460

618	NGUYEN THANH TUNG	***199	221,296
619	BUI THI CAM VAN	***983	33,151
620	DOAN PHO	***252	979,060
621	LE THI HONG DUYEN	***993	184,280
622	NGUYEN TAN GIAU	***001	208,840
623	HA THI PHUONG THAO	***325	36,934
624	NGUYEN HOAI TRUNG	***627	80,942
625	NGUYEN VAN PHI	***005	146,607
626	VO THI NGOC DIEP	***295	120,962
627	PHAM THI LIEN	***027	81,710
628	CHU THI NGUYET QUE	***314	67,593
629	NGO DUC HAI	***251	122,290
630	PHAM THI THANH HOA	***724	276,750
631	PHAM THI NGOC PHUONG	***317	118,030
632	PHAM HONG OANH	***592	171,171
633	NGUYEN KIM CUONG	***191	57,160
634	NGUYEN THANH TAM	***073	37,250
635	TRUONG T HUONG LOAN	***206	206,237
636	DUONG VIET DUC	***908	72,491
637	NGUYEN THI HUYEN TRANG	***284	33,836
638	LE MA LUONG	***349	130,176
639	LE THU THUY	***876	194,280
640	TO THI THIEN THUY	***434	43,351
641	VO NGUYEN THUY AN	***027	162,287
642	NGUYEN THI HUE	***440	1,000,000
643	NGO VAN HIEU	***706	80,660
644	NGUYEN HUU TUAN ANH	***464	111,831
645	NGUYEN THAI NINH	***783	68,323
646	NGUYEN THI MAI	***150	111,204
647	NGUYEN NGOC THANH	***611	983,593
648	PHAN THI VINH	***259	30,041
649	LE THI XUAN THAO	***807	198,931
650	VO QUOC VU	***900	105,027
651	NGUYEN THANH CONG	***566	56,350
652	HOANG THI HUONG	***197	194,200
653	HOANG THI THANG	***272	150,000
654	NGUYEN MINH THAO	***353	61,747
655	DOAN XUAN TINH	***316	1,000,000
656	LE THI THANH THUY	***549	345,226
657	NGUYEN THI MY LINH	***347	36,480
658	HUYNH PHAN NGOC TAM	***325	255,372
659	NGUYEN THI DIEM PHUONG	***212	46,935
660	NGUYEN THU THUY	***617	66,780
661	NGUYEN THANH HUONG	***724	45,120
662	TRAN VAN TAN	***121	77,830
663	NGUYEN THI YEN PHUON	***932	55,055
664	NGUYEN THI HAI YEN	***278	73,913
665	LE THUY LINH	***829	98,791

666	DO THI MINH HUONG	***815	123,075
667	TRAN THI LIEU	***856	81,023
668	LE TUAN DUNG	***196	133,376
669	NGUYEN BA DAT	***110	190,710
670	NGO DINH TRUNG	***946	319,563
671	NGUYEN THUY QUYNH	***224	37,410
672	TRAN VINH THANG	***380	199,283
673	LE THI TUYET HOA	***592	195,824
674	NGUYEN THI NGOC TRINH	***627	80,472
675	LE THI KIM THEU	***719	150,000
676	NGUYEN THI HOANG PHU	***303	81,084
677	NGUYEN THI THU	***583	280,942
678	TRAN THI TRUC LINH	***191	172,220
679	NGUYEN BA DIEU MINH	***608	39,652
680	LE NGOC HAN	***566	133,461
681	VO THI THUY HUONG	***360	141,480
682	YANG KAIYONG	***333	91,556
683	VU THI THANH HUYEN	***009	277,852
684	NGUYEN QUANG TUAN	***717	153,715
685	PHAN THI THU THAO	***002	138,158
686	VU THI CAM UYEN	***100	751,130
687	NGUYEN QUOC DUNG	***558	30,787
688	NGUYEN THI THU THUY	***427	82,437
689	VU THI THUY LINH	***072	166,928
690	NGUYEN TRONG THANH	***703	87,977
691	NGUYEN THI KIM BINH	***385	444,560
692	HUYNH THI MY ANH	***806	60,942
693	DO PHAT LOI	***697	75,164
694	DO ANH TUAN	***450	80,302
695	VO THU PHONG	***680	129,183
696	NGUYEN THI KIM THANH	***810	34,290
697	VO THI THANH HONG	***302	41,730
698	DO NGOC QUE PHUONG	***876	116,690
699	NGUYEN THI MINH HANG	***076	125,720
700	TRAN VAN HAI	***545	47,362
701	PHAM THI NGAN	***648	83,320
702	CHAU QUOC DAT	***310	47,339
703	DAU THI THU HA	***298	138,700
704	TRAN NGOC MY	***418	33,450
705	NGUYEN THI THANH THUY	***794	71,492
706	VAN TU QUYEN	***748	67,730
707	TRAN MINH ANH	***131	46,178
708	NGUYEN THI NGA	***007	117,419
709	NGUYEN AN BINH	***502	244,721
710	DO VAN THANG	***896	246,869
711	NGUYEN THANH TRUC	***685	95,761
712	NGUYEN THANG QUAN	***718	126,881
713	TRUONG THI VAN THU	***706	126,900

714	PHAM THI TUYET HANH	***080	51,366
715	LE THI TUONG VY	***035	104,870
716	HOANG THI NGOC HA	***709	156,034
717	LE THI UYEN THY	***769	144,210
718	PHAM HONG TRUNG	***343	53,624
719	DINH VU DUC CAM	***047	113,010
720	VU THI NGOC DIEM	***546	272,680
721	VU THU HA	***787	52,174
722	GIANG SANG TIEN	***597	209,560
723	NGUYEN DAI LUAN	***689	32,687
724	NGUYEN THI MY TRINH	***726	36,589
725	NGUYEN HONG NGAN	***819	45,296
726	NGUYEN THI MINH HUE	***986	81,615
727	PHAM THI KIM PHUONG	***693	108,070
728	VU THI MINH NGUYET	***568	140,147
729	NGUYEN HOANG ANH	***066	142,758
730	DUONG THANH VAN	***263	49,387
731	VONG LE CHANG	***434	72,215
732	DO DUC HA	***211	143,789
733	TRAN DUYEN THANH NGOC	***055	47,423
734	NGUYEN VAN GIAU	***195	53,241
735	NGUYEN THU NGOC	***213	36,906
736	NGUYEN THANH TU	***652	35,770
737	NGUYEN HONG NHUNG	***110	186,257
738	PHAM THI HONG NHUNG	***527	59,660
739	NGUYEN THI THAM	***520	61,491
740	NGUYEN THI MINH THU	***335	48,017
741	PHAN THI THU HUONG	***253	36,200
742	NGUYEN THI BICH	***095	118,920
743	DINH XUAN HOANG	***491	82,662
744	NGUYEN THI HUYEN ANH	***008	132,488
745	TRAN THI KIM KHANH	***938	37,738
746	NGUYEN THI TUNG	***440	39,963
747	CAO THI HOAI THUONG	***175	85,210
748	TRAN NGUYEN HUONG GI	***760	57,295
749	NGUYEN KE NHA	***644	186,185
750	PHAM THI HUONG SEN	***285	143,340
751	LE NGOC SON	***846	239,460
752	TRAN THI MAI LAN	***858	79,182
753	NGUYEN P LAM HUONG	***219	144,212
754	MAI HOANG VIET	***615	65,368
755	NGUYEN VAN HIEU	***710	145,357
756	NGUYEN THI XUAN HUYN	***330	867,029
757	LE THI NGOC MINH	***723	130,650
758	LE THANH DUONG	***601	119,558
759	TRAN THUY VAN	***139	109,228
760	NGUYEN THI HONG VAN	***698	78,910
761	NGUYEN KIM TAN	***417	56,037

762	NGO THI KIM HUE	***086	87,412
763	VU THI THU THUY	***112	130,868
764	DO NGOC KHANH	***240	81,820
765	TRAN THANH CHIEN	***711	115,760
766	NGO THI THU HUONG	***816	127,572
767	PHAN HAI NAM	***299	67,000
768	LE THI PHUONG NHUNG	***632	315,832
769	TRAN THI SEN	***155	856,590
770	NGO NHAT HUY	***392	141,160
771	PHAM THI HUONG	***004	73,454
772	LE VAN DUY	***871	159,640
773	PHAM VAN CU	***949	63,820
774	PHAN TAN NHAC	***066	1,000,000
775	HUYNH DUC NHA	***011	112,950
776	NGUYEN CHE LINH	***447	31,393
777	NGUYEN VAN DUC	***148	35,930
778	TRUONG THI PHUC	***191	127,110
779	NGUYEN VIET CHUONG	***942	283,039
780	DO THI MINH CHAU	***479	125,728
781	LE VINH PHUC	***948	137,208
782	MAI DUONG HANG NGA	***561	32,625
783	DUONG MINH TUNG	***644	100,580
784	NGO DUC ANH	***611	93,437
785	NGUYEN SONG HAI VY	***450	50,000
786	CAO THI NHAI	***419	100,231
787	SIONLYN CORRO JASTIVE	***276	199,318
788	NGUYEN THUY VAN	***557	97,441
789	NGUYEN AN VUONG	***228	973,865
790	DINH CONG VINH	***256	97,131
791	TRAN THE BINH	***589	45,611
792	NGUYEN THAO QUYNH	***031	85,600
793	LA VAN THAO	***893	86,029
794	PHAM VAN HUNG	***567	56,016
795	DO VAN ANH	***888	142,402
796	NGUYEN XUAN GIANG	***773	90,460
797	NGUYEN VAN DUC	***863	527,635
798	TRAN THI THU HUONG	***597	116,481
799	NGUYEN LAN ANH	***212	30,082
800	CHU THI DIEU HUONG	***335	97,950
801	THAI DAN THUY	***344	149,643
802	DO TRUONG GIANG	***200	55,690
803	CAO THI MY DUNG	***739	74,792
804	NGUY THI LAN TIEN	***420	60,515
805	TRAN VINH SON	***083	53,640
806	NGO THI PHUONG HOA	***750	85,763
807	LE THI THANH HUYEN	***231	60,472
808	LE THI NGOC MAI	***072	100,029
809	TRAN NGOC THANH TUYEN	***626	93,320

810	VO THI THU HUONG	***095	41,885
811	NGUYEN QUANG HE	***788	165,010
812	NGUYEN THI HONG THAM	***568	43,382
813	MAI THI THAO	***244	266,894
814	PHAM THI BICH NGOC	***532	105,099
815	PHAN HUY HONG LIEN	***177	136,600
816	LE ANH TOAN	***518	78,904
817	VU TRAN HUONG THUY	***495	74,523
818	PHAN THI HONG YEN	***532	37,060
819	LE VIET HA	***121	74,820
820	PHAM THI SUONG MAI	***081	126,827
821	LE THI MINH HIEU	***624	139,200
822	TRAN QUOC TUAN	***181	80,377
823	NGUYEN SY THANG	***327	74,348
824	DINH THU TRANG	***837	266,249
825	LUU THI HOAI THU	***754	136,303
826	PHAN QUYNH LOAN	***773	98,610
827	NGUYEN TRONG NGHIA	***674	76,070
828	LE SY TINH	***008	59,492
829	AELIE ZARAGOZA	***354	224,951
830	NGUYEN NGOC MINH	***469	74,104
831	TRAN ANH KHOA	***544	57,943
832	TRUONG DINH PHUC	***540	245,254
833	NGUYEN THI MAI HOA	***618	1,000,000
834	NGUYEN THUY MY PHUONG	***425	159,191
835	TRAN THI TU LAN	***022	191,725
836	NGUYEN TRUC HAI	***824	136,270
837	NGUYEN THI TRAM	***535	137,822
838	HO THI DIEM MY	***752	47,421
839	TRUONG THI PHUONG	***770	198,982
840	VONG NHOC ZDENH	***358	154,689
841	TRAN VAN TUYEN	***850	32,640
842	VONG VANH DIN	***669	55,700
843	BUI ANH TU	***715	230,503
844	NGUYEN THI BICH HOA	***808	68,189
845	DOAN THUY BICH QUYEN	***584	32,060
846	BUI THI HUONG NGA	***000	87,908
847	TRAN TINH MINH	***856	131,870
848	NGUYEN THI QUYNH HOA	***114	120,090
849	VU CONG TAO	***348	256,708
850	TRAN THI KIM HANH	***798	55,485
851	NGUYEN THI THANH THUY	***564	99,963
852	LE THI THAO	***677	93,963
853	LE TAM	***561	53,990
854	BUI VAN PHUC	***479	115,490
855	NGO THANH LINH	***895	278,300
856	MAI NGOC QUYEN	***898	114,190
857	PHAM THI HOANG OANH	***284	469,500

858	TRUONG THI KIM TRAM	***234	174,450
859	NGUYEN THI THUY HANG	***995	46,799
860	PHAN THI TRANG THANH	***674	98,793
861	TRAN THI DUOC	***074	129,389
862	VU THI HANH NHU	***655	41,405
863	LE THI THANH TAM	***470	161,428
864	TRAN THI NGAN	***562	250,319
865	DAO HUY QUOC HUNG	***275	222,576
866	DO THANH TRUNG	***076	72,143
867	PHAM QUOC HUY	***666	33,297
868	NGUYEN MINH HAI	***785	34,348
869	LE THANH NHUT	***950	72,542
870	TU MONG TRUC LY	***585	376,015
871	NGUYEN THI KIM XUYEN	***131	205,580
872	NGUYEN THI THU HUONG	***822	235,548
873	NGUYEN THI HONG TUOI	***216	87,706
874	NGUYEN THI TUYET	***515	280,000
875	PHAM MINH PHUC	***656	660,557
876	NGUYEN DUC VINH	***644	36,253
877	HOANG THI HUONG	***538	125,791
878	BUI THI THANH HA	***256	55,569
879	DO THI KIM DUNG	***361	36,598
880	HOANG TIEN DUNG	***747	1,000,000
881	NGUYEN THI MY LINH	***488	479,630
882	HO KHAC DUY	***548	158,650
883	NGUYEN THI TUONG VI	***262	701,040
884	TUONG THI THANH NHAN	***167	137,700
885	HUYNH THAI VIET	***480	31,069
886	PHAM THI THOA	***001	91,557
887	NGUYEN THI BICH PHUONG	***095	173,411
888	TRAN THANH TAM	***804	59,055
889	DINH THANH PHONG	***055	83,590
890	LE THI THU HUONG	***059	130,793
891	NGUYEN DUY LOC	***389	87,290
892	LE THI HONG LY	***416	216,083
893	NGUYEN QUOC THANH	***525	56,886
894	TRAN KIM HUNG	***072	42,382
895	TRAN THIEN TRUC	***808	41,010
896	NGUYEN NGOC HOANG	***815	188,270
897	CHU DINH BINH	***395	67,480
898	LE THANH BA	***765	37,144
899	NGUYEN CONG HOANG	***597	49,090
900	NGUYEN THANH HANG VI	***063	183,877
901	HOANG THI PHUONG NHUNG	***239	130,298
902	DO THI MAI HUONG	***983	47,683
903	TRAN MINH TAM	***818	47,180
904	NGUYEN ANH DIEP	***210	148,310
905	BUI THI THANH HUONG	***457	379,960

906	NGUYEN KHANH TOAN	***087	81,548
907	VO THE ANH	***704	34,870
908	NGUYEN THI MINH NGUY	***816	115,599
909	NGUYEN THI THAM	***878	96,963
910	LE THI HA ANH	***371	79,889
911	LE THI NGOC BICH	***458	138,198
912	NGUYEN THANH BINH	***450	279,538
913	DANG KIM ANH	***728	58,633
914	PHAM THI LE HUONG	***130	212,392
915	NGUYEN BINH AN	***421	316,482
916	NGUYEN HONG DIU	***411	85,840
917	TRAN NGUYET MINH	***745	33,150
918	NGUYEN ANH PHUONG	***222	56,603
919	LY MINH THUAN	***675	121,727
920	TA KIET DINH	***840	48,108
921	VU THU TRA	***091	71,665
922	PHAM THI THUY TRANG	***423	33,360
923	TRAN DO	***037	116,070
924	LUONG MINH PHUONG	***563	61,760
925	MAI VINH THONG	***015	81,809
926	TRAN BAO LOAN	***710	80,000
927	TRAN VIET TOAN	***004	70,510
928	NGUYEN THI THO	***877	56,880
929	NGUYEN THI LUONG	***959	53,680
930	NGUYEN NHAT THUAN	***853	73,365
931	TRAN KIM NGOC	***737	32,056
932	LUU THI THU CUC	***265	76,773
933	DANG TRUONG HAI	***179	64,793
934	LE THI NGUYET	***385	39,996
935	NGUYEN H MAI TRAM	***176	882,466
936	NGUYEN THI HUYEN	***588	44,796
937	DUONG LE DUNG	***081	70,080
938	LE THANH TRA MI	***234	179,850
939	PHAN THI THAM	***900	42,310
940	NGUYEN PHUNG TRUYEN	***747	68,070
941	VU VAN LAM	***615	32,435
942	NGUYEN THI NGOC TRAM	***333	89,830
943	BUI HUYEN TRANG	***294	182,407
944	TRAN BAO TRAN	***864	84,830
945	TRAN THAI SON	***644	131,353
946	PHAM VAN TO	***534	880,942
947	HUYNH XUAN VY	***164	62,000
948	HOANG VAN SON	***581	1,000,000
949	NGUYEN THI THANH VAN	***728	31,360
950	NGUYEN DUC KHANG	***782	190,782
951	NGUYEN THI PHUONG THAO	***121	66,901
952	PHAM TUAN MINH	***438	72,790
953	TRAN KIEN CUONG	***361	51,820

954	LUONG THI NGOC CHAU	***254	33,200
955	TRAN DUC HUNG	***644	107,171
956	AU THANH HUYEN	***228	67,177
957	DAO THI NGOC TU	***915	143,470
958	NGUYEN VAN BIEN	***534	175,912
959	LE THAI HA	***170	615,749
960	TRINH THI THU NGUYET	***444	91,233
961	NGUYEN DUY	***523	231,186
962	LE THANH DUNG	***507	143,530
963	DINH THI HA	***019	57,070
964	HOANG THI MY HANH	***639	304,537
965	NGUYEN NGOC BICH	***787	84,912
966	HOANG HUY CUONG	***558	1,000,000
967	TRINH HONG NGOC	***570	34,690
968	NGO THU HA	***161	53,494
969	PHAM THU TRANG	***407	55,040
970	THACH MY LINH	***518	1,000,000
971	TIEU QUOC TOAN	***186	31,704
972	BUI VIET DUNG	***636	43,450
973	DINH QUOC HUNG	***721	72,669
974	HO PHUC HOP	***053	42,016
975	DOAN VAN PHONG	***097	31,588
976	VO THI HONG PHUC	***021	424,585
977	PHAN THI BACH HUE	***435	78,930
978	NGUYEN THI THOM	***633	190,000
979	VO HONG HOANG PHUONG	***105	45,840
980	PHAN THI THUY HANG	***936	69,379
981	NGUYEN THE THANG	***863	71,729
982	PHAM KHANH VAN	***533	104,686
983	LAM THUY TRANG	***254	1,000,000
984	DUONG THI HOANG OANH	***047	135,700
985	PHAM PHUONG THUY	***006	55,585
986	DO THI KIM THY	***327	164,420
987	NGUYEN KHANH CHI	***926	202,852
988	HUYNH HIEN HAI	***886	106,584
989	HOANG THI THU HUYEN	***244	164,160
990	MAI HUU THANH	***507	999,360
991	NGUYEN THI THU LIEU	***217	208,900
992	TRAN THI HOANG MAI	***083	90,636
993	NGUYEN THI THOA	***804	44,910
994	VUONG THI NGOC MAI	***853	54,278
995	NGUYEN CANH PHUC	***944	91,443
996	DUONG XUAN TOAN	***436	53,117
997	DUONG THI THANH	***356	50,830
998	DANG THI THANH HIEN	***348	147,656
999	LE NGOC HAI YEN	***117	116,570
1000	NGUYEN AN DUNG	***191	92,950
1001	DINH THI HONG LOAN	***463	110,000

1002	VO THI THANH HUYEN	***961	178,235
1003	DO NGOC DUY	***689	1,000,000
1004	TRUONG DINH THAN	***919	57,786
1005	TA THI HUYEN TRANG	***337	42,730
1006	PHAN THI PHUONG THAO	***216	49,280
1007	TON THAT CAT TUONG	***017	217,337
1008	PHAM THI KIM PHU	***569	93,988
1009	BUI QUANG TAM	***237	36,186
1010	TRAN THI THU GIANG	***148	35,708
1011	NGUYEN TRUC MINH	***462	102,122
1012	VO VAN LAU	***794	129,460
1013	NGUYEN VU MINH TRI	***131	73,290
1014	NGUYEN THI HIEN	***911	314,666
1015	NGO THI BAO YEN	***794	105,614
1016	DUONG DUC DUNG	***395	96,196
1017	HUYNH HOANG HAI	***941	43,205
1018	DUONG THI QUYNH	***964	45,232
1019	TRAN QUANG VIET	***699	46,037
1020	NGUYEN NGHIEM HIEN T	***784	43,790
1021	NGUYEN THUY TRANG	***147	58,840
1022	NGUYEN THI THU	***134	38,900
1023	DOAN THI HOA	***651	87,170
1024	HUYNH MY MY	***515	44,860
1025	DUONG THI THANH BINH	***506	891,840
1026	BUI THI THU HUONG	***285	52,220
1027	TRAN THI NGOC TRAM	***156	33,930
1028	HA THI MY DUNG	***006	45,600
1029	VU THANH SON	***826	140,635
1030	NG QUYNH PHUONG THAO	***234	286,476
1031	HOANG THI TRAM	***424	34,740
1032	PHAM THI HONG LE	***533	37,420
1033	VO THI CAM THU	***360	63,718
1034	PHAM THI THANH TRANG	***974	353,474
1035	NGUYEN SY VINH	***323	73,690
1036	TRAN THI HOAI VAN	***949	70,143
1037	VU HOANG KHOI NGUYEN	***523	84,384
1038	TRAN VAN HUNG	***103	1,000,000
1039	NGUYEN VAN AN	***840	173,140
1040	TRINH THI THU NGOC	***837	61,478
1041	TRAN THI HONG OANH	***480	947,990
1042	NGUYEN THI SEN	***493	183,180
1043	DO TRAN DAT	***258	133,700
1044	HONG PHUONG LIEM	***471	217,678
1045	LE THI NGOC NGA	***564	35,050
1046	DO THIEU HUY	***968	311,800
1047	TRAN THI KIEU	***283	145,337
1048	VO XUAN SON	***212	43,040
1049	NGUYEN THI TUYET NGA	***799	60,565

1050	DINH THI PHUONG	***720	39,030
1051	NGUYEN THI BICH THUY	***100	121,161
1052	DUONG THI NGOC HAN	***398	38,420
1053	BUI THUY HANH	***848	159,440
1054	NGUYEN DANG KHOA	***935	87,766
1055	TRAN THANH BINH	***168	156,746
1056	DANG NGUYEN HOANG SON	***335	55,540
1057	DINH KIM HUE	***519	1,000,000
1058	DOAN HUY HIEN	***243	34,150
1059	LE PHUONG THAO	***155	58,319
1060	CHU THI LOAN	***033	49,560
1061	NGUYEN THI HUONG	***914	127,530
1062	TRINH QUYNH MAI	***207	32,166
1063	NGUYEN THI HONG NGU	***509	90,380
1064	NGUYEN HUYEN TRANG	***242	205,570
1065	VU HA PHUONG LY	***285	64,074
1066	DANG PHONG VU	***148	138,038
1067	HO NGOC THANH HUYEN	***394	84,080
1068	TRAN THI PHUONG ANH	***661	88,000
1069	NGUYEN THI PHUONG	***828	223,653
1070	PHAM PHI HUNG	***668	177,182
1071	NGUYEN THI HONG VAN	***870	143,160
1072	TRAN TU ANH	***030	31,542
1073	NGUYEN THI THANH THA	***941	43,057
1074	NGUYEN HOANG HUNG	***182	42,122
1075	HO THI NHU NGA	***168	100,531
1076	NGUYEN XUAN LAN	***131	112,900
1077	NGUYEN VAN KIEN	***434	32,680
1078	DO THI HONG CHAM	***842	141,940
1079	PHAN THI MY LE	***573	39,525
1080	UNG THI NGUYET THU	***606	54,374
1081	LE VAN THAM	***697	112,810
1082	LE HOANG VU	***188	137,717
1083	LUONG DIEU OAI	***362	569,955
1084	HUYNH VIET TRUNG	***630	356,310
1085	NGUYEN ANH SAO	***689	130,970
1086	LE QUANG TRUNG	***299	33,175
1087	NGUYEN THI NHAN	***920	63,270
1088	LE THUY MY HONG	***640	744,730
1089	LE HONG PHONG	***810	42,058
1090	VU THU TRANG	***803	127,200
1091	ONG THI THAO	***556	62,668
1092	NGUYEN THI MY HANH	***865	40,136
1093	DOAN SON HAI	***957	58,620
1094	PHONG CUN PAU	***621	254,838
1095	NGUYEN THI THU PHUONG	***049	122,880
1096	LE THI TRANG	***931	41,700
1097	NGUYEN THI KIM MY	***479	114,180

1098	TRAN THI KIEU MY	***890	80,900
1099	BUI THI HONG CHINH	***247	1,000,000
1100	TRAN THI KIM HUONG	***960	300,000
1101	DU MY AN	***419	71,350
1102	TRAN THANH TRUC	***486	91,720
1103	PHAM TUAN TU	***168	76,179
1104	PHAM ANH DUC	***671	99,880
1105	TRAN THI HAI YEN	***845	41,065
1106	NGUYEN HOANG PHUONG	***893	56,910
1107	TRAN THI NHU LAU	***050	215,600
1108	PHAM THI THAO TRINH	***152	70,779
1109	LE THI THU HANG	***655	74,370
1110	NGUYEN THI THU THAO	***525	50,713
1111	AU LIEN CHI	***488	62,482
1112	HUYNH TUYET NHUNG	***861	35,812
1113	DANG THANH CUONG	***725	1,000,000
1114	TRAN THI KIM DUNG	***793	107,170
1115	TRAN PHAM THANH THUY	***521	44,290
1116	DO THI TUYEN	***014	39,866
1117	NGUYEN THI THU THAO	***479	58,292
1118	PHUNG NGOC KHANH	***623	336,374
1119	NGUYEN MINH QUAN	***798	41,423
1120	BUI THI HANH	***867	184,950
1121	LE THI THU DUNG	***710	79,767
1122	NGO QUANG THAI	***479	235,624
1123	HO HOANG VIET	***415	65,260
1124	NGUYEN THI THANH TRANG	***199	87,758
1125	DO THI TRANG	***315	184,684
1126	LE THANH MINH	***899	85,780
1127	TRAN THI THU HIEN	***803	32,779
1128	DANG THI NGOC XUONG	***954	191,153
1129	LE DUC THO	***643	40,101
1130	NGUYEN THI HUONG	***199	97,200
1131	HUYNH THI UT	***706	89,981
1132	NGO THI NGOC HANH	***988	67,881
1133	PHAM LE TRUNG	***432	211,798
1134	TRAN THI NHU HA	***053	71,946
1135	VO THI KIM NGAN	***116	96,329
1136	LE TRAN TUAN	***285	73,009
1137	BUI THI LAN HUONG	***760	225,899
1138	VU VAN QUYET	***680	79,240
1139	DO THI THIEP	***216	155,280
1140	DO THU LE	***389	30,766
1141	HUYNH THI MY PHI	***985	219,755
1142	CAO LAN HUONG	***066	259,765
1143	DINH THI PHUONG	***112	31,010
1144	LUONG THI HONG CHI	***957	71,527
1145	NGUYEN DAC HIEU	***712	30,784

1146	HUA THI BACH YEN	***545	160,905
1147	NGUYEN THI HUYEN	***056	1,000,000
1148	NGUYEN VAN THANG	***263	80,202
1149	DAO MINH THUY	***379	382,197
1150	NGUYEN THANH LONG	***395	76,710
1151	LEE YONGWON	***137	86,138
1152	TRAN DUY MY	***095	42,066
1153	NGUYEN THI KIM DUNG	***673	133,067
1154	THAI DANG KHOA	***697	38,520
1155	HOANG THI THAO NGUYEN	***335	118,339
1156	VUONG MINH KHANH	***883	35,407
1157	BE THI TUYEN	***003	54,670
1158	HO HUU PHUC	***856	201,045
1159	PHAM VAN TOAN	***512	80,374
1160	CHARITONOS GREGORIS	***043	87,677
1161	LE BICH LY	***119	60,180
1162	NGUYEN THI KIM NGAN	***454	51,870
1163	VAN THANH HUNG	***015	218,800
1164	NGUYEN DUC TINH	***430	45,691
1165	NGUYEN THI NHU Y	***196	202,370
1166	NGUYEN THI DIEP	***126	39,417
1167	LE MY TU	***678	39,490
1168	TRAN LONG	***967	91,890
1169	LE THI MINH NGUYET	***237	97,250
1170	DAO PHAM MINH THAI	***380	1,000,000
1171	NGUYEN THI TRA MY	***166	104,894
1172	TRUONG THUY HUONG	***514	61,383
1173	NGUYEN THI MAI	***223	122,146
1174	LE HONG PHUONG	***847	150,000
1175	DANG QUANG HUY	***020	43,435
1176	HA VU VUONG	***417	54,200
1177	NGUYEN THI HIEN	***267	43,300
1178	TRINH CONG NONG	***924	37,700
1179	NGUYEN THAO NGUYEN	***019	132,089
1180	NGUYEN THI VAN	***777	907,199
1181	CAO QUOC Y LINH	***768	60,745
1182	PHAM XUAN TRUONG	***076	103,462
1183	NGUYEN THUY HANG	***087	82,082
1184	VU THI DAO	***059	30,647
1185	NGUYEN TIEN DONG	***132	121,549
1186	HOANG XUAN DAI	***341	81,845
1187	NGUYEN VAN HOANG	***680	74,996
1188	DAO ANH THU	***656	79,966
1189	LE THI LINH	***055	249,615
1190	HOANG THI LE TRINH	***176	82,205
1191	DUONG HIEU	***862	134,819
1192	DOAN NGOC QUY	***112	37,080
1193	NGUYEN BINH PHUONG T	***240	63,053

1194	BUI PHAM HAI MY	***316	70,350
1195	VO PHUONG LINH	***866	44,797
1196	NGUYEN BICH HANH	***617	53,650
1197	NGUYEN NGOC ANH	***283	206,203
1198	TRAN TUYET NGA	***820	114,493
1199	AU QUOI LUONG	***569	152,144
1200	VU VAN LOC	***905	55,590
1201	TRAN THI TU ANH	***244	122,910
1202	TRUONG TH HONG NHUNG	***068	271,613
1203	VU QUANG HUNG	***491	467,050
1204	DANG THI XUAN HONG	***756	87,140
1205	THAI BAO TRAM	***489	93,488
1206	KHUAT THI NGA	***757	65,139
1207	TON NU DIEU HIEN	***705	45,230
1208	DO TAN TAI	***733	136,770
1209	BUI THI QUYNH TRANG	***791	142,760
1210	DAO THI THU DINH	***651	185,449
1211	NGUYEN BINH SON	***165	92,500
1212	HUYNH KIM THAI SON	***893	38,502
1213	MAC THI THUY	***662	90,907
1214	LE THI KIEU OANH	***309	320,090
1215	DANG THI NGOC CHIEN	***935	204,297
1216	NGUYEN HOANG KIM	***429	176,539
1217	AU NGUYEN MINH THI	***094	251,492
1218	NGUYEN MINH CHIEN	***380	114,573
1219	VO LE MINH TRANG	***851	236,344
1220	VO THI QUYNH NHU	***224	247,600
1221	KIM DONG SOOK	***592	62,650
1222	HOANG THI CHI	***588	106,954
1223	PHAM MINH NHAT TAN	***026	147,900
1224	NGUYEN THI YEN LINH	***557	44,172
1225	NGUYEN XUAN NAM	***428	48,535
1226	TRINH THI THUY TRANG	***480	155,010
1227	HOANG PHUONG NAM	***207	300,000
1228	NGUYEN TIEU LONG	***514	128,896
1229	NGUYEN ANH DUNG	***537	67,803
1230	VU DUC HUNG	***300	40,940
1231	LUU THI HANG	***042	110,639
1232	NGUYEN MANH HUNG	***417	103,570
1233	PHAM PHUONG THOA	***960	62,598
1234	NGUYEN THI THAO	***737	53,961
1235	CAO BA LOC	***945	84,425
1236	NGO MAI NHUNG	***562	44,280
1237	LE NGUYEN UYEN KIM	***331	64,120
1238	TRAN VAN TU	***620	57,462
1239	DINH BAO NGOC	***507	57,940
1240	MA THIEN KIEU	***061	108,294
1241	THAI PHAN TRUNG	***835	58,300

1242	NGUYEN THI LAM HIEU	***222	40,547
1243	TRAN THI THU	***428	66,648
1244	LUU THI NGOC ANH	***624	39,060
1245	NGUYEN KHAC CONG	***073	54,500
1246	LAI THI TINH	***966	38,487
1247	NGO THI DIEU NINH	***460	43,441
1248	TRUONG NU NHU NGOC	***523	353,952
1249	NGUYEN QUOC HUY	***749	32,160
1250	DO HOAI SON	***279	197,395
1251	TRAN THI KIM CUC	***377	143,955
1252	TRAN HUU PHUC	***100	140,350
1253	NGUYEN TRAN THANH HA	***737	62,955
1254	NGUYEN THI LIEU	***545	79,030
1255	LA THI THU GIANG	***444	100,957
1256	PHAM MINH TUAN	***620	195,240
1257	BUI CONG CHIEN	***495	70,406
1258	PHAM THI HONG VAN	***757	58,550
1259	HOANG VAN DUONG	***247	72,070
1260	BUI HUY CUONG	***411	93,220
1261	NGUY THI XUAN HUONG	***637	193,954
1262	PHAM THI BICH NGOC	***193	144,514
1263	TRUONG LE HOA	***253	35,541
1264	PHAN THI HOAI	***295	47,537
1265	NGUYEN THANH BINH	***107	107,017
1266	NGUYEN TRUNG NGHIA	***981	558,500
1267	VU THANH HUYEN	***044	89,092
1268	LE QUOC LAP	***569	31,820
1269	LE MINH TUNG	***706	84,050
1270	BUI THI TU NHI	***654	43,870
1271	NGUYEN DUY TUNG	***077	56,672
1272	NGUYEN THI NGOC	***946	333,393
1273	TRAN THI BICH DAO	***697	42,570
1274	PHAM VAN NAM	***801	58,200
1275	HO THI KIM THUY	***067	83,570
1276	HOANG THI MINH HUONG	***759	394,620
1277	DUONG THANH THOI	***745	1,000,000
1278	DO SI HIEN	***928	575,926
1279	CAO THI NHU QUYNH	***938	391,810
1280	NGUYEN MINH LOC	***241	172,063
1281	BUI QUANG TOAN	***669	76,708
1282	PHAN THI NHAT LE	***250	51,144
1283	VU THI NGOC	***303	70,883
1284	NGUYEN ANH TUAN	***619	53,812
1285	DOAN NHU NGUYEN	***453	35,154
1286	VY THI BUN MY	***769	900,000
1287	TRAN XUAN THO	***347	69,008
1288	LE THI PHUONG LINH	***068	40,150
1289	NGUYEN THI NGOC PHUO	***255	93,092

1290	LE THI THUY DIEM	***225	101,218
1291	TRAN LE NGA	***106	202,680
1292	THAI TRANG	***538	45,043
1293	HUYNH THI BAO NGOC	***648	249,044
1294	TO THI MONG HOAI	***085	188,660
1295	NGUYEN HONG NHUNG	***845	42,270
1296	NGUYEN THE ANH	***857	42,603
1297	PHAM THI TUONG LINH	***215	74,062
1298	PHAM THI MAI HUONG	***081	69,539
1299	NGUYEN THI HONG HANH	***050	42,428
1300	NONG THI QUYNH ANH	***608	130,361
1301	DO THI THANH BINH	***913	55,380
1302	VU LE HANH	***327	60,455
1303	NGUYEN NHAN DUC	***091	34,024
1304	TRAN HONG VAN	***093	88,602
1305	LE ANH THU	***972	153,703
1306	VU VIET CONG	***982	50,550
1307	CHAIYAPORN SUPANYA	***206	145,900
1308	LAM THI THIEU	***568	238,120
1309	TU NGUYEN UYEN DY	***222	210,290
1310	PHAM THI NGOC TUYET	***409	69,180
1311	NGUYEN THI TRANG	***081	182,100
1312	LE THI PHUNG	***916	234,309
1313	DO HUONG GIANG	***224	157,098
1314	VUONG HUE DINH	***948	665,955
1315	MAI TRAM	***786	584,526
1316	PHAN XUAT HIEN	***405	373,600
1317	NGUYEN TUAN VU	***738	36,394
1318	DO TUNG LAM	***319	63,631
1319	NGUYEN PHUONG DUNG	***761	30,600
1320	DO THI YEN	***107	100,125
1321	PHAM THI THANH VAN	***427	212,800
1322	NGUYEN THI PHUONG NHUNG	***796	66,753
1323	NGUYEN THI PHUONG UYEN	***498	58,450
1324	NGUYEN DUY TINH	***322	56,223
1325	VO QUOC BAO	***311	77,150
1326	NGO THI HAI YEN	***395	147,988
1327	NGUYEN NAM HUAN	***466	46,943
1328	NGUYEN THI THU	***350	1,000,000
1329	NGUYEN VAN HAI	***590	1,000,000
1330	NGUYEN ANH TUAN	***834	128,240
1331	TRIEU LUONG TU PHUONG	***724	63,537
1332	TRAN THANH TRUNG	***678	36,350
1333	NGUYEN DO BAO KHUYEN	***706	67,780
1334	HUYNH THI XUAN HANH	***986	59,247
1335	TRAN ANH HONG	***484	51,570
1336	VU THI NGOC ANH	***099	260,305
1337	NGUYEN THUY DUONG	***926	49,270

1338	VO THI NGOC ANH	***607	63,470
1339	TRAN THANH THAO	***367	54,400
1340	TRAN THIEN THANG	***745	152,090
1341	NGUYEN THI LOAN	***360	314,496
1342	LE THI HANH	***673	149,139
1343	HUYNH TAN DUNG	***687	124,880
1344	CAO THI HAU	***687	102,050
1345	NGUYEN THI NGOC HA	***315	32,919
1346	VU THI BAO YEN	***640	107,030
1347	PHAM THANH MAI	***405	185,436
1348	TRAN THI THU HA	***552	30,015
1349	HUYNH THI BE BA	***658	97,796
1350	LE THI PHUONG HOA	***869	78,161
1351	VU VINH THUY	***397	115,190
1352	NGUYEN VAN TU	***405	73,754
1353	NGUYEN MINH HA	***784	572,520
1354	NGUYEN THANH HA	***907	59,293
1355	NGUYEN THI KHANH NINH	***734	358,604
1356	PHAM THI THANH HAI	***877	84,828
1357	DO THI THU HA	***463	32,923
1358	VO HOANG THIEN LY	***176	300,000
1359	NGUYEN NGOC HUE	***415	63,900
1360	TRAN HOANG HUYEN TRAN	***900	146,486
1361	LY HONG TRANG	***037	159,498
1362	MAI DUC HOAI THUONG	***522	43,000
1363	HOANG THI NHUNG	***939	34,379
1364	DO THI TU	***286	80,655
1365	NGUYEN THI MINH TRINH	***228	577,447
1366	TRAN VIET LINH	***675	43,653
1367	TRINH QUANG HUY	***732	108,252
1368	DINH THI HONG NHUNG	***129	38,520
1369	LE DINH HUE	***713	50,630
1370	NGO TRUNG DUNG	***396	41,522
1371	VU THI DIEU LINH	***086	41,688
1372	LE MINH NHAT	***847	56,480
1373	NGUYEN HOANG VU	***426	142,987
1374	DANG THI MINH HOA	***230	89,008
1375	TO VU QUANG NHAT	***121	63,440
1376	VU TRONG THUAN	***131	1,000,000
1377	NGUYEN THI KIM OANH	***222	138,860
1378	NGUYEN THANH MAI	***643	73,388
1379	TRAN THI THUY VAN	***825	92,103
1380	NGUYEN THI XUAN THINH	***427	876,260
1381	AU DUONG TUAN TOAN	***146	39,900
1382	VO THI THUY NGA	***575	58,850
1383	TRAN VAN CUONG	***848	110,500
1384	NGUYEN THI MAN	***401	149,400
1385	NGUYEN HOANG HUNG	***563	62,535

1386	THUONG NGUYEN PHUONG TRANG	***440	344,012
1387	DOAN THI THUY	***231	95,875
1388	NGUYEN THI HA MINH	***541	78,063
1389	DINH MANH HAI	***699	221,462
1390	NGUYEN THI MAI HOA	***634	71,160
1391	NGUYEN THI CUC	***899	422,391
1392	HOANG MINH TUAN	***710	56,552
1393	TRAN SON HOAN	***766	72,188
1394	TRAN THI HAI	***621	50,000
1395	HOANG QUOC LONG	***240	227,860
1396	NGUYEN TRAN THU THAO	***615	52,000
1397	TRUONG DINH QUOC BAO	***849	489,013
1398	LE THI THUY VAN	***800	813,220
1399	BUI THI THANH XUAN	***640	307,055
1400	NGUYEN THU TRA	***334	43,470
1401	LA THI KIM DUNG	***685	61,057
1402	HOANG THI THU	***101	117,770
1403	PHAN THI LUA	***522	119,804
1404	TRAN THI ANH NGA	***159	126,614
1405	NGUYEN VU THANG	***721	273,300
1406	TRAN THI THANH TIEN	***975	219,970
1407	NGUYEN TON QUYEN	***340	102,343
1408	DANG THANH TU	***922	966,250
1409	HUYNH THI MAI VI	***122	129,318
1410	NGUYEN CONG THINH	***782	83,741
1411	NGUYEN NHAT PHUONG	***909	191,404
1412	VU THI THUY VY	***968	66,164
1413	TA THI THUONG HUYEN	***666	93,946
1414	NGUYEN QUOC TUAN	***540	120,416
1415	TRAN LU DONG CHAU	***258	36,280
1416	HUYNH PHUONG TRANG	***039	140,243
1417	LE XUAN TAI	***092	151,070
1418	NGUYEN THI CHUC	***945	82,623
1419	DINH HUU THINH	***239	74,756
1420	SATORU KAWASAKI	***492	250,727
1421	HOANG THI LIEN	***492	49,750
1422	PHAM VAN THANH	***014	602,910
1423	NGUYEN DUY DUC	***426	119,650
1424	LY NHUT HUNG	***194	1,000,000
1425	NGUYEN THI VAN	***711	48,668
1426	LEE MANSEUNG	***908	173,290
1427	DUONG THANH TRANG	***678	44,741
1428	LE NGUYEN PHUONG THU	***961	108,847
1429	PHAN MAI TRANG	***240	999,100
1430	DANG THI MY CHI	***117	30,878
1431	NGUYEN THI MAI HUONG	***775	140,043
1432	HO HUU DUC	***523	760,240
1433	NGUYEN THI PHUONG QUYNH	***915	45,300

1434	NGUYEN DAO THE NHAN	***522	151,090
1435	PHAM CONG DANH	***050	43,800
1436	DOAN NGOC PHUONG	***672	460,688
1437	NGUYEN THI CHINH	***267	1,000,000
1438	DO NGOC HUY	***629	1,000,000
1439	NGUYEN THU HOAI	***880	33,910
1440	HOANG QUOC TUNG	***705	58,961
1441	NGUYEN MANH HUY	***364	144,930
1442	DO MINH NHAT	***847	81,100
1443	TRAN MANH THANG	***268	41,225
1444	DINH HOANG GIANG	***660	414,140
1445	NGUYEN THI KIM LOAN	***813	125,127
1446	HOANG TUAN MINH	***174	76,210
1447	NGUYEN VU PHONG	***014	156,078
1448	LE THANH BINH	***175	87,856
1449	PHAM VAN CUONG	***347	88,710
1450	VU THI LAN ANH	***864	64,236
1451	LUU VAN DUNG	***208	132,980
1452	NGUYEN THI NGOC HA	***202	61,579
1453	NGUYEN THI THUY DUNG	***416	157,540
1454	HOANG MINH HANG	***350	123,976
1455	RYOJI KATAOKA	***902	34,343
1456	DAO VAN HAI	***394	103,775
1457	TRINH THI MY NGOC	***087	96,418
1458	NGUYEN XUAN DUNG	***978	50,850
1459	BUI NGOC ANH	***757	43,872
1460	NGUYEN TRUNG HIEU	***928	144,422
1461	LE THI THANH HA	***408	38,308
1462	CHAU NGHIEP VAN	***080	68,925
1463	NGUYEN THI THU HIEN	***587	60,545
1464	DO VAN QUANG	***900	46,849
1465	DANG THI THOM	***918	1,000,000
1466	PHAN THI THU THUY	***718	250,212
1467	NGUYEN KHOA NAM	***915	215,723
1468	NGUYEN VAN PHONG	***926	52,195
1469	NGUYEN THI MY LINH	***400	61,785
1470	TRAN THI THANH HANG	***858	366,580
1471	TRINH THI MINH TRANG	***867	78,666
1472	DINH LE HUYNH YEN	***839	95,480
1473	LE HOANG	***044	319,513
1474	TRAN N K TRANG	***555	207,262
1475	NGO THANH TU	***096	105,673
1476	VAN TUYET HANH	***679	91,162
1477	VU KIM DUNG	***423	181,680
1478	TRAN THU UYEN	***342	72,816
1479	NGUYEN THI KIM LIEN	***890	955,615
1480	DANG THI MAI	***141	55,547
1481	NGUYEN LAN HUONG	***267	137,397

1482	VU THU THAO	***469	107,940
1483	NGUYEN THI THANH VINH	***770	45,641
1484	DO ANH PHONG	***832	95,800
1485	MAI THI HUONG NHUNG	***622	172,630
1486	TA DUC VINH	***411	67,020
1487	VO PHUONG THI	***633	42,770
1488	DAM THI NHUNG	***166	1,000,000
1489	VO NGUYEN THUY DUNG	***382	70,000
1490	HOANG THI THU HA	***720	60,271
1491	DANG THI NGOC NIEM	***460	77,000
1492	DINH THI PHUONG THAO	***624	68,084
1493	NGUYEN QUANG HUY	***737	35,127
1494	TRAN THAO TRANG	***974	1,000,000
1495	NGUYEN NGOC HONG ANH	***036	71,290
1496	VAN THI HUONG	***841	1,000,000
1497	NGUYEN THI KIM XUYEN	***831	1,000,000
1498	NGUYEN THI HAI HA	***283	43,219
1499	NGUYEN MINH QUAN	***032	77,659
1500	NGUYEN HONG HA	***044	71,274
1501	DIEP THANH TRI	***422	54,960
1502	HO THUY QUY HUONG	***422	120,210
1503	TSAI YUN LIN	***012	35,990
1504	TRUONG THI MY PHUONG	***972	77,408
1505	NGUYEN THI NGOC HUONG	***655	1,000,000
1506	PHAM THI VAN ANH	***167	57,860
1507	NGUYEN T THUY TRANG	***226	73,132
1508	LE THI MY TIEN	***434	102,617
1509	NGUYEN THI THU THUY	***913	324,460
1510	TRAN THI THUY NGAN	***029	70,160
1511	HUYNH VAN BINH	***062	155,283
1512	NGUYEN QUOC THONG	***946	227,600
1513	PHAN THI THUY	***060	52,990
1514	TRAN THI THU HIEN	***000	92,100
1515	TRAN THI PHUONG	***636	41,880
1516	NGUYEN THI BICH LIEN	***224	173,720
1517	NGUYEN THANH HUYEN	***433	62,070
1518	TRAN HUU TIEN	***904	286,201
1519	NGUYEN T UYEN PHUONG	***472	77,999
1520	VO VAN PHONG	***593	36,851
1521	HOANG TUAN ANH	***823	38,965
1522	NGUYEN VAN CHUNG	***856	881,840
1523	HOANG BICH THUY	***416	93,654
1524	TRAN VAN LOC	***879	173,085
1525	TRAN MINH PHUONG	***583	160,813
1526	KIM YOUNGBEOM	***055	121,748
1527	LUONG MINH HIEU	***521	74,247
1528	TRAN THI XUYEN	***318	120,001
1529	PHAM THI MAI ANH	***883	170,000

1530	BUI PHUONG THAO	***245	90,000
1531	CHAU THI TUYET THAO	***772	239,217
1532	DOAN HOA PHUONG	***518	183,290
1533	DUONG VAN HUNG	***202	226,210
1534	DINH THI HONG KHANG	***229	332,914
1535	LE XUAN DUNG	***684	136,739
1536	HOANG THI TUYEN	***321	48,028
1537	VU KHANH BA DAT	***758	191,998
1538	LE ANH TUAN	***605	75,645
1539	NGO THI XUAN	***592	123,439
1540	DO THI THU LAI	***264	37,970
1541	DAO HOANG THONG	***557	59,681
1542	TRINH KIM TRUNG HIEU	***788	41,380
1543	NGUYEN THI TRA LINH	***291	172,310
1544	TRAN NGOC SON	***743	32,610
1545	DUONG QUANG THANH	***164	328,244
1546	DANG THI ANH THU	***775	56,873
1547	HOANG DINH THUC	***298	49,520
1548	LE QUANG MINH	***058	120,360
1549	NGUYEN HOANG TRIEU	***436	76,046
1550	LE THI PHUONG HOA	***815	82,412
1551	NGUYEN THI THUY	***562	55,214
1552	CAO THI THAM	***691	319,270
1553	CHU VAN HIEU	***225	45,983
1554	LUU QUANG DUC	***990	65,550
1555	THOMAS CHRISTIAN FR PHILIPPE	***396	198,217
1556	LE THI HOAT	***979	47,842
1557	TRAN NGUYEN THONG	***088	55,616
1558	TRIEU MINH THANH	***471	90,663
1559	NGUYEN QUE NHU	***391	113,526
1560	TRAN NGUYEN HAN	***591	81,380
1561	NGUYEN CAM VAN	***183	973,950
1562	LE TUONG QUYEN	***886	1,000,000
1563	DONG QUY PHUONG	***675	50,461
1564	LE THI HONG OANH	***785	37,100
1565	NGUYEN THANH CHUNG	***535	43,840
1566	TRAN MY NGAN	***774	130,000
1567	NGUYEN HUYEN TRANG	***770	86,928
1568	PHAM THI LAN ANH	***624	36,720
1569	NGUYEN THI HUONG	***986	38,003
1570	PHAM ANH TU	***911	131,805
1571	NGUYEN QUOC HUY	***041	59,195
1572	MAI VAN HOANG	***120	32,684
1573	LE QUANG HUY	***870	36,097
1574	PHAN QUOC VUONG	***330	53,178
1575	BUI THI THU THAO	***132	31,804
1576	KAZUHIKO SUGIYAMA	***407	70,409
1577	NGUYEN THUY CUC	***158	30,305

1578	TRAN LINH THY	***762	32,037
1579	HOANG THI LAN HUONG	***330	145,960
1580	TU DIEP CONG THANH	***930	762,262
1581	PHAM MINH THANG	***773	1,000,000
1582	NGO THI DIEP	***108	153,806
1583	LE THI NGUYET	***234	1,000,000
1584	NGUYEN THI HUE	***579	66,840
1585	HOANG THI MINH THU	***696	40,208
1586	TRAN THI TUYET NGOC	***488	405,165
1587	NGUYEN THI LUA	***050	54,875
1588	TRAN BA PHU	***026	330,360
1589	TRAN THI HUONG QUYNH	***056	135,493
1590	VO HOANG LONG	***900	104,897
1591	HO NGUYEN THUY ANH	***635	100,110
1592	NGUYEN THI THU HOAI	***653	167,420
1593	LE THI HUYEN TRANG	***432	143,667
1594	SHAI CHAI SHMUEL	***512	524,137
1595	CAO MINH SANG	***599	1,000,000
1596	DUONG BICH CHAU	***829	34,835
1597	NGUYEN DIEU NGOC	***886	55,100
1598	NGUYEN THI THU PHUON	***426	226,692
1599	OH JONGSEOK	***298	127,201
1600	TA VAN TUAN	***981	35,237
1601	DO THI NGOC DUYEN	***402	35,248
1602	KIEU ANH VU	***524	114,091
1603	TRUONG QUOC DAT	***330	72,710
1604	VU TRONG THANG	***628	34,644
1605	KIM MIN HEE	***735	268,963
1606	CAO DUY NHA	***181	45,200
1607	TRAN PHUONG DONG	***538	121,746
1608	NGUYEN TUAN LONG	***691	60,918
1609	NGUYEN MINH HUYEN	***276	100,000
1610	LE THI THU	***004	99,255
1611	DAO TRUNG HIEU	***565	346,464
1612	LE HAI VINH	***573	82,740
1613	QUACH THI HA	***367	39,442
1614	NGUYEN THI THANH QUYNH	***035	43,186
1615	NGUYEN THI THUY	***017	77,487
1616	LE THI HUYEN THANH	***041	32,758
1617	DO THI THU	***048	88,260
1618	TRAN THI TRANG	***253	130,540
1619	NGUYEN THI VAN ANH	***628	282,235
1620	BUI THI HANG	***493	120,671
1621	HOANG LE THAO UYEN	***917	78,312
1622	VU THI MINH THUY	***911	104,690
1623	OTA KIHACHIRO	***235	125,012
1624	TRAN VAN HOA	***995	211,070
1625	LEE JEONG HOON	***053	645,040

1626	DO DANG KHOA	***965	198,065
1627	NGUYEN THI BICH TRAM	***784	110,860
1628	DO THI CHIN	***794	51,197
1629	VO MINH PHU	***666	140,179
1630	VU HONG NHUNG	***898	40,860
1631	NGUYEN DINH TAI	***623	96,460
1632	BUI NGOC PHUONG DUNG	***922	44,070
1633	DANG THIEN QUANG	***422	398,230
1634	PHAM THANH HOA	***836	31,226
1635	NGUYEN THI LIEN	***130	62,720
1636	MAI THI THANH HUONG	***826	1,000,000
1637	NGUYEN DUC CANH	***916	41,010
1638	NGUYEN THI AN HUNG	***046	221,137
1639	NGUYEN VO DANG KHOA	***305	73,690
1640	DINH THI THANH HUYEN	***975	80,180
1641	BUI TRONG DUONG	***364	62,481
1642	LE VAN NGUYEN	***411	722,340
1643	NGUYEN THUY VAN	***754	758,697
1644	NGUYEN HOANG OANH	***406	179,131
1645	PHAM HONG VIET	***030	58,064
1646	DO THI LOAN	***464	230,080
1647	NGUYEN VAN LUAN	***430	40,866
1648	VO THI KIM THOA	***078	30,817
1649	LAM DUC PHONG	***744	66,185
1650	LE THI THUY	***679	48,033
1651	TRAN ANH TU	***510	35,660
1652	NGUYEN THI THU HA	***090	660,839
1653	NGUYEN THANH TUNG	***659	806,080
1654	NGUYEN NGOC HIEN	***387	182,300
1655	VU THI HONG LOC	***366	74,240
1656	NGUYEN THE ANH	***954	129,835
1657	NGUYEN THI THUY	***169	1,000,000
1658	NGUYEN KHANH CHUONG	***080	34,200
1659	TRAN THI THU THUY	***036	1,000,000
1660	RAMESH PARERA	***931	108,173
1661	LE VAN DANG	***265	100,000
1662	BUI DUC HOAN	***452	198,662
1663	BADLANI KISHORE HARJ	***123	84,103
1664	NGUYEN THI THANH TUY	***511	70,014
1665	TRAN QUOC TRUNG	***406	101,792
1666	DANG THANH HIEU	***527	67,379
1667	PHAM THI HONG VINH	***488	81,946
1668	NGUYEN THI THANH DIEM	***768	39,098
1669	TRAN THI CUC	***553	550,000
1670	NGUYEN THI LAN HAN	***861	34,183
1671	NGUYEN PHAM MAI TRANG	***003	198,203
1672	NGUYEN DUC TIET	***700	728,776
1673	NGUYEN THI HONG NHUN	***090	75,806

1674	HOANG GIA BAO	***452	114,740
1675	TRAN THI THO	***698	66,280
1676	LUONG THI HIEN	***280	976,550
1677	LAM KIEU LANG	***810	253,050
1678	NGO HAI LINH	***870	42,850
1679	DAM THI HUONG	***012	119,290
1680	NGUYEN THANH VINH	***461	508,114
1681	NGUYEN ANH QUANG	***504	88,812
1682	NGUYEN DO	***751	49,700
1683	DO CAO CUONG	***589	55,280
1684	LE DANG DIEU	***087	70,300
1685	PHAM THI THANH LAN	***199	88,177
1686	NGUYEN THI HUONG	***791	85,220
1687	NGUYEN DUC TRI	***971	174,036
1688	NGUYEN VAN SON	***857	463,990
1689	PHAM THI PHUONG	***723	236,779
1690	DINH THI LAN CHI	***485	152,264
1691	PHAM THI NGOC TAM	***746	413,941
1692	TRAN VAN TRIEU	***901	63,290
1693	NGUYEN XUAN THANH	***035	426,480
1694	HOANG THI NGA THU	***183	36,792
1695	NGUYEN TRAN DIEP	***438	69,737
1696	NGUYEN THI LANH	***707	100,000
1697	NGUYEN T XUAN THAO	***159	213,820
1698	LAM MINH HOA	***392	83,163
1699	DANG THAI THANH	***016	50,890
1700	HO THANH HUYEN	***563	113,630
1701	PHAN KIM LIEN	***675	865,230
1702	MAI THI THIN	***403	636,860
1703	LE VIET HUNG	***979	90,150
1704	NGUYEN THI TIM	***152	1,000,000
1705	NGUYEN THI THUY LINH	***008	63,116
1706	PHAM HUYEN THU	***264	67,340
1707	VGUYEN THI HANG	***641	1,000,000
1708	NGUYEN VAN HUY	***781	100,000
1709	NGUYEN THU HIEN	***581	64,961
1710	NGUYEN HOAI NHON	***910	100,000
1711	TRAN MINH TUAN	***429	39,610
1712	NGUYEN THI THANH HUYEN	***794	166,356
1713	DOAN TRONG NAM	***397	33,316
1714	NGO THI TRUC PHUONG	***937	44,221
1715	NGUYEN PHUONG LINH	***696	48,548
1716	TRINH THI LE QUYEN	***977	97,800
1717	LY CAO NGOC DUY	***797	102,010
1718	NGUYEN HUYNH HOAI THUONG	***353	91,390
1719	PHAM THI HOAI THU	***305	85,637
1720	NGUYEN DUC HANH	***741	202,476
1721	LUU KIM PHUONG	***700	69,063

1722	KHUU DIEM CHI	***231	104,399
1723	NGUYEN HONG THUONG	***095	400,000
1724	DUONG VU TUAN ANH	***921	101,011
1725	VUONG THANH LIEN	***756	77,508
1726	TRAN NG KIEU CHINH	***034	99,170
1727	DAO THI DOAN TRANG	***706	1,000,000
1728	NGUYEN DANG KHOA	***755	35,892
1729	NGUYEN VAN LAM	***034	112,774
1730	NGUYEN NGOC THAO	***598	272,580
1731	TU CHAU LONG	***499	1,000,000
1732	PHAN THI HONG NGAN	***225	78,905
1733	DAO NGOC TRANG	***128	32,779
1734	TONG THI LE GIAO	***159	325,606
1735	NGUYEN NGOC LAN	***639	30,104
1736	PHAM THI MY DUNG	***318	97,165
1737	NGUYEN HAI LONG	***492	53,469
1738	NGUYEN THI BAO NGOC	***351	234,751
1739	PHAM THI THUY	***794	70,600
1740	CHUNG MY LINH	***678	43,420
1741	LUU HUNG SANH	***522	105,094
1742	DAO THI KIM DUNG	***256	40,036
1743	UNG QUANG VIET	***501	88,060
1744	NGUYEN DO THU HUONG	***879	113,183
1745	PHAM DINH HOA	***062	170,600
1746	TRAN THI KIM NGAN	***435	157,170
1747	HO THI THANH PHUONG	***458	100,000
1748	PHAM QUOC LINH	***737	123,924
1749	LE QUANG TRI	***673	200,000
1750	LE LE NA	***325	900,000
1751	LUONG VAN GIAU	***942	132,400
1752	HUYNH HUY ANH THU	***195	55,368
1753	NGUYEN TOAN	***298	200,000
1754	VU DINH HUNG	***820	150,000
1755	LE THI MONG BINH	***880	100,000
1756	NGUYEN QUOC MINH	***561	101,280
1757	PHAM NGOC THI PHUONG LINH	***380	79,421
1758	TA XUAN TIEN	***033	57,372
1759	HUYNH THI NGOC BICH	***068	206,265
1760	CAO THI HONG HANH	***169	94,873
1761	HOANG LE VINH	***269	56,700
1762	VU THI THUY NGA	***832	45,710
1763	HO THAI BINH	***857	70,440
1764	AN YANG SUB	***546	51,560
1765	NGUYEN DINH QUOC ANH	***630	142,940
1766	TO HOANG YEN	***594	122,899
1767	NGUYEN HOANG SON	***776	104,160
1768	LU MINH QUAN	***922	76,720
1769	TRAN THI THANH TRA	***428	96,112

1770	NGUYEN VO KIM KHOI	***145	209,174
1771	LE ANH TUAN	***035	144,560
1772	HUYNH TRONG DUC	***709	857,318
1773	PHAM ANH TUAN	***919	45,900
1774	QUACH THI MAI ANH	***808	36,730
1775	DANG THI NGOC HUONG	***564	71,627
1776	NGUYEN THUY THUY AN	***606	57,633
1777	LUU THI VAN	***852	221,027
1778	TO THI KIM THANH	***836	57,165
1779	TRAN NGOC THANH	***762	50,850
1780	NGUYEN T THANH THANH	***152	122,834
1781	DINH THI TUYET MAI	***516	30,528
1782	LAM QUANG QUY CHUONG	***238	698,746
1783	TRAN THI TAN HA	***221	99,151
1784	VO THI HONG THUY	***498	254,267
1785	DANG QUYNH NHU	***070	100,000
1786	NGUYEN BA THONG	***885	277,470
1787	DUONG CAO THAI NGUYEN	***607	175,171
1788	TRAN THI THU HONG	***935	47,740
1789	HOANG THI HUYEN VAN	***316	1,000,000
1790	NGUYEN THAI HUNG	***879	977,235
1791	PHAN THI THANH LOAN	***849	31,085
1792	PHAM CONG THANH	***069	106,910
1793	NGUYEN XUAN DONG	***108	150,000
1794	NGUYEN THI THU GIANG	***134	125,546
1795	TRAN QUANG VU	***591	116,626
1796	HUYNH THI XUAN	***012	54,540
1797	NGUYEN THI THANH	***295	511,974
1798	PHAM THI THANH VAN	***718	75,934
1799	NGUYEN THI THU PHONG	***549	190,760
1800	TRAN THI VAN ANH	***596	67,290

2. Tại Big C giai đoạn 2

STT	Họ và tên khách hàng	Số thẻ	Số tiền trả thưởng (VNĐ)
1	QUACH THI HA	***367	30,110
2	NGUYEN THI THUY	***017	219,575
3	NGUYEN THI TAM	***895	40,850
4	DOAN PHO	***252	851,300
5	TRAN THI HONG LAM	***995	623,310
6	PHAM TUYET HANH	***417	40,811
7	DOAN THI HONG LINH	***036	1,000,000
8	LE THI HUYEN TRANG	***432	123,560
9	LE THI NGUYET	***234	1,000,000
10	LE TUONG QUYEN	***886	534,660
11	NGUYEN CAM VAN	***183	682,240
12	NGUYEN VAN CHUNG	***856	415,890
13	NGUYEN THI HONG NHUNG	***945	1,000,000

14	VAN THI HUONG	***841	801,600
15	TRAN THAO TRANG	***974	1,000,000
16	TRAN THI TO NGA	***844	36,253
17	TRAN ANH DUNG	***860	76,379
18	NGUYEN MINH HA	***784	1,000,000
19	NGUYEN THI NGOC HA	***315	33,818
20	DANG MAI TRANG	***758	57,214
21	NGUYEN THI VAN	***777	1,000,000
22	NGUYEN THI NHU QUYNH	***043	40,850
23	TRAN THI VAN ANH	***067	39,030
24	DO THI THIEP	***216	393,411
25	NGUYEN THI THANH HA	***965	104,894
26	NGUYEN HAI YEN CHI	***247	83,225
27	NGUYEN THI LIEN	***130	179,919
28	NGUYEN THI AN HUNG	***046	180,099
29	NGUYEN THUY VAN	***754	1,000,000
30	TRAN THI THU THUY	***036	1,000,000
31	TRAN THI HOANG ANH	***676	50,558
32	LUONG THI HIEN	***280	1,000,000
33	TRAN TRONG KY	***761	910,320
34	DO VAN QUYEN	***697	231,139
35	NGUYEN LINH CHI	***392	1,000,000
36	NGUYEN THI THAO	***970	39,800
37	HOANG VAN SON	***581	1,000,000
38	TRAN THI HONG OANH	***480	1,000,000
39	LUONG BAO NGOC	***666	60,681
40	DOAN THI LAM HUONG	***787	987,280
41	NGUYEN DUC TRI	***971	58,350
42	NGUYEN THI THU HIEN	***728	335,770
43	NGUYEN THANH HOA	***746	324,356
44	LE THI THU HUONG	***059	257,503
45	THAI QUYNH NGA	***760	79,203
46	HOANG VAN NGUYEN	***726	105,492
47	HO TRONG HUU	***229	50,198
48	NGUYEN THI THU HA	***027	183,158
49	VO CHI THANH	***424	72,420
50	DAO TRUONG SON	***530	147,942
51	LE THI NGUYET ANH	***756	281,779
52	NGUYEN THI HUYEN	***706	35,038
53	TRINH THI BICH HANH	***281	47,540
54	NGUYEN HUY HA	***792	102,629
55	NGUYEN THI PHUONG	***513	161,500
56	PHAN LINH CAM	***917	146,099
57	LE CHI DUNG	***700	146,361
58	NGUYEN SON HAI	***912	127,728
59	VU HONG PHUONG	***605	98,405
60	NGUYEN THU GIANG	***222	80,844
61	BUI THE HUNG	***887	105,587

62	NGUYEN THI THANH HUY	***954	341,181
63	DUONG THI THANH BINH	***506	1,000,000
64	DAO XUAN TUNG ANH	***687	40,175
65	LE THI PHUONG DUNG	***981	118,150
66	NGUYEN THI LAN	***844	309,415
67	LAI THI TRANG	***647	149,290
68	TRAN THI BAO NGAN	***784	36,459
69	DO THI MAI HUONG	***983	131,614
70	CAO THI THUY DUONG	***909	52,840
71	VU THU TRA	***091	84,602
72	NGUYEN THI VAN ANH	***193	69,749
73	NGUYEN THI KIM	***265	44,480
74	TRAN THI HIEN	***970	59,130
75	LE DANG BIEN	***995	34,278
76	NGUYEN TUAN ANH	***127	82,750
77	DINH THI PHUONG	***890	67,639
78	NGUYEN THI HONG HANH	***410	100,033
79	DANG THI AN	***318	58,550
80	PHAN TAM	***490	145,760
81	TRAN THI THU HUYEN	***353	122,212
82	BUI THU GIANG	***297	48,490
83	PHAM THANH MAI	***668	152,715
84	LY THI HONG	***190	113,490
85	NGUYEN THANH HUYEN	***357	93,310
86	LUU QUANG DUC	***990	77,020
87	DUONG THI VAN LOAN	***021	89,829
88	DINH THE PHONG	***264	77,650
89	NGUYEN THI THU	***716	68,721
90	NGUYEN THI KIM THANH	***970	146,679
91	NGUYEN THI MAI HUONG	***960	77,663
92	NGUYEN NGOC THUY TIE	***591	235,075
93	TRINH VAN VIET	***629	38,683
94	NGUYEN THI THANH HANG	***984	291,889
95	NGUYEN THI PHUONG TH	***073	135,660
96	BUI HOANG GIANG	***350	102,567
97	DANG THI XUAN	***405	36,560
98	NGUYEN T TUONG HANH	***602	30,160
99	DO KIM NGOC HUYEN	***769	51,808
100	TRAN THI VUONG	***132	113,361
101	NGUYEN HOAI TRUNG	***627	66,785
102	NGUYEN THAI NINH	***783	137,150
103	PHAM THI HANG NGA	***715	49,960
104	LE THU THUY	***331	69,194
105	DUONG QUYNH XUAN	***542	832,970
106	PHAM THI THANH BINH	***586	84,370
107	NGUYEN QUOC THANH	***525	122,720
108	NGO THI TUYET TRINH	***620	106,440
109	NGUYEN NGOC DAI	***959	75,020

110	NGUYEN T TUYET NHUNG	***853	77,754
111	CAO HOANG LAN ANH	***697	99,102
112	NGUYEN KHAI HUNG	***024	96,974
113	NGO THI HUYEN LINH	***997	348,151
114	TRAN MINH ANH	***641	219,930
115	NGUYEN MINH SON	***566	122,634
116	NGUYEN VAN HAO	***286	38,514
117	NGUYEN NGOC HUNG	***905	80,045
118	NGUYEN DUONG T TUNG	***342	139,563
119	LE THUY TRINH	***691	47,125
120	NGUYEN THUY NGÀ	***223	224,630
121	NGO TAN PHU	***508	103,599
122	NGUYEN THI KIM THANH	***474	75,086
123	BUI THANH TUNG	***381	58,227
124	TRAN HUE THU	***870	53,693
125	HOANG HONG HA	***465	154,747
126	NGO LE THUONG	***742	62,450
127	LE VAN NGUYEN	***411	854,670
128	PHUNG NGOC KHANH	***116	46,959
129	NGUYEN THI NGOC CHI	***239	60,472
130	DAU THI MAI HOA	***458	101,792
131	LE TAM	***513	43,401
132	TRAN THI THANH HA	***089	342,756
133	NGUYEN THI QUYNH CHI	***957	81,337
134	DUONG VAN HUNG	***202	161,846
135	BUI NGOC LAN	***271	680,705
136	VU TRUONG GIANG	***420	44,891
137	VU THANH SON	***826	180,510
138	HOANG XUAN HONG	***048	293,346
139	TRAN DUY KHUONG	***463	94,294
140	NGUYEN DUC HA	***239	120,315
141	NGUYEN THAI HUNG	***664	72,900
142	TRAN HONG KY	***077	60,933
143	HOANG THANH VAN	***098	194,326
144	NGUYEN THU HONG	***851	46,295
145	LE VAN NGUYEN	***587	733,060
146	LUONG VAN MINH	***930	146,784
147	NGUYEN THI THU HA	***025	58,553
148	NGO THI HAI YEN	***248	151,622
149	VU MINH PHUONG	***176	149,132
150	NGUYEN THI KHANH NINH	***734	155,291
151	DO CAO CUONG	***589	146,510
152	NGUYEN THI PHUONG HA	***506	240,067
153	MAI THI THANH HUONG	***826	1,000,000
154	NGUYEN KIM DUNG	***521	114,182
155	MAI THI HUONG NHUNG	***622	1,000,000
156	PHAM THI NGUYET	***318	40,136
157	VU THI THANH HUYEN	***340	93,304

158	NGUYEN THI LAN ANH	***150	149,228
159	NGUYEN VAN THUAT	***032	61,360
160	HOANG DUC	***605	68,791
161	TRAN QUANG VIET	***699	83,239
162	DINH TO QUYEN	***763	67,969
163	TRAN DINH KHANH	***534	295,580
164	DOAN THI HONG NHUNG	***721	181,944
165	NGUYEN THI VAN ANH	***877	298,794
166	MAI HAI ANH	***215	68,802
167	NGUYEN VU HANH VIEN	***205	69,238
168	HO VAN TRUNG	***282	50,240
169	PHAM DUC NHON	***751	33,910
170	PHAM THI VINH	***970	50,659
171	BUI VAN CUONG	***261	113,780
172	VU THI MINH NGOC	***882	79,491
173	LE THANH LAP	***253	275,500
174	NGUYEN TRUONG SON	***115	83,260
175	PHAM THI THANH HOA	***724	50,310
176	NGUYEN THI HUONG	***966	144,840
177	VU THI THU THUY	***112	382,917
178	LE THI THANH HUYEN	***231	69,916
179	VU HONG DUC	***858	39,300
180	DANG THI DUNG	***656	136,781
181	LUONG TRANG NHUNG	***839	138,700
182	VU THI THU HANG	***849	77,622
183	KIM YOUNGBEOM	***055	118,764
184	DINH KIM HUE	***748	664,147
185	DANG THI MY VAN	***328	30,039
186	LE KIM THUY	***188	41,316
187	DAM THI HAI NINH	***810	43,846
188	PHAM VAN THANH	***021	37,968
189	DO PHUONG THAO	***655	247,590
190	NGUYEN THI VAN THUON	***791	51,965
191	NGUYEN THI THUY	***996	165,263
192	NGUYEN DINH THI	***098	75,730
193	BUI THI QUYNH HOA	***977	32,060
194	HOANG THI THUY PHUON	***479	754,866
195	DONG THI NINH	***247	60,464
196	HUYNH THAI VIET	***480	72,680
197	TO THI MONG HOAI	***085	75,670
198	NGUYEN THI BICH LIEN	***224	48,180
199	NGUYEN THI BICH NGOC	***453	50,100
200	LUONG THI DUNG	***748	31,680
201	TRAN THI THUY VI	***626	213,375
202	TRAN THI MINH HUONG	***722	78,949
203	TRINH THI MY TINH	***806	140,924
204	TRAN THANH TAN	***299	49,348
205	NGUYEN MINH HOA	***677	115,128

206	NGUYEN THI THUY SINH	***011	172,373
207	NGUYEN HUY MINH	***137	79,997
208	TRUONG NGOC THU	***019	365,154
209	VO LE ANH HUY	***120	98,420
210	TRUONG THI VAN THU	***706	180,000
211	TRAN THI LIEU	***932	74,230
212	LUONG THUY NGA	***111	294,951
213	TRAN NGOC TUAN	***870	150,903
214	NGO TRUNG TUYEN	***348	43,600
215	DAO THI NGUYEN	***902	30,341
216	HUYNH TRAN THUY NIEN	***782	170,000
217	TRUONG DINH QUOC BAO	***849	465,648
218	VO THI QUYNH NHU	***224	398,460
219	LE THI KIM THOA	***227	64,769
220	LE THI THUY VI	***262	57,030
221	PHAN THI TUYET LAN	***180	31,778
222	LE PHAM DUC TRUNG	***290	54,230
223	LE THI LAN HUONG	***846	99,661
224	NGUYEN THI THINH	***702	112,879
225	TRUONG THI KIM TRAM	***234	249,310
226	LE TAN HUY	***630	163,276
227	VO THI TUYET TRINH	***872	30,400
228	DANG QUOC MINH	***223	52,050
229	TRAN MINH ANH	***131	102,872
230	LE THI HA GIANG	***710	53,711
231	HOANG LE THU HA	***990	198,157
232	MAI NGOC THUY	***857	142,271
233	HUYNH THI MINH TAM	***411	80,850
234	DANG THANH TU	***922	160,450
235	DANG THANH CUONG	***150	384,450
236	LE THUY MY HONG	***640	163,660
237	TRAN THI DUY HOA	***750	569,411
238	BUI THI TUYET MI	***123	458,770
239	TO THI NGOC QUI	***132	633,253
240	TRAN VAN PHUOC	***760	267,488
241	NGUYEN THI THUC TRINH	***587	82,965
242	NGUYEN THI THUY NGA	***551	243,608
243	HO THI DIEU TRAM	***025	35,769
244	TRAN DUC TAM	***324	48,360
245	NGUYEN THI ANH HUE	***660	58,580
246	LE TAN CUONG	***407	111,150
247	TIEU THI THANH	***278	299,066
248	NGUYEN THI NGAN	***806	83,492
249	PHAM THAO NGUYEN	***305	133,571
250	TRUONG VAN THUONG	***162	127,010
251	TRUONG THI ANH TUYET	***956	79,635
252	PHAM TUONG LINH	***051	82,286
253	NGUY THI LAN TIEN	***499	55,737

254	VO THI THANH THUY	***192	101,788
255	PHAN THI KIM SEN	***189	199,544
256	DAO THI THAI CHAU	***923	130,461
257	LE PHUONG NGA	***583	59,866
258	NGUYEN LE DINH	***613	268,713
259	HOANG NGOC LE	***669	86,656
260	NGUYEN HUU DUNG	***243	31,905
261	TRAN BA PHU	***026	162,170
262	PHAN DANG ANH	***134	301,223
263	NGUYEN NGOC LAM	***139	53,571
264	NGUYEN THI NGOC HUYE	***657	641,790
265	LE TRUNG DUNG	***877	467,544
266	NGUYEN LONG TAN	***579	79,570
267	BUI QUANG THANG	***448	98,931
268	NGUYEN T HOANG PHUONG	***908	97,844
269	TRAN VAN DAI	***353	97,782
270	NGUYEN THI THANH TAM	***606	112,480
271	NGUYEN HOAI THI	***864	60,096
272	VO HOANG THIEN LY	***176	200,000
273	PHAN THI HOAI	***295	45,105
274	HOANG THI THUY HANG	***861	211,860
275	VO PHUONG LINH	***040	90,571
276	TA PHAN THANH	***551	95,877
277	HO THI PHUONG LOAN	***613	76,814
278	LE THI HAI VAN	***000	64,410
279	VU VAN TUY	***897	35,485
280	TRUONG DANG VU THUY	***745	193,530
281	TRAN DAI DUNG	***141	154,032
282	NGUYEN THI CHINH	***794	35,359
283	DUONG THI HUONG GIANG	***207	164,301
284	NGUYEN PHAN NGUYEN THAI	***548	222,198
285	NGUYEN HUU THANH	***158	91,690
286	HOANG THI NGOC HA	***709	114,710
287	DINH CONG VINH	***256	172,541
288	SHAI CHAI SHMUEL	***512	176,425
289	LE KHAC LINH	***081	78,290
290	DINH NGUYEN KHANH TR	***848	123,752
291	HOANG THI NGOC HA	***141	163,980
292	NGUYEN ANH THU	***300	60,780
293	NGUYEN THI HUONG LOAN	***189	865,817
294	NGUYEN THI THANH XUA	***470	60,620
295	HOANG SI LUAN	***132	66,260
296	NGUYEN MINH QUAN	***032	95,438
297	DAO NGOC THAI TIEN	***528	139,250
298	LE VAN RANG	***470	126,231
299	VO ANH TUAN	***148	118,080
300	TRAN THANH BINH	***850	38,221
301	TRAN MINH DUC THINH	***007	53,625

302	CAO THI HONG XANH	***249	134,992
303	NGUYEN THI KIM THANH	***810	97,591
304	TIET THI NGOC TU	***566	235,390
305	TRAN THANH TUAN	***437	80,710
306	TU DIEP CONG THANH	***930	1,000,000
307	NGUYEN DUC TIET	***700	798,086
308	PHAN T MAI LE HUYEN	***554	81,710
309	PHI THI KIM ANH	***948	391,060
310	VO THI KIM NGAN	***116	320,732
311	NGUYEN THI BICH DUYEN	***730	41,320
312	NGUYEN NGOC MAI	***335	31,220
313	NGO NGUYEN PHI HUNG	***918	99,425
314	TANG MAN NHI	***364	213,028
315	LE THI LINH	***055	260,132
316	HONG NGOC PHUNG	***598	338,709
317	BUI THI HONG LINH	***126	31,244
318	DOAN TRONG NAM	***397	220,539
319	NGUYEN THI LAN ANH	***719	62,862
320	PHAN VAN DINH	***195	87,199
321	DUONG HOANG THI	***293	93,184
322	NGUYEN THI NGOC DIEP	***459	44,740
323	DO KHANH VY	***629	67,130
324	NGUYEN THI PHUONG NHUNG	***796	405,217
325	VO QUOC BAO	***371	56,136
326	MAI THI THAO	***244	173,648
327	PHAM THI BICH NGOC	***532	372,109
328	QUAN THI THUY DUONG	***431	99,499
329	NGUYEN DO THU HUONG	***835	132,677
330	PHUNG DO HAI SAM	***577	63,041
331	PHAM THI THOA	***001	76,337
332	PHAM NGOC ANH DAO	***193	85,976
333	NGUYEN NHAT THUAN	***853	139,810
334	TRAN NGOC THUY VAN	***924	38,480
335	TRAN THI LIEN	***363	129,800
336	NGUYEN HOANG VU	***546	60,253
337	LAM THUY TRANG	***254	811,623
338	TRAN NGOC THUY	***520	72,367
339	NGUYEN VAN NU	***388	76,750
340	NGUYEN HUNG DUNG	***209	43,440
341	TRAN THI KIEU	***283	91,221
342	NGUYEN DUC THIEN	***910	51,941
343	HOANG ANH HUY	***329	198,193
344	TRAN THI YEN	***153	52,780
345	PHAN THI YEN	***422	269,043
346	HOANG ANH HUAN	***428	148,161
347	NGUYEN THI NGOC TRINH	***627	108,960
348	NGUYEN THI THANH TRUC	***836	506,360
349	NGUYEN THI KIEU MY	***433	87,269

350	HUYNH THI KIM THANH	***031	32,720
351	LE TUAN DUNG	***196	187,178
352	DO HUONG GIANG	***224	152,134
353	LE QUANG KHAI	***688	40,776
354	LE THI MY TIEN	***391	60,496
355	CAO THI NGOC HOA	***121	57,068
356	CAO NGOC DUYEN	***423	51,480
357	HA VAN HOANG	***141	46,822
358	PHUNG NGUYEN MINH	***947	139,160
359	HO THI NGOC TRANG	***548	172,767
360	PHAM THANH THUY	***574	734,790
361	PHAN CONG BINH	***925	170,440
362	NGUYEN PHUONG THUY L	***791	64,548
363	LE VAN HOAN	***770	131,424
364	HO NGOC THANH HUYEN	***267	69,630
365	LE HUNG DAM	***311	121,418
366	NGUYEN KHANH YEN	***674	48,737
367	TRAN THI CUC	***553	325,760
368	PHAM THI NGOC TAM	***746	359,393
369	NGUYEN THI THUY LAN	***546	141,630
370	DIEP GIA AN	***096	33,603
371	TRAN THI MINH CHAU	***390	123,800
372	DOAN NGUYEN NGOC QUYNH	***360	38,357
373	TRAN THI LE KHUONG	***747	81,056
374	DO THU DIEM	***065	161,435
375	VANG NGUYEN PHUONG THAO	***508	348,138
376	DAO THI HANH	***430	47,366
377	VUONG THI MY PHUNG	***059	365,308
378	THOMAS CHRISTIAN FR PHILIPPE	***157	288,517
379	LUONG THI THANH LAN	***953	72,677
380	NGUYEN DUC HIEN	***027	63,010
381	TRAN VU LAM	***764	445,108
382	TRAN LE QUYNH HOA	***328	689,767
383	OH JONGSEOK	***067	110,259
384	NGUYEN VAN CONG	***145	315,996
385	HOANG KHANH HUY	***174	63,214
386	LE VAN HUY	***789	96,640
387	TRAN THI THANH TRANG	***288	174,480
388	TRAN THAI SON	***205	192,862
389	PHAM VAN TO	***534	1,000,000
390	CHING HENG HOE	***660	121,941
391	TRAN THANH BINH	***168	56,808
392	LE THUY MY	***055	110,149
393	PHAN HAI HOA	***529	149,643
394	HOANG MINH TU	***181	229,180
395	LUU KIM PHUONG	***700	586,448
396	TRAN THI YEN LINH	***240	496,906
397	NGUYEN TIEN PHUC	***235	93,150

398	NGUYEN THI HONG NGA	***332	100,802
399	TRAN TUAN KHANH	***808	75,066
400	LIM HWEE KOK VICTOR	***023	68,786
401	NGO HUYNH MAI	***607	39,922
402	PHAM NGOC THAO	***332	116,530
403	LY MONG YEN	***507	230,589
404	LE HUY THANG	***079	110,410
405	LE THU THUY	***876	185,977
406	VO DUY KHOA	***642	45,020
407	DUONG NGOC VINH	***024	51,682
408	NGUYEN ANH TUAN	***660	342,660
409	PHAM THI HUONG DUYEN	***789	713,477
410	NGUYEN T PHUONG TUYEN	***611	44,250
411	VU THI THO	***895	165,409
412	LE HONG THUY HUONG	***342	30,736
413	NGUYEN THI THUY DUONG	***499	226,325
414	NGUYEN VU LIEN ANH	***883	150,774
415	PHAM HOANG THANH TRUNG	***754	44,454
416	CHU BINH PHUONG MAI	***613	324,460
417	TRAN THI THUY HONG	***583	44,146
418	LE THI THAO QUYEN	***131	70,000
419	NGUYEN THI MINH HUYEN	***390	106,393
420	NGUYEN DUY NHAT	***812	152,786
421	NGUYEN THI NGOC QUYNH	***016	31,474
422	NGUYEN SI LAM	***626	274,760
423	NGUYEN QUANG ANH	***673	140,050
424	TRAN PHUONG BAC	***491	107,584
425	NGUYEN HOANG PHUONG	***642	92,825
426	DANG NGUYEN QUYNH THU	***202	34,260
427	TAO THI TRANG	***073	48,100
428	THUONG NGUYEN PHUONG TRANG	***440	348,866
429	HOANG MINH TUAN	***710	58,440
430	HUYNH PHUONG DAI	***761	38,190
431	TRAN THI PHUONG	***533	123,120
432	VO KIM PHUONG	***016	136,066
433	NGUYEN THI THANH DAO	***325	56,151
434	DUONG THANH TRANG	***678	42,410
435	DOAN NGOC PHUONG	***672	487,408
436	NGUYEN THI THUY VI	***298	44,660
437	LE HOANG YEN	***697	141,890
438	HO THI MINH HAI	***728	76,500
439	DANG YANSUN	***222	150,475
440	TRAN THI LIEN	***294	30,940
441	KHUU DIEM CHI	***231	62,708
442	DUONG THI THUY LIEU	***342	74,180
443	CHAU THI TUYET THAO	***772	183,011
444	DUONG QUANG THANH	***267	50,536
445	NGUYEN MINH Y	***414	179,020

446	LE VAN	***445	42,750
447	LE ANH VU	***390	114,821
448	NGUYEN VAN BE NAM	***821	203,660
449	LE HUU PHU	***990	185,861
450	DO HIEU DUNG	***970	44,930
451	NGUYEN THI BICH TRAM	***799	88,720
452	HOANG THI THANH HIEN	***425	104,064
453	PHAN KHANH VAN	***572	138,896
454	TRAN THI KIM LAN	***564	101,555
455	LE THI HONG YEN	***083	199,504
456	HOANG THI HANG NGA	***548	53,070
457	BUI THI HANH	***867	79,686
458	BUI CAM VAN	***292	33,660
459	TRAN THI HAT	***253	132,894
460	NGUYEN THI CHAU PHU	***526	245,856
461	NGUYEN NGOC THUY	***023	83,930
462	NGUYEN THI THAO	***480	95,990
463	DUONG HIEU	***862	444,931
464	AU QUOI LUONG	***569	407,810
465	VO LE MINH TRANG	***801	766,420
466	CAO ANH HONG	***991	176,350
467	TRAN HIEU TRUNG	***088	243,100
468	TO THI DUYEN	***322	95,665
469	TRAN CONG THUAN	***833	55,930
470	VUONG THANH LIEN	***756	79,996
471	BUI QUOC CUONG	***387	46,370
472	NGUYEN NGOC ANH THY	***844	54,290
473	CAO BINH	***394	103,847
474	DINH HOAI DUONG	***138	39,550
475	KIEU DIEM THIEU	***786	74,211
476	NGUYEN T LINH PHUONG	***117	78,190
477	LE THI THUY DIEM	***225	104,916
478	TRUONG THI HOANG QUY	***448	92,400
479	HUYNH NGOC NHU	***214	137,090
480	HO AN PHUONG	***894	36,733
481	NGUYEN DO BAO KHUYEN	***706	238,820
482	HUYNH THI XUAN HANH	***986	39,337
483	VU DAT	***581	99,298
484	NGUYEN NHU NGOC	***633	300,611
485	NGUYEN HONG HA	***008	429,960
486	TRAN THE BINH	***589	35,900
487	NGUYEN THANH THUY	***931	70,000
488	DUONG THI THANH THUY	***287	35,549
489	DANG PHUONG MAI	***662	41,155
490	BUI ANH TU	***715	153,744
491	PHAM THUY TAM KHANH	***000	69,182
492	TRINH HOANG NGOC VAN	***921	65,850
493	NGUYEN THI MINH THUONG	***936	64,215

494	NGUYEN HONG TUOI	***227	750,549
495	DAO THI THANH BINH	***129	30,750
496	TRINH THI THU NGUYET	***444	545,490
497	NGUYEN NGOC THAO	***598	193,440
498	DOAN DAC HOANG BAO	***663	45,890
499	TRAN THI HUONG TRA	***894	127,916
500	LE THANH THE	***035	38,520
501	NGUYEN VAN TUONG	***408	38,630
502	NGUYEN THI MINH PHUONG	***093	60,373
503	DINH THI THUY HANG	***300	92,188
504	VO VAN SI	***486	34,200
505	DOAN THI THANH BINH	***484	66,009
506	BUI ANH THU	***004	550,361
507	VU HONG DIEP	***979	207,749
508	NGUYEN THI THANH NHAN	***987	97,108
509	HA DO QUOC TRUNG	***507	89,190
510	HA LE KHANH	***331	49,190
511	MAI XUAN TRANG	***253	86,241
512	HUYNH THI THANH MONG	***660	69,929
513	VU DUY LY	***976	109,100
514	PHAM ANH TO	***527	84,170
515	TRAN HONG BICH	***316	39,550
516	LE THI KIM THEU	***553	55,290
517	TRINH HOANG TUAN	***163	46,551
518	NGUYEN THI CAM NHUNG	***513	59,787
519	LE XUAN THANH	***813	45,707
520	LE THI KIM LAN	***734	49,883
521	LE NHAT PHUONG TRANG	***812	109,175
522	LY VAN CUONG	***463	101,440
523	VU QUOC NAM	***519	53,140
524	THAM TU CHUNG	***075	37,990
525	LE HOANG YEN	***027	38,922
526	LE VINH PHUC	***948	287,378
527	PHAM TRUONG SON	***993	101,660
528	NGUYEN THI MY HIEN	***164	34,006
529	TRAN THI HONG CHAU	***755	1,000,000
530	NGUYEN PHUONG MAI	***819	284,642
531	DANG THI THANH HUONG	***924	65,095
532	TRAN THI THU	***882	109,540
533	NGUYEN QUANG VINH	***525	106,530
534	TRAN THI LOI	***512	88,809
535	VO THI THU BA	***592	289,060
536	NGUYEN THI KIM LOAN	***772	352,373
537	LE NGOC LIEU	***970	203,934
538	MANH THI MY PHUONG	***183	46,320
539	NGUYEN DUC HUY	***559	62,990
540	TRAN ANH TUYET	***554	41,085
541	NGUYEN THI DIEU HUONG	***309	110,030

542	DO NGUYEN XUAN BICH	***969	38,535
543	TRUONG TR THANH TUAN	***674	48,088
544	DUONG THI CHINH	***139	132,670
545	LY DAO MAI THU	***257	109,747
546	NGUYEN THI NGOC HANG	***345	81,766
547	VO THI YEN VI	***516	74,020
548	TRAN THI HOAI THANH	***119	56,300
549	DUONG TAN HUY	***745	233,520
550	NGUYEN THI BAO NGOC	***897	126,579
551	DAO THANH NHAN	***327	162,760
552	NGUYEN THI HIEU	***607	45,816
553	MA THI NGOC ANH	***159	84,620
554	NGUYEN THI THU HANG	***133	62,230
555	NGUYEN GIANG MY	***810	30,115
556	NGUYEN HUONG GIANG	***766	63,242
557	NGUYEN PHUOC BAO TUNG	***996	47,000
558	VO THI NGOC UYEN	***644	203,295
559	CHUNG HUE PHAN	***070	111,577
560	VU THI THU HIEN	***090	64,668
561	HUYNH EP NGUYEN THI NGOC PHUON	***211	74,060
562	NGUYEN THI NUONG	***066	48,519
563	TONG THI LE GIAO	***159	199,638
564	VU THUY VI	***156	36,340
565	NGUYEN HIEU THUAN	***417	800,000
566	TRAN THI VIET ANH	***761	61,804
567	NGUYEN LINH NGAN	***196	107,217
568	JANKI DASS JAJOO	***015	56,461
569	HUYNH VAN THANH	***352	45,951
570	LE THUY NGA	***318	392,341
571	NGUYEN THI BINH	***768	157,350
572	NGUYEN QUOC YEN	***502	46,382
573	NGUYEN THANH VINH	***461	212,230
574	CAO LAN HUONG	***066	47,441
575	NGUYEN HUU TAN	***093	88,854
576	TRAN THI BAO NGOC	***176	31,340
577	HO THI HONG DAO	***442	132,046
578	VU BINH HAI	***357	44,341
579	MAI CAO LONG	***142	48,308
580	DINH TIEN DUNG	***363	117,799
581	NGUYEN HONG NHUNG	***778	30,726
582	NGUYEN XUAN TOAN	***397	179,590
583	VUONG THAI PHUONG	***026	53,244
584	NGUYEN KIM LONG	***769	71,300
585	TRAN NHAN TE	***648	365,910
586	TA THIEN KIM	***194	1,000,000
587	LA HUE	***179	57,873
588	NGUYEN PHU HONG PHUC	***096	50,580
589	MAI DUY THANH	***185	58,231

590	VU THI QUY	***717	292,143
591	NGUYEN THI NGOC HA	***823	69,425
592	NGUYEN VIET DUNG	***866	475,797
593	NGUYEN NGOC MAI	***988	103,670
594	TRAN LE BAO NGOC	***514	71,436
595	VU TU CAU	***430	86,948
596	NGUYEN THI PHUONG THOA	***883	197,023
597	PHAN NGOC TAM	***891	67,910
598	NGUYEN QUANG DE	***218	48,730
599	NGUYEN THI KIM THU	***134	206,489
600	NGUYEN THI PHUONG THAO	***061	116,310
601	NGUYEN THI NGOC LAN	***524	257,833
602	NGUYEN DINH KHIEM	***007	95,780
603	LE THI THANH HUYEN	***868	32,274
604	TU UYEN PHUONG	***577	100,740
605	TRAN THI KIM CUC	***377	237,688
606	VI THI MONG TUYEN	***028	219,488
607	LE QUY THUY LINH	***367	228,211
608	TRAN HUU VINH	***442	65,288
609	TO MINH TRAI	***179	38,734
610	NGUYEN T PHUONG ANH	***709	40,907
611	LUU KIM HIEN	***400	46,290
612	BUI QUOC MINH	***493	150,953
613	HUYNH THANH VU	***056	96,275
614	DAO THI KIM DUNG	***256	65,204
615	UNG QUANG VIET	***501	258,585
616	HUYNH VAN VU	***876	218,682
617	TRAN DINH THUONG DUN	***847	154,351
618	DANG NU DUONG NGA	***535	82,740
619	HUYNH HUU TUOC	***114	293,895
620	NGUYEN MANH HUNG	***417	47,680
621	NGUYEN VAN HAI	***988	54,111
622	PHAM LE THY TRANG	***856	126,032
623	TRAN THI XUAN TRANG	***385	103,748
624	TRAN THI HUONG QUYNH	***056	74,850
625	NGUYEN TIEN DUNG	***746	76,854
626	DANG THI MY LINH	***029	35,909
627	PHAN THI DIEU HUYEN	***926	66,458
628	NGUYEN THI THU HANG	***629	252,246
629	TRAN VAN PHONG	***586	238,360
630	NGUYEN THI THU HA	***219	206,837
631	VUU NGOC BICH	***305	32,330
632	NGUYEN HUU THANG	***089	365,419
633	VO THI HAI YEN	***016	118,246
634	HOANG MAI CHI	***052	684,960
635	DUONG HONG BICH THUY	***784	70,324
636	NGUYEN THI NGOC MAI	***144	1,000,000
637	NGUYEN THI TUYET VAN	***058	53,080

638	NGUYEN LINH THUY VU	***481	122,467
639	NGO THI MY THANH	***680	796,202
640	TRUONG THI THU HA	***523	182,001
641	VO HOANG LONG	***900	92,756
642	BERND KAHNERT	***485	104,142
643	NGUYEN VAN SON	***857	520,471
644	TRAN THU HA	***923	738,890
645	PHAM HUONG GIANG	***161	74,490
646	LE THI MYDZUNG	***525	116,130
647	NGO HUYEN VU	***223	60,207
648	PHAN THI TRANG	***682	222,628
649	DONG PHAN NAM	***218	66,250
650	NGUYEN THI HONG TRANG	***195	112,287
651	TRAN VIET HIEU	***813	506,367
652	TRAN QUY LOI	***021	183,987
653	DUONG THANH TAM	***473	90,500
654	NGUYEN ANH TUAN	***085	194,900
655	NGUYEN XUAN NGOC	***191	36,491
656	TRAN THI THU HUONG	***330	74,532
657	HOANG THI MINH NGUYET	***860	280,499
658	PHAM THI THANH PHUONG	***422	54,246
659	THAN THI THU THAO	***514	41,957
660	ONG TAN LAI	***810	68,544
661	NGO THI THANH	***625	53,166
662	NGUYEN P LAM HUONG	***219	309,040
663	HO THANH LONG	***416	164,060
664	DO NGUYEN HUNG	***421	142,748
665	NGUYEN NGOC ANH	***313	66,871
666	NGO QUANG THAI	***666	137,102
667	PHAM THI NGOC THINH	***038	225,002
668	LUONG TUONG	***313	133,481
669	VO THI HUYEN CHI	***890	40,635
670	BUI THI PHUONG ANH	***125	145,980
671	HUYNH THI NGOC THANH	***665	57,907
672	HOANG THI PHUONG NHUNG	***239	247,732
673	VO THI CAM	***145	133,450
674	NGUYEN THI ANH HOA	***963	71,468
675	VY THI BUN MY	***769	300,000
676	DINH THI HUONG	***721	430,604
677	HOANG HUY CUONG	***558	200,000
678	PHAN XUAN TUNG	***319	99,980
679	MAI THI THU THUY	***427	223,737
680	NGUYEN SY THANG	***327	93,469
681	NGUYEN HOANG QUAN	***561	138,280
682	CAO THI THU GIANG	***786	39,180
683	NGUYEN THI TAM ANH	***256	44,600
684	TRAN THI THANH XUAN	***901	100,000
685	LE NA	***497	114,278

686	LE THI HAI YEN	***464	83,560
687	TRUONG THI NHUNG	***466	69,680
688	TRAN HUU TAN	***819	352,355
689	NGUYEN THI MAI	***755	168,124
690	NGUYEN THI THU HIEN	***249	131,030
691	NGUYEN THI HAI	***460	85,160
692	PHAM TUAN ANH	***047	270,982
693	LE NGOC HAN	***026	143,060
694	LE NGUYEN THAO CHUON	***404	574,755
695	DO NGOC DUY	***689	1,000,000
696	NGUYEN VAN GIAU	***195	56,729
697	DO NGOC HUY	***629	1,000,000
698	NGUYEN THI CHINH	***267	1,000,000
699	DO THI NGOC PHUONG	***375	61,914
700	TRAN VIET HUONG	***849	324,416
701	LE THI MINH LOAN	***184	245,099
702	NGUYEN THANH DIEM	***104	107,410
703	HUYNH VIET TRUNG	***630	599,782
704	NGUYEN XUAN TRUC DAO	***163	104,450
705	NGUYEN THI BAO TRAN	***945	109,215
706	HUYNH NGUYEN HAI YEN	***677	102,830
707	DINH THI ANH DAO	***433	33,370
708	DAO NGOC TRUC	***189	478,640
709	HUYNH NHAT TUAN	***815	127,025
710	NGUYEN HOANG MINH	***866	85,789
711	NGUYEN TUAN KIET	***329	86,081
712	PHUNG VAN TIEN	***655	74,967
713	BUI ANH KIET	***839	200,056
714	TON MY XUYEN	***830	588,448
715	PHAN THI MY DUYEN	***170	59,544
716	CHAU THANH HOA	***988	32,486
717	NGO VAN TY	***210	156,000
718	TRAN VAN DE	***094	198,619
719	LE THI NGOC TUYET	***649	62,717
720	LUONG THI HOANG OANH	***325	32,690
721	NGUYEN QUOC LOI	***271	67,460
722	HA TU ANH	***948	450,272
723	CHAU MINH THUAN	***539	53,378
724	LE PHUONG HA THAI	***677	143,903
725	NGUYEN THANH THAI	***470	46,012
726	BUI THIEN KHIEM	***155	350,000
727	DUONG TONG THOI	***200	56,442
728	LAM QUOC CUONG	***777	98,063
729	NGUYEN XUAN BINH	***855	1,000,000
730	LE THI MINH CHAU	***556	45,620
731	HUYNH THI NGOC MAI	***170	59,928
732	NGUYEN THI PHUONG AN	***097	81,203
733	LY HIEN	***399	350,000

734	VO VAN PHONG	***777	60,867
735	NGUYEN KE NHA	***644	82,162
736	NGUYEN HOANG OANH	***406	181,706
737	GIANG THI ANH DUONG	***168	87,044
738	LE NGUYEN HOAI THO	***642	67,140
739	NGUYEN NGOC DU	***261	52,668
740	NGUYEN CHAU THOA	***251	59,682
741	BUI HUU NGOC	***029	180,728
742	TRUONG LE HOA	***253	49,949
743	NGUYEN KIM THANH	***029	41,820
744	VO THUY NGOC HOA	***968	397,937
745	NGUYEN CHANH NGHIEM	***461	161,900
746	HO LE DUY TUAN	***525	198,710
747	NGUYEN HOANG HAI	***895	66,510
748	THACH MY LINH	***518	353,910
749	NGUYEN THI PHUONG	***061	63,825
750	NGO THI ANH THU	***090	86,902
751	PHAM TRUNG HAU	***521	80,160
752	CAO VAN NHUT	***889	122,090
753	PHAM THI HONG HOA	***555	80,870
754	HO HUU LOC	***838	81,620
755	PHAM THI TUOC	***794	198,410
756	NGUYEN THI THU THUY	***153	46,270
757	TRAN QUOC TUAN	***286	944,180
758	LE THI THU HA VCB	***118	43,190
759	PHAN THI LUU	***894	50,078
760	TRAN XUAN THANH	***568	66,568
761	LE HONG PHONG	***206	132,090
762	HUYNH HUY ANH THU	***195	45,384
763	VU THI THUY	***974	207,448
764	TRAN VIET DUNG	***478	330,480
765	CAO DUC NHUAN	***566	141,722
766	DANG HUU TRI	***846	121,500
767	NGUYEN THI THANH HUONG	***800	936,969
768	VU VAN DUNG	***048	127,800
769	DANG THI NGOC CHIEN	***935	197,652
770	BUI XUAN VIEN	***381	148,046
771	HOANG THI QUYNH HOA	***349	239,575
772	LE THI XUAN DAM	***318	56,186
773	MAI ANH DUNG	***338	53,771
774	NGUYEN NGOC SON	***085	182,899
775	VU VAN PHUC	***450	100,000
776	NGUYEN THI MUOI	***444	58,939
777	HOANG VINH HA	***513	102,519
778	DINH THANH PHONG	***055	69,104
779	NGUYEN VAN KIEM	***769	44,520
780	TRAN THI PHUONG THAO	***697	98,841
781	TRAN VAN HAI	***545	69,400

782	DANG KIM NAM	***573	202,850
783	NGUYEN THI THU TRANG	***545	75,573
784	TRUONG PHAM BANG PHU	***784	62,980
785	NGUYEN HUU THUAN	***009	267,020
786	NGUYEN THI THANH HA	***565	45,130
787	DINH THI HANG NGA	***209	332,388
788	NGUYEN THI THUY	***554	175,400
789	TRAN QUOC QUY	***997	137,650
790	VU THI NGOC DIEM	***620	108,360
791	DO MINH TRI	***574	100,000
792	LE THI THUY LINH	***802	68,510
793	HUYNH LE TRAN	***602	38,780
794	TA NGOC THUY	***116	129,450
795	TRAN THI TUYEN	***212	51,383
796	NGUYEN THI SEN	***493	616,640
797	NGUYEN VAN KIEN	***922	445,230
798	DO VAN THANG	***896	161,358
799	VO THANH TRUC	***139	391,608
800	VU THI HAO	***149	134,247
801	NGUYEN HAI VAN	***062	75,480
802	NGUYEN VAN HUNG	***726	200,000
803	NGUYEN THE NINH	***053	199,921
804	DINH CUONG ANH	***059	68,360
805	DAO THI THOM	***751	86,369
806	HOANG THI BICH HANG	***946	55,309
807	NGUYEN VAN THANH	***183	35,920
808	NGUYEN HONG QUANG	***354	195,732
809	VU VIET HOANG	***168	152,881
810	BUI THI VAN ANH	***191	92,380
811	NGUYEN HUU TUAN ANH	***464	47,610
812	NGUYEN THI HUE	***264	644,136
813	DO SI HIEN	***928	625,806
814	NGUYEN THI CAM PHUC	***548	58,026
815	NGUYEN THI MY LINH	***157	385,630
816	NGUYEN HUU TRUNG	***092	1,000,000
817	NGUYEN TU	***825	150,600
818	VO THI THUY HUONG	***360	55,800
819	HOANG THI BICH HONG	***793	148,870
820	NGO LAM CAM THACH	***589	375,320
821	HOANG THI MINH HUONG	***395	375,631
822	NGUYEN DAI ANH TUAN	***258	48,302
823	NGUYEN CUU NHAT THIE	***328	63,590
824	NGUYEN NGOC CAM NHUN	***483	299,545
825	NGUYEN THI DIEU HIEN	***965	102,879
826	HOANG THI CAM TU	***286	33,120
827	DO TRUNG DONG	***505	79,989
828	DINH SON TRINH	***693	52,170
829	LE THI MAI PHUONG	***849	80,357

830	NGO HAI	***419	38,335
831	TRAN THI HONG AN	***076	34,124
832	NGUYEN DINH TRUNG	***439	77,439
833	LE THI THUY TRANG	***176	37,148
834	HOANG XUAN	***645	114,401
835	PHAN PHU QUOC	***436	68,950
836	TRAN NGOC HAI	***426	40,269
837	LUU THI LE XUAN	***108	60,737
838	NGUYEN THI NHU NGUYE	***659	222,266
839	LE THI THU HUONG	***005	30,480
840	DO NHU HAI	***938	123,405
841	DO THI THANH TAN	***381	55,910
842	TRUONG NU NHU NGOC	***225	74,328
843	DINH THI THANH HUYEN	***975	79,820
844	MAI DUONG HANG NGA	***707	42,720
845	TRAN HUU PHONG	***983	102,865
846	NGUYEN THANH XUAN	***116	43,416
847	LE VAN TUONG LAN	***855	201,602
848	LE THI THAO LINH	***200	341,704
849	LE MANH THANH	***037	101,087
850	HOANG VAN THAM	***937	417,866
851	TON NU VAN ANH	***635	163,119
852	PHAM NGOC THI PHUONG LINH	***380	150,290
853	NGUYEN QUOC MINH	***561	103,420
854	NGO QUOC HAU	***291	62,988
855	VU THI LUYEN	***942	36,333
856	NGUYEN THI MY HANG	***771	35,780
857	TRAN DUC THIEN	***973	52,530
858	NGUYEN NGOC THU	***203	163,451
859	HUYNH THI MAI PHUONG	***062	45,050
860	TRAN THI HUONG GIANG	***954	57,340
861	NGUYEN THI MINH HOA	***412	65,497
862	TRAN VAN BAN	***852	118,470
863	NGUYEN THI KIM LOAN	***813	156,013
864	VU THI NHU QUYNH	***054	41,760
865	BUI DINH HIEP	***389	107,806
866	VU THANH LIEM	***508	70,204
867	HUYNH THI HOAI DIEM	***215	65,970
868	NGUYEN THI MONG TRINH	***988	211,089
869	TRAN THI HOANG MAI	***083	171,287
870	CAO THAI HUNG	***622	79,070
871	PHAN THI HONG NHAT	***915	111,788
872	NGUYEN THI BUU CHAU	***563	40,771
873	NGUYEN QUI THUY KHANH	***636	113,675
874	VU THI HONG THAM	***521	62,859
875	TRAN THI THUY NGAN	***029	181,630
876	HOANG DIEU LINH	***209	120,234
877	VU THI XUAN DUNG	***238	83,353

878	TRAN THI NGAN	***562	51,013
879	LUONG LE NGOC CAN	***102	100,100
880	LE THAI HA	***170	297,078
881	HOANG QUY THUC	***410	171,131
882	DANG VAN DIEN	***763	117,885
883	NGUYEN SY TUAN	***450	67,062
884	LE THI HOANG TRUC	***308	56,100
885	PHAN THI LY NA	***260	31,699
886	DUONG THU HA	***845	111,343
887	HUYNH VU HIEU	***708	79,969
888	DO QUOC HUY	***221	39,923
889	VU THI TUONG VAN	***716	307,260
890	VU THUY ANH	***883	405,405
891	LE THI PHUONG MAI	***580	44,402
892	LE THI KIEU VIEN	***980	119,001
893	PHAM TRI TUAN	***154	72,933
894	LE THI TAM	***486	71,103
895	THAI THI PHUONG LAN	***918	40,125
896	NGUYEN THI HONG LINH	***988	42,229
897	PHAN TON QUYEN	***954	107,830
898	DINH NGOC TIEN	***190	124,022
899	MAI XUAN HUYEN	***845	1,000,000
900	FA RI DA	***988	31,710
901	NHAN PHAN PHI VU	***961	69,667
902	LUU THI THU HUONG	***378	85,648
903	PHAN VIET PHONG	***639	97,260
904	PHAN THI NINH	***912	75,274
905	KHUC THI XUAN	***977	55,501
906	NGUYEN TRUNG KIEN	***490	37,560
907	TUONG THI THANH NHAN	***167	161,924
908	LE THANH LIEM	***986	39,720
909	DUONG PHU KHANH	***889	150,091
910	NGUYEN NGOC SON	***562	134,601
911	NGUYEN THI HOAI THU	***130	63,468
912	BUI THI UYEN	***165	45,089
913	NGUYEN THI TIM	***152	1,000,000
914	PHAM THI THU VAN	***255	30,711
915	PHAM MINH THANG	***773	1,000,000
916	NGUYEN THI LAN ANH	***964	69,482
917	TRAN NGOC THANG	***918	404,070
918	TRAN THI KIM HUONG	***384	88,410
919	PHAM NGOC DUY	***117	119,170
920	NGUYEN NGUYEN HUY	***397	161,088
921	NGUYEN THI NGOC HANG	***251	123,360
922	NGUYEN THE PHIET	***726	49,578
923	TRAN NGOC THUY AN	***775	67,380
924	HUYNH THI NGOC BICH	***307	293,553
925	NGUYEN THI NGOC BICH	***574	147,350

926	LE THI THANH TAM	***470	459,418
927	NGUYEN QUOC MANH	***818	751,770
928	PHAM QUANG TRUNG	***708	101,386
929	DINH THI HONG KHANG	***229	131,301
930	PHAM NGOC PHUONG	***366	160,518
931	DINH THI HOANG LAN	***103	104,146
932	PHAM THI KIM PHUONG	***271	96,756
933	VU VAN HAU	***098	111,430
934	DO THI TRA MI	***130	76,610
935	TRAN TUYET NGA	***820	175,102
936	HO THI THUY TRANG	***300	156,890
937	NGUYEN THI NGOC HA	***682	38,400
938	NGUYEN NGOC THIEN	***577	34,387
939	TRAN THI TU ANH	***244	110,607
940	LE PHUNG KY	***415	148,380
941	TRUONG THI MY HANH	***424	65,878
942	DAO VAN TIEN	***495	302,640
943	LE TU DUONG	***820	41,869
944	NGUYEN VAN NIEN	***058	145,734
945	NGUYEN THI TUONG VI	***262	540,000
946	NGUYEN TUAN ANH	***399	210,333
947	LE THI DIEM KIEU	***820	47,640
948	NGUYEN QUOC HUY	***421	78,140
949	LE ANH NGHIA	***524	229,043
950	TRAN PHUONG TRANG	***724	160,387
951	PHAM VIET DAT	***829	157,460
952	TRAN HUNG PHI	***194	122,990
953	NGUYEN THI TUYET NGA	***799	151,519
954	VO DUC THANH	***548	535,286
955	LE THI PHUONG THAO	***651	53,127
956	LE THI KIM HUONG	***893	92,573
957	VO THI DAN TAM	***231	287,712
958	NGUYEN THI THU THUY	***708	49,266
959	CAP DUC NAM	***051	84,290
960	NGUYEN HOANG VU	***261	170,060
961	LE DUY TAN	***667	30,067
962	HA KIEU TRANG	***831	80,280
963	PHAM CHI LAN	***765	90,260
964	VU BINH NGUYEN	***955	154,054
965	LEE YONGWON	***691	196,650
966	TRUONG TH HONG NHUNG	***068	211,890
967	NGO THI PHUONG THUY	***347	83,163
968	NGUYEN MANH CUONG	***736	594,098
969	NGUYEN THI THU TRANG	***401	30,236
970	NGUY THI XUAN HUONG	***637	77,184
971	TRAN NGUYEN VU	***465	36,131
972	NGUYEN THI TUYET LAN	***712	34,365
973	PHAN THU HONG	***709	30,228

974	NGUYEN THI MUA	***530	65,152
975	PHAM THI MUI	***688	68,930
976	DO THU HA	***027	36,939
977	PHAM THI TUYET NGA	***745	36,088
978	VU THANH CHUNG	***326	89,862
979	NGUYEN THANH NGA	***777	44,410
980	LE QUANG HOA	***878	141,208
981	NGUYEN THI KIM THINH	***719	73,100
982	HO THI MINH THU	***756	74,076
983	PHAM DIEU THUY	***808	191,170
984	NGUYEN THI HONG NGAN	***460	346,125
985	NGUYEN MINH DAI	***457	30,628
986	LAM VAN AN	***115	34,539
987	DAO THU HANG	***537	74,160
988	HO NAM	***813	46,520
989	DANG HO PHUONG	***582	515,104
990	NGUYEN HOANG ANH	***211	253,670
991	DO THI MINH THAI	***063	72,730
992	VO HOANG YEN	***662	118,372
993	LE VAN TRA	***479	85,242
994	PHAM THU TRANG	***407	175,531
995	LUONG CUU LONG	***763	438,130
996	PHAN XUAT HIEN	***405	152,530
997	TRAN THI HONG LOAN	***132	71,210
998	VUONG LAN CHI	***431	413,430
999	THAN THI PHUONG NHI	***609	54,351
1000	PHAN THANH TAM	***031	80,566
1001	NGUYEN THI CAM TU	***161	198,503
1002	LE HUYNH PHUONG ANH	***110	45,195
1003	PHAM THI TUYET NHUNG	***745	74,730
1004	NGO THI NGOC TRAM	***324	100,000
1005	TRAN THI TUYET DIEM	***399	165,274
1006	LY THI TUONG VAN	***413	207,136
1007	CAO VINH PHUC	***172	143,648
1008	CHUNG THI KHANH VAN	***493	333,122
1009	HUYNH TRAN THANH CHI	***081	113,290
1010	PHAN THI THANH VAN	***804	86,238
1011	LE THANH HUNG	***239	130,599
1012	LAM THI MY LINH	***277	124,437
1013	TA NGOC LONG	***251	651,489
1014	NGUYEN THI THU	***583	121,404
1015	NGUYEN THI NHU NGOC	***844	33,792
1016	NGUYEN DUC THONG	***657	199,798
1017	PHAM LY THUY HUONG	***619	35,504
1018	LE THI BINH TRANG	***204	83,632
1019	NGUYEN THUY MY PHUONG	***595	102,331
1020	PHAN THI HAI HA	***913	54,879
1021	HO THI THIEN NHIEN	***890	390,210

1022	CAO THI NGOC HONG	***592	231,983
1023	NGUYEN THI MAI LOAN	***148	365,199
1024	DOAN VAN HAI	***825	1,000,000
1025	NGUYEN THAO QUYNH	***031	81,475
1026	THAI PHAN TRUNG	***835	149,348
1027	NGUYEN MANH TUAN	***565	64,885
1028	LE HUY VIET	***136	64,966
1029	NGUYEN THUY AI	***387	73,095
1030	NGUYEN THI LAN HUONG	***579	51,180
1031	DAO NGUYEN VAN	***847	36,939
1032	BUI NGOC TUAN	***888	63,500
1033	NGUYEN THI THAM	***878	41,839
1034	VU CHINH NGHIA	***374	117,150
1035	DO DINH DAN	***693	120,060
1036	VU THI THANH TAM	***257	176,990
1037	LEE DONGKEUN	***766	59,000
1038	CAO THI HUONG	***810	48,656
1039	CAO THI TUYEN	***141	90,324
1040	NGUYEN THU HIEN	***266	258,734
1041	MAI VAN TUAN	***895	136,220
1042	NGUYEN VIET HOA	***447	51,462
1043	NGUYEN THI NGAN TRANG	***928	94,606
1044	CHANG SOO JUNG	***027	83,040
1045	NGUYEN THI LAN	***245	50,897
1046	NGUYEN THI THUY	***288	45,278
1047	LUONG THI TAM	***214	50,785
1048	NGUYEN DUY	***523	480,379
1049	PHUNG VAN DIEN	***673	136,071
1050	NGUYEN THI THU THUY	***768	94,590
1051	HOANG THI VAN	***482	56,370
1052	DOAN XUAN TINH	***316	1,000,000
1053	TRAN THU HA	***247	56,620
1054	TRAN DUC LOI	***435	68,267
1055	TRAN QUANG PHU	***122	43,930
1056	DAO THI CHAM	***771	88,343
1057	VU VIET CONG	***982	123,954
1058	VUONG TO HUONG	***779	54,996
1059	NGUYEN THU HOAI	***880	73,340
1060	VU THI DUNG	***961	129,281
1061	NGUYEN THI TRA LINH	***291	57,850
1062	TRAN THI LAN	***449	227,500
1063	PHAN THI DIEU LINH	***404	48,890
1064	AN YANG SUB	***546	124,989
1065	NGUYEN KHAC HOC	***996	168,660
1066	BUI VAN TIEP	***182	93,177
1067	VU THU TRANG	***803	255,390
1068	NGUYEN VAN VINH	***242	47,677
1069	LE THI BICH NGUYET	***828	136,780

1070	DANG THI HANG HANH	***364	433,386
1071	TRAN NAM KHANH	***222	59,435
1072	TRAN THI HUONG	***764	181,070
1073	PHAM VAN TUAN	***616	100,145
1074	NGUYEN THI HAI	***191	100,212
1075	VU THI HANH	***528	60,316
1076	LE THUY LINH	***829	84,288
1077	CAO THI MINH PHUONG	***512	78,052
1078	NGUYEN THI MINH HANG	***020	48,301
1079	NGUYEN THI NGOC VAN	***965	142,826
1080	LE NGUYEN PHUONG THU	***961	266,474
1081	NGUYEN BA DAT	***110	283,260
1082	NGUYEN THI HUYEN TRANG	***284	100,996
1083	NGUYEN TIEN HOANG NGUYEN	***398	65,600
1084	VU VAN TUYEN	***347	103,594
1085	TRAN THI KIM ANH	***338	38,110
1086	NGUYEN DUY QUANG	***781	45,854
1087	LE THI PHUNG	***916	236,822
1088	LE DAI PHONG	***214	641,168
1089	LE THI HUYEN THANH	***041	30,079
1090	TRAN THI DIEU THUY	***886	39,690
1091	LE THI ANH NGOC	***783	114,600
1092	NGUYEN THI HANG	***208	90,041
1093	VU MINH TAN	***676	218,576
1094	NGUYEN HOANG DUNG	***746	222,380
1095	NGUYEN TIEN DONG	***132	829,019
1096	NGUYEN MINH TAM	***722	78,451
1097	TRAN THI NHU LAU	***050	1,000,000
1098	NGUYEN BA THAI HA	***351	60,209
1099	MAI NHU DAI	***947	34,680
1100	TRAN DO	***037	77,690
1101	CAO MINH SANG	***955	85,750
1102	NGUYEN THI KIM THANH	***155	1,000,000
1103	DUONG HONG PHUC	***273	244,302
1104	VAN VIET PHU	***449	140,000
1105	DO VAN NGHIA	***859	195,086
1106	NGUYEN THI THANH DIEM	***768	157,316
1107	PHAN XUAN LOC	***488	74,108
1108	LUONG THI VU BAO	***317	127,080
1109	NGUYEN CANH TY	***388	321,176
1110	PHAN THI CAM THUY	***058	30,948
1111	TRAN NU PHI YEN	***002	48,505
1112	CHI NHIT PHI	***437	80,165
1113	NGUYEN QUOC DUNG	***472	65,430
1114	HOANG TU HAI	***760	37,230
1115	NGUYEN XUAN LAN	***131	138,840
1116	NGUYEN PHAM MAI TRANG	***003	979,250
1117	NGUYEN PHAM HA	***160	34,670

1118	TRAN HUONG THU	***658	86,963
1119	NGUYEN THI THANH TAM	***568	45,770
1120	NGUYEN THI LINH	***886	43,699
1121	TRAN XUAN TIEN	***054	45,840
1122	LA THI THANH THUY	***998	353,551
1123	KHIEU THI VAN ANH	***370	112,168
1124	NGUYEN NGOC THUY	***457	454,230
1125	NGUYEN XUAN TRANG	***416	78,674
1126	PHAM NGOC BA TUOC	***301	75,850
1127	HUYNH XUAN DAO	***631	285,768
1128	CHEN TZU HSUAN	***329	49,257
1129	NGUYEN ANH SAO	***689	77,350
1130	VO THI HONG	***087	113,654
1131	BUI THI HONG TU	***514	53,330
1132	BUI THI THANH HUONG	***457	321,174
1133	NGUYEN VIET CHUONG	***942	232,882
1134	DINH THI THANH THAO	***326	239,635
1135	TRAN THI HUONG HUYEN	***756	411,759
1136	NGUYEN NGOC ANH	***091	550,030
1137	NGUYEN BICH NHAN	***921	116,500
1138	NGUYEN TRUONG KHANH	***409	60,410
1139	LUU THI HOAI THU	***754	105,420
1140	THAI THI NGOC ANH	***340	159,755
1141	NGUYEN THI XUAN QUYNH	***696	256,175
1142	PHAM HAI VAN	***463	33,600
1143	PHAM TRUNG NGHIA	***481	180,351
1144	VO THI TUYEN	***966	111,618
1145	NGUYEN THANH AN	***773	149,366
1146	DAO THI LE NGUYEN	***203	63,800
1147	NGUYEN THUY NGOC TRAM	***341	101,440
1148	CHAU NGOC TRINH	***451	149,790
1149	PHAN VAN LUAN	***831	50,280
1150	NGUYEN BA SON	***631	43,829
1151	TRAN THI BACH VAN	***159	66,500
1152	TRAN RIN ANH	***332	119,210
1153	PHAM MINH TUAN	***620	149,788
1154	NGUYEN DINH TAI	***623	47,140
1155	TRUONG MINH PHUONG	***716	132,340
1156	HUYNH DUY KHANH	***827	32,785
1157	NGUYEN THI KIM OANH	***614	125,148
1158	HOANG NAM VU	***886	39,835
1159	LE THANH SON	***400	69,799
1160	TRAN QUOC TRUNG	***406	148,822
1161	NGUYEN DUY KHANH	***733	70,585
1162	NGUYEN THI NGOC PHU	***389	49,421
1163	LE THI MINH HIEU	***624	129,600
1164	LE THI THANH THUY	***549	236,348
1165	VO TAN PHONG	***547	208,511

1166	LE THI HUYEN TRANG	***062	52,760
1167	BUI VIET DUNG	***636	327,546
1168	HO HUU PHUC	***856	307,649
1169	VO NGOC XUAN	***879	98,570
1170	NGUYEN THI THAM	***090	70,650
1171	VONG VINH DAT	***586	82,730
1172	NGUYEN VU HA THANH	***174	76,291
1173	BUI THI SAC	***717	76,666
1174	TON THAT CAT TUONG	***017	81,413
1175	CHAU NGHIEP VAN	***080	45,365
1176	HUYNH THI BE BA	***658	54,560
1177	NGUYEN LE THAO NGAN	***393	193,151
1178	AN VAN CO	***774	44,970
1179	TRAN PHAM THANH THUY	***521	193,180
1180	LAM THI THU HIEN	***692	203,938
1181	NGUYEN THU HONG	***693	66,265
1182	PHAM THI DIEU HIEN	***488	73,116
1183	PHAN HUU HUNG	***079	124,634
1184	TRAN THI KIM NGA	***801	31,550
1185	TRAN THANH LONG	***117	179,201
1186	NGUYEN NHUE GIANG	***530	112,979
1187	DO HOAI SON	***279	302,415
1188	HUYNH THI BAO NGOC	***648	135,844
1189	HUA THI BACH YEN	***545	261,574
1190	LE THI HUE	***720	100,716
1191	NGUYEN THI TRAM	***535	40,681
1192	NGUYEN THAI DANH	***996	196,076
1193	LE NU HOANG OANH	***012	170,190
1194	LE NGHIEM THAO	***386	99,340
1195	DUONG THI BICH DAO	***248	275,610
1196	VUONG QUOC KHOI	***442	446,617
1197	NGUYEN THI HUYEN	***056	980,000
1198	HOANG THI MINH THU	***696	37,660
1199	NGUYEN THI MINH	***010	990,000
1200	NGUYEN THI DIEP	***126	52,360
1201	LY NHUT HUNG	***194	1,000,000
1202	TRAN HUU PHUC	***100	167,770
1203	HUYNH MY MY	***507	64,593
1204	BUI THI THUY HANG	***493	111,818
1205	DO HOANG MINH	***028	233,050
1206	VO THI THANH NGA	***710	232,144
1207	NGUYEN THI DUYEN ANH	***021	139,958
1208	NGUYEN THI NGOC LINH	***098	39,999
1209	NGUYEN MINH TAM	***670	94,565
1210	LE NGUYEN THU TRANG	***333	175,766
1211	NGUYEN THANH HUNG	***669	50,400
1212	DO HOANG NAM	***203	30,740
1213	NGUYEN THI HOAI AN	***712	86,160

1214	NGUYEN CONG LIEM	***147	64,095
1215	HUYNH TRONG DUC	***709	423,475
1216	LY CAM NHUNG	***023	96,563
1217	PHAM THI NGOC LAN	***558	129,794
1218	PHAM LE TRUNG	***432	84,562
1219	NGUYEN NGOC ANH	***067	87,220
1220	TRAN THI KIM HONG	***638	258,730
1221	DANG QUANG HUY	***960	133,210
1222	DINH LAI BANG	***228	117,643
1223	NGO TRAN NGOC AN	***992	171,090
1224	NGO THI MY DUYEN	***292	118,355
1225	NGUYEN TAN AN VINH	***064	117,780
1226	TRAN THI DIEP	***638	83,496
1227	LE THAI SON	***797	183,200
1228	HOANG MINH TUAN	***198	92,600
1229	DAO HOANG THONG	***557	191,164
1230	NGUYEN THI PHUONG LINH	***426	69,137
1231	TRAN THI MAI LAN	***463	103,820
1232	PHAM THI THU HA	***399	46,150
1233	HOANG THI HUONG	***197	282,344
1234	TRAN THI HAI YEN	***845	144,332
1235	DO DUY HUNG	***055	77,520
1236	TRAN XUAN LOC	***324	71,690
1237	PHAM VAN QUYET	***607	129,193
1238	PHUNG MANH CONG	***992	194,728
1239	NGO THI THUY	***626	779,500
1240	NGUYEN THUY DUNG	***588	224,884
1241	TRAN MINH CHAU	***328	609,604
1242	BUI TRA LY	***182	32,230
1243	DAO THI BICH	***649	41,090
1244	NGUYEN THI NGOC HUONG	***655	1,000,000
1245	PHAM KHANH CHI	***701	47,123
1246	VU HONG LONG	***274	123,484
1247	NGUYEN VAN SON	***436	515,592
1248	NGUYEN THAI DUNG	***332	165,650
1249	NGUYEN VU CUONG	***931	48,178
1250	DO VAN MINH	***981	76,260
1251	NGUYEN VAN SY	***277	43,410
1252	TRIEU THI THU PHUONG	***177	132,712
1253	TRAN NGOC QUYNH	***937	38,316
1254	NGUYEN THANH NGA	***169	247,714
1255	NGO HAI YEN	***274	79,234
1256	NGUYEN VAN CUONG	***215	105,300
1257	NGUYEN THI DIU	***358	58,320
1258	TRAN HAI YEN	***864	209,790
1259	PHAM ANH TUAN	***919	48,179
1260	NGUYEN THI HUE	***348	78,724
1261	NGUYEN THUY HUONG	***056	57,280

1262	NGUYEN LE CHI	***719	38,730
1263	LEE SANGHYEON	***511	53,496
1264	NGUYEN KIM THANG	***631	47,224
1265	NGUYEN THU LUONG	***584	73,290
1266	NGUYEN NGOC HIEN	***387	351,704
1267	LE THI MINH	***379	47,936
1268	HOANG MINH HANG	***350	223,999
1269	TRAN THI THANH HUYEN	***384	76,328
1270	NGUYEN CONG HOANG	***597	70,548
1271	DANG KIM ANH	***728	116,589
1272	NGUYEN THE LUC	***688	532,603
1273	MAI PHUONG NAM	***130	52,946
1274	DO THI KIM CUC	***695	130,538
1275	TRINH THI THANH HA	***875	75,245
1276	TRAN THU HOAI	***190	50,544
1277	LUU TUAN HUNG	***585	109,900
1278	NGUYEN QUE NGA	***510	47,687
1279	LE THANH QUANG	***987	35,419
1280	DINH VAN KHANH	***218	82,150
1281	VU THI DUNG	***767	50,522
1282	NGUYEN NGOC HAN	***913	110,273
1283	VO THANH QUANG	***869	342,215
1284	NGUYEN THU HANG	***996	142,664
1285	NGUYEN ICH HUY	***819	267,728
1286	MAI THANH TU	***965	149,380
1287	VO VAN HAO	***242	175,329
1288	VO THI HIEU	***257	34,207
1289	NGUYEN THI MINH TRINH	***228	1,000,000
1290	DANG THI BACH NGOC	***775	58,952
1291	TRAN HOANG HUYEN TRAN	***900	130,464
1292	HO KHAC DUY	***548	996,000
1293	CHAU NGOC LIEN	***250	34,100
1294	NGUYEN QUOC HUY	***749	69,500
1295	NGUYEN THI TOAN	***242	919,910
1296	PHAM VAN BIEU	***432	35,740
1297	PHU THI MY NGA	***280	35,093
1298	TRINH THANH NHON	***182	153,608
1299	TRAN LAM DUY	***217	623,810
1300	HOANG THUY DIEM CHI	***024	97,760
1301	TRINH PHU CUONG	***681	1,000,000
1302	NGUYEN THI AN	***173	105,524
1303	TRAN VINH SON	***083	124,810
1304	LUU THI THU CUC	***265	53,400
1305	TRAN HANH KHANH TRAN	***977	96,487
1306	VO HOAI AN	***412	123,793
1307	TRAN MINH THU	***174	107,324
1308	NGUYEN THI HONG NHUNG	***589	54,787
1309	PHAN THI TRANG THANH	***674	80,558

1310	NGUYEN THI LOAN	***360	293,860
1311	NGUYEN THANH TUNG	***659	807,276
1312	PHAM THI HUYEN	***344	58,114
1313	NGUYEN THI KIM LOAN	***756	33,505
1314	VU THI CAM VAN	***387	38,310
1315	NGUYEN HUU DUNG	***654	117,278
1316	DINH VAN NGOAN	***431	289,380
1317	PHAM DINH HUNG	***608	42,946
1318	NGUYEN VAN BAO	***324	281,500
1319	NGUYEN THI THUY DUONG	***643	31,252
1320	TRUONG VINH LOC	***778	97,580
1321	NGUYEN QUYNH PHUONG THAO	***550	228,063
1322	NGUYEN THI CUC	***560	48,740
1323	LUU D P HONG HANH	***564	180,580
1324	TRAN DUC HUNG	***644	31,900
1325	VUONG THI KIM YEN	***984	118,562
1326	TRAN THI HONG YEN	***108	233,339
1327	NGUYEN YEN NHI	***431	219,352
1328	VO THI TAM	***339	213,840
1329	CAO THI NHU QUYNH	***938	85,000
1330	LE NGUYEN UYEN KIM	***331	31,574
1331	NGUYEN THANH PHA	***813	242,663
1332	VU TIEN DAT	***456	159,360
1333	TRUONG HONG LOAN	***386	408,645
1334	NGUYEN VAN HIEU	***253	275,000
1335	DAU THI MAI DUC	***223	67,121
1336	NGUYEN HUU PHUOC	***470	222,949
1337	DANG THI MY CHI	***117	84,976
1338	NGUYEN DUC HUY	***106	39,770
1339	NGUYEN THI LIEM	***868	279,977
1340	NGUYEN TUAN DUY	***413	82,210
1341	TON THI MAI TRANG	***154	64,930
1342	NGUYEN THU PHUONG	***676	111,962
1343	PHAN KIM LIEN	***675	954,950
1344	CHU THI NGUYET QUE	***314	34,940
1345	NGUYEN THI HONG THAM	***568	199,729
1346	PHAN TUYET LE	***041	62,118
1347	MAI THUY LOC	***769	100,758
1348	BUI THI THANH XUAN	***640	114,990
1349	NGO THI THANH HOA	***340	94,586
1350	PHAM VAN DAN	***888	78,016
1351	NGUYEN THI THO	***877	34,360
1352	PHAN MAI TRANG	***240	814,320
1353	DANG THI THANH HIEN	***348	107,032
1354	LE THANH THUY	***174	229,139
1355	TO TUAN	***118	77,483
1356	NGO PHUONG LIEN	***486	64,903
1357	LE THI NGOC MO	***055	77,882

1358	NGUYEN HUU TUYEN	***191	113,470
1359	NGUYEN TRUNG KIEN	***986	44,849
1360	DO THI KIM NHUNG	***408	70,160
1361	VU THI THU THUY	***408	116,389
1362	NGUYEN ANH TUAN	***227	258,734
1363	DAO THI HOA	***119	288,400
1364	LAI THI TINH	***966	37,010
1365	LE THI DUNG	***247	150,969
1366	DANG THI MAI	***366	49,463
1367	NGUYEN THI KIM LIEN	***890	387,833
1368	LE HOANG	***346	176,683
1369	PHAM MINH NGOC	***109	92,720
1370	PHAM THI THU TRANG	***213	35,785
1371	TRAN HOAI NAM	***936	45,386
1372	NGUYEN VAN MANH	***095	174,541
1373	PHAM THI HUYEN	***766	167,687
1374	NGUYEN THI VINH HA	***120	76,274
1375	LE THI DONG THUY	***433	267,678
1376	TRUONG THI LIEN HUONG	***438	31,230
1377	LE THANH SON	***089	123,160
1378	MAI THI THIN	***403	85,780
1379	NGUYEN THI LONG VAN	***061	400,476
1380	NGUYEN THI THUY	***040	119,770
1381	HOANG THI THANH THUY	***291	70,597
1382	DUONG VAN NAM	***053	223,517
1383	NGUYEN ANH TRA	***119	200,700
1384	PHAN TAN NHAC	***066	703,280
1385	NGUYEN THI XUAN HUYN	***104	92,315
1386	VU THI NGOC ANH	***952	88,748
1387	NGUYEN THI THU CUC	***198	140,837
1388	GIANG SANG TIEN	***597	113,180
1389	HUYNH CHUNG HOA	***438	93,730
1390	NGUYEN HUYNH ANH NHU	***900	240,000
1391	DOAN THI NGOC DUNG	***406	41,190
1392	NGUYEN VINH THIEN	***714	355,330
1393	PHAM THI MY HANH	***437	232,556
1394	LOI BOI VINH	***308	200,921
1395	PHAM THI PHUONG TOAN	***062	146,490
1396	DINH THI CAM VAN	***561	98,251
1397	HAI NGOC TRAN	***276	34,230
1398	NGUYEN TRONG NGUYEN	***240	46,686
1399	NGUYEN DINH LUU	***683	38,880
1400	LY XUAN THUY	***125	282,818
1401	MAI VAN QUI	***244	83,090
1402	VO NGUYEN THUY AN	***027	91,041
1403	LY HOANG YEN	***273	128,690
1404	NGUYEN TRUONG SON	***393	70,264
1405	VO THI HONG THUY	***305	841,017

1406	THAI KINH LUAN	***395	55,280
1407	NGUYEN HONG YEN	***328	85,557
1408	NGUYEN THI KIM PHUON	***618	40,215
1409	DOAN NGOC DUNG	***172	31,310
1410	PHAM TUAN TU	***240	33,367
1411	NGUYEN THI THANH HA	***845	107,172
1412	DINH DONG MINH	***660	34,205
1413	NGUYEN VAN LONG	***402	50,997
1414	PHAM VAN TINH	***959	117,700
1415	LOI NGOC BICH	***837	40,350
1416	PHAM THI HONG TRANG	***199	45,725
1417	NGUYEN HONG SON	***857	251,596
1418	DUONG CONG DINH	***437	605,293
1419	PHAM THI TUYET XUAN	***146	61,623
1420	HOANG HAI BANG	***338	46,910
1421	HA THI THUONG	***030	127,170
1422	PHAM THI THANH HOA	***964	100,934
1423	NGUYEN HOANG HIEP	***701	45,270
1424	NGUYEN VAN TUONG	***604	112,028
1425	DAO PHAM MINH THAI	***380	1,000,000
1426	PHAM THI LONG	***456	70,282
1427	TRAN HOAI VAN	***614	170,812
1428	NGUYEN THI MINH HUONG	***136	36,691
1429	MAI THI THU HA	***527	60,762
1430	TRUONG VAN PHUC	***053	203,408
1431	VU THI HA	***261	363,460
1432	DUONG CAO THAI NGUYEN	***607	47,120
1433	NGUYEN THI PHUONG THAO	***495	83,061
1434	HUYNH TRONG KHOI	***483	74,810
1435	NGUYEN HUU LUAN	***933	80,206
1436	NGUYEN THANH TUAN	***324	107,093
1437	TRAN THU HA	***285	279,426
1438	HOANG MANH LONG	***964	157,330
1439	DO MINH TAN	***131	47,520
1440	LUONG THI HONG CHUC	***837	98,440
1441	TRAN XUAN BACH	***556	65,110
1442	DAM MANH TRUONG	***320	37,599
1443	BUI THI THANH HA	***340	73,641
1444	VU THI THU HUYEN	***338	90,649
1445	TRUONG VAN LUNG	***432	164,815
1446	NGUYEN THI THU HOAI	***653	358,650
1447	NGUYEN THI THUY LINH	***977	42,720
1448	TRAN VAN ANH	***040	68,241
1449	TRINH THI KIM DIEP	***600	500,987
1450	NGUYEN THI THU THUY	***913	216,041
1451	AU THUY NGA	***698	42,070
1452	NGUYEN NGOC MANH	***427	194,270
1453	NGO THANH TU	***096	74,091

1454	PHAM THU MAI	***950	36,597
1455	LE THI HANH	***137	63,950
1456	NGUYEN THI THUY	***131	151,089
1457	BUI THI HAI YEN	***291	116,323
1458	NGUYEN THI LAN ANH	***923	41,005
1459	PHAM MINH PHUC	***656	544,776
1460	TRAN THI KIM KHANH	***938	106,430
1461	KIM VAN LINH	***184	300,000
1462	LUONG QUANG CUONG	***331	64,118
1463	NGUYEN KHAC NINH	***925	134,076
1464	NGUYEN VAN THU	***345	105,822
1465	TRAN MINH PHUNG	***803	92,404
1466	TRAN DINH VINH	***369	76,241
1467	PHAN THI TRINH LAN	***901	240,431
1468	DO CAM THOA	***658	95,453
1469	HO THI HAI YEN	***831	145,384
1470	NGUYEN TU UYEN	***078	194,291
1471	PHAM THI HANG	***930	83,638
1472	TRAN NGOC MINH	***547	106,127
1473	MAI THI THU HIEN	***935	198,560
1474	TRAN THANH SON	***838	126,788
1475	NGUYEN THI TAM HIEN	***796	30,350
1476	MOSSAN LAURENT MINH	***252	41,865
1477	HOANG NGOC ANH	***118	68,268
1478	TRINH CONG NONG	***924	56,910
1479	LE DUC HUY	***016	34,630
1480	NGUYEN HUONG THI	***425	66,167
1481	NGUYEN AN PHUC HANH	***876	49,202
1482	NGUYEN THI THANH AN	***361	175,710
1483	NGUYEN THI MY DUNG	***241	46,527
1484	DO THI HIEN	***452	138,480
1485	NGO THI THACH TRUC	***226	46,214
1486	NGUYEN MANH THUY DOAN	***855	62,074
1487	CAO NU VINH HA	***004	134,796
1488	NGUYEN LY TO ANH	***142	70,425
1489	ON MINH SON	***808	38,250
1490	NGUYEN THI HONG CHUYEN	***814	65,470
1491	VU THUY HANH	***031	42,740
1492	NGUYEN THI THU HOAI	***788	99,700
1493	HOANG THI XUAN	***805	105,884
1494	VU MINH NGOC	***713	99,950
1495	NGUYEN THUC BICH TIE	***896	60,800
1496	LUU THANG LOI	***896	75,360
1497	PHAN CONG THANH	***778	87,223
1498	NGUYEN TUONG BAO VY	***810	152,178
1499	PHAM THI TUYET HONG	***374	78,436
1500	BUI QUANG TUAN	***141	54,749
1501	PHAM NGOC DIEP	***819	156,891

1502	LE QUOC DUY	***211	300,000
1503	NGUYEN THI KIM PHUONG	***554	55,060
1504	PHAM VAN ANH	***337	241,280
1505	NGUYEN DINH ANH MINH	***860	91,570
1506	NGUYEN THE PHUONG	***093	106,901
1507	TRUONG DINH PHUC	***540	246,781
1508	NGUYEN THI NHIEU	***890	150,050
1509	THAI THI MINH THU	***781	49,580
1510	NGUYEN VAN HIEN	***959	95,915
1511	HOANG QUOC VAN	***617	34,955
1512	LEE JAE EUN	***507	97,000
1513	LEE JAE HYEON	***245	160,079
1514	JUNICHI SUZUKI	***555	114,380
1515	PHAM THI PHUONG	***980	173,670
1516	BUI QUANG DAT	***562	600,000
1517	NGUYEN BA VAN	***136	131,590
1518	BUI THI HONG CHINH	***247	804,170
1519	NGUYEN THANH VAN	***173	146,800
1520	NGO THI MAI HOA	***718	63,840
1521	PHAN THI MAI	***623	39,582
1522	DANG THU HUONG	***461	88,436
1523	NGUYEN THI NHUNG	***021	56,880
1524	TRAN THE VINH	***451	37,930
1525	LE THI LAN PHUONG	***249	90,962
1526	LUU THANH XUAN	***280	51,164
1527	NGUYEN THI THOA	***410	662,532
1528	NGUYEN THI MY HANH	***960	420,699
1529	PHAM THI LAN HUONG	***618	59,304
1530	NGUYEN MINH HANG	***452	49,950
1531	VU THI HONG GIANG	***861	108,654
1532	BUI THI PHUONG	***317	37,118
1533	NGUYEN TUNG LONG	***880	63,730
1534	DINH THI THUY	***997	40,400
1535	DOAN THI HOAI	***514	59,840
1536	TRAN HAI LY	***608	72,660
1537	TRAN THI THU HANH	***045	55,306
1538	NGUYEN THI GIANG CHI	***303	96,659
1539	BUI THI NGOAN	***491	47,858
1540	NGUYEN VAN HAI	***536	88,120
1541	TRAN VAN THANH	***641	42,229
1542	LE THANH TOAN	***251	99,630
1543	PHAM HUYEN THU	***264	590,049
1544	NGUYEN THI THUY NGA	***871	34,212
1545	HOANG THI LY	***435	36,390
1546	PHAM VAN QUOC	***455	42,800
1547	NGUYEN VAN HIEN	***951	46,689
1548	PHAN ANH KIET	***451	305,343
1549	HOANG MINH HIEU	***336	120,866

1550	VU HONG NGOC HAN	***522	31,342
1551	NGO THI TU ANH	***938	49,327
1552	DINH THI HOANG HA	***895	53,930
1553	LE THI HONG TUYEN	***815	42,860
1554	LE THI THANH HUONG	***657	103,270
1555	VUONG BICH THUY	***220	51,561
1556	HOANG THU THUY	***225	1,000,000
1557	NGUYEN THI THUY	***169	1,000,000
1558	DANG THI THOM	***741	1,000,000
1559	NGUYEN VAN TIEN	***735	250,256
1560	BUI NGOC ANH	***445	49,139
1561	LE THI LIEN	***392	52,365
1562	NGUYEN THI THUY TRAN	***462	188,730
1563	TRAN THI THU HONG	***935	39,893
1564	HOANG THI THUY TRANG	***597	48,476
1565	TRAN VAN TU	***603	97,653
1566	NGUYEN THI HONG NHUN	***137	42,348
1567	HA HAI YEN	***050	75,378
1568	VU CANH TOAN	***305	65,854
1569	NGHIEM VAN HAO	***969	72,860
1570	SUTHINUN MANOPAIBOON	***166	391,530
1571	NGUYEN THI KIM OANH	***182	45,577
1572	NGUYEN THI BICH HANH	***714	438,586
1573	NGUYEN VAN HAN	***226	48,047
1574	DANG THI PHUONG THAO	***166	54,904
1575	TRAN THI THO	***089	47,248
1576	VO THI HOANG OANH	***301	136,022
1577	NGUYEN THI PHUONG	***788	168,140
1578	VU QUYNH NGA	***559	72,871
1579	NGUYEN VU THANG	***721	459,031
1580	CHU NGOC YEN	***472	105,640
1581	NGUYEN THI HAI YEN	***383	48,509
1582	VO THI THUY HANG	***141	205,140
1583	TRAN THI TUYET HUONG	***876	38,811
1584	PHAM THI THU QUYNH	***269	137,590
1585	DINH HOANG GIANG	***660	243,058
1586	DAO MINH QUAN	***352	46,200
1587	DOAN TRONG SY	***814	99,775
1588	HOANG THI HUYEN VAN	***316	913,781
1589	NGUYEN THAI HUNG	***879	838,082
1590	TRAN THI KHANH	***942	56,925
1591	MAI XUAN HAI	***086	82,222
1592	PHAM DUONG PHAN NGUYEN	***797	99,920
1593	DAO THANH TRUNG	***079	183,004
1594	NGO ANH THU	***537	82,200
1595	HUYNH HIEN HAI	***886	288,253
1596	PHAM THI HONG NGOC	***502	32,830
1597	BUI THI QUYNH	***128	142,076

1598	HO THI MAI LAN	***620	435,269
1599	NGUYEN MINH HOA	***286	457,985
1600	NGUYEN THI TU OANH	***214	90,500
1601	NGUYEN THI MI DUNG	***154	91,902
1602	VU ANH TUYET	***162	90,800
1603	PHAM THI HA	***518	68,490
1604	NGUYEN THU HA	***061	77,690
1605	NGUYEN THI HAI YEN	***100	368,260
1606	NGUYEN THI CHUNG THU	***044	44,210
1607	NGUYEN THI TUYET MAI	***250	52,410
1608	GIAP THI KHUYEN	***442	60,880
1609	NGUYEN QUYNH MAI	***061	109,528
1610	DANG HUY KHIEM	***444	147,692
1611	TA THI CHI	***269	377,297
1612	TRAN THANH TRUC	***367	42,140
1613	HOANG XUAN DAI	***341	63,170
1614	NGUYEN VAN THANH	***902	107,654
1615	PHAM THI THAO	***127	49,300
1616	KIM YUN HUI	***854	75,801
1617	YOUK SOO IN	***302	166,706
1618	NGUYEN THANH TINH	***513	66,648
1619	LE THANH DUONG	***601	60,390
1620	VU THI HONG LOC	***366	89,756
1621	TRAN MANH CUONG	***320	92,690
1622	NGUYEN DUY MANH	***645	166,153
1623	NGUYEN THI THAO	***737	43,261
1624	LE VU HOANG ANH	***266	487,416
1625	LE DAC TUYEN	***089	1,000,000
1626	DO THE PHI	***595	1,000,000
1627	LE THI HONG THUY	***240	68,065
1628	VGUYEN THI HANG	***641	1,000,000
1629	TRAN THI PHUONG LAN	***137	127,347
1630	NGUYEN THI THUY VAN	***278	302,790
1631	NGUYEN VAN HAI	***590	1,000,000
1632	TRAN THU HA	***043	1,000,000
1633	TRAN THI THU	***438	176,120
1634	MAI THI MEN	***615	1,000,000
1635	LE LONG HAI	***517	45,420
1636	LE THI QUYNH PHUONG	***655	84,874
1637	NGUYEN THI THU	***350	1,000,000
1638	VU QUOC VIET	***324	31,860
1639	DANG THI DIEP	***049	185,140
1640	NGUYEN XUAN HUU	***055	55,404
1641	DAO THI THU HUONG	***185	137,580
1642	TRAN SON TUNG	***773	227,509
1643	DAO THI HOA	***726	240,850
1644	NGUYEN HAO KIET	***096	45,900
1645	NGUYEN HOAI LE	***092	121,956

1646	NGUYEN THI THUY NGAN	***268	98,643
1647	NGUYEN THI HUONG	***914	152,752
1648	NGUYEN BINH AN	***421	89,450
1649	VU QUOC KHANH	***519	35,190
1650	NGUYEN DINH HOAN	***702	151,193
1651	NGUYEN THI THU GIANG	***134	161,589
1652	PHAN THI HONG HA	***995	46,786
1653	LE XUAN DUNG	***684	137,694
1654	LE VAN QUYEN	***493	791,300
1655	LE MA LUONG	***349	161,625
1656	NGUYEN VAN DAT	***070	30,990
1657	LE QUOC LAP	***569	35,530
1658	HO HUU DUC	***523	388,080
1659	TRAN MINH PHUOC HOA	***159	752,525
1660	NGUYEN THU THAO	***907	54,926
1661	NGUYEN THI THANH	***295	133,070
1662	TRA VAN HUNG	***997	43,034
1663	NGUYEN LE VIET HA	***751	72,984
1664	PHAN HONG TRUNG	***637	78,306
1665	TRAN THI THANH TINH	***572	33,137
1666	NGUYEN KIM TAN	***417	74,078
1667	LE THANH TRA	***986	50,512
1668	NGUYEN THI SUONG	***562	70,457
1669	TRAN THI QUYEN	***901	904,060
1670	DO THUY LINH	***289	35,290
1671	DO PHU LOC	***263	248,484
1672	NGUYEN THI KIM OANH	***837	46,545
1673	PHAM THI LAN	***632	70,633
1674	DO NHU TUNG	***445	87,971
1675	LE THI HA	***305	100,279
1676	HOANG CONG BINH	***597	89,160
1677	CAO XUAN DUC	***241	113,870
1678	CAO MANH TUAN	***525	48,610
1679	LAM THI CHINH	***585	74,419
1680	CHU THANH VINH	***708	69,904
1681	NGUYEN THI MINH NGUYET	***647	51,822
1682	NGUYEN VAN HUNG	***197	49,342
1683	NGUYEN THI MINH HONG	***826	156,187
1684	TRAN THI CHIEN	***993	87,552
1685	VU THI THU HUYEN	***502	95,533
1686	DO THI BAO HOA	***141	245,074
1687	NGUYEN DINH CUONG	***508	33,590
1688	NGUYEN THI MAI HUONG	***446	137,474
1689	NGUYEN DUC MINH	***726	463,592
1690	NGUYEN VAN MINH	***079	363,377
1691	VU CONG TAO	***348	371,995
1692	NGUYEN THI MAI HUONG	***046	184,293
1693	VU THI THANH HUYEN	***009	85,120

1694	TRAN PHUONG THUY	***340	86,250
1695	LE XUAN TIEN	***102	384,442
1696	VU THI CAM UYEN	***100	1,000,000
1697	BUI QUOC HUY	***560	42,720
1698	SATORU KAWASAKI	***231	397,132

3. Tại Trung tâm thương mại, Trung tâm điện máy và Zara

STT	Họ và tên khách hàng	Số thẻ	Số tiền trả thưởng (VNĐ)
1	LE MINH HOANG	***737	1000000
2	NGUYEN KIM VAN	***307	549300
3	HUYNH CONG NGOC HAN	***986	489700
4	NGUYEN LAM NGOC PHUO	***884	1000000
5	LE THI QUYNH MAI	***840	1000000
6	PHUNG QUOC TUAN	***839	1000000
7	MAC HUNG CUONG	***821	1000000
8	NGUYEN THU TRANG	***835	1000000
9	NGUYEN NGOC HUONG	***591	567800
10	NGUYEN VAN THUONG	***024	608000
11	NGUYEN HUYEN TRANG	***770	758700
12	NGUYEN THI THUY AN	***962	699000
13	THAI THI TUYEN	***243	1000000
14	DIEN HONG HA	***584	500000
15	LE THANH THUY	***277	1000000
16	PHAM THANH THUY	***574	775000
17	NGHIEM THU HA	***938	954000
18	NGUYEN HUU NGHIA	***173	1000000
19	PHAM THI THUY DUONG	***675	660000
20	NGUYEN AI THANH DAN	***325	1000000
21	NGUYEN THI TAM	***733	1000000
22	NGUYEN LINH PHONG	***715	990000
23	LE NGOC HA	***364	670000
24	DOAN QUOC HUU	***056	849000
25	DANG LE XUAN PHUONG	***634	1000000
26	NGUYEN THU HUONG	***637	479500
27	NGUYEN TRONG NGHIA	***674	799000
28	NGUYEN THI NGUYET	***829	1000000
29	NGO THUY ANH	***794	1000000
30	DINH THI MINH HIEN	***926	799000
31	DAO MINH THAO	***511	1000000
32	NGUYEN THANH MINH	***265	1000000
33	DUONG DINH PHUONG	***811	1000000
34	VU THI PHUONG	***930	848800
35	NGUYEN THI THU HA	***994	737100
36	NGUYEN THI NGOC LAN	***975	1000000
37	DO VAN QUYET	***769	1000000
38	NGUYEN DUC DUY	***617	1000000
39	LAM VIET HUONG	***272	1000000
40	PHAM THI NHUONG	***726	549370

41	DUONG TUAN CUONG	***083	1000000
42	DO THI NGOC CHAU	***603	538800
43	LE THI HONG LINH	***850	1000000
44	NGUYEN T NGOC HUONG	***079	1000000
45	TRUONG AN	***253	1000000
46	NGUYEN HAI VAN ANH	***692	656100
47	PHAM THI DIEM THUY	***022	1000000
48	MAI VAN PHONG	***593	1000000
49	VO THI THUY NGOC	***991	909000
50	NGUYEN THI THUY	***931	699000
51	MA DUONG THIEN BAO	***552	900000
52	VU THI THUY LINH	***860	1000000
53	PHAN HOAI LAM	***087	500000
54	NGUYEN THI TUONG VAN	***112	699000
55	NGUYEN THI VAN	***365	849000
56	NGUYEN THI NHI	***778	319800
57	NGUYEN XUAN BACH	***665	1000000
58	VO THI THANH LAN	***162	1000000
59	DAO MINH TRANG	***171	974000
60	NGUYEN T MINH PHUONG	***403	1000000
61	NGUYEN LAN ANH	***966	1000000
62	KHONG THI HONG LE	***258	1000000
63	NGUYEN HUU VINH	***879	760000
64	LE THI BAO AN	***849	1000000
65	LE THU THUY	***379	1000000
66	DAO DUY THANG	***188	839000
67	NGUYEN T HUONG LIEN	***962	669700
68	LE NGOC NAM	***150	862300
69	PHAM THI KHANH HA	***574	1000000
70	HUYNH THI TUYET NGOC	***246	545000
71	LE XUAN PHUONG	***134	1000000
72	DUONG TUAN PHONG	***985	540000
73	PHAM THI NGOC LAN	***884	862330
74	TRAN NGOC CHAU	***586	609000
75	TRUONG MINH PHUONG	***362	1000000
76	VU THI TUYET	***145	849000
77	NGUYEN THI DIEM HUONG	***527	999000
78	PHAN THANH HAI TU	***735	1000000
79	NGUYEN THANH THUY	***995	809400
80	NGUYEN THI THUY THUY	***661	580000
81	NGUYEN THI THU THUY	***707	510000
82	TRAN THUY HONG THAM	***116	489500
83	LE THI MINH HA	***758	499700
84	LE THI HAI YEN	***377	1000000
85	NGUYEN THI KIM DUNG	***441	569700
86	NGUYEN THAI HOA	***260	1000000
87	DAO NGOC HOA	***527	399700
88	NGUYEN THI KIM TIENG	***431	607600

89	LE THI NHUNG	***262	565000
90	PHUNG THANH LAM	***066	999400
91	DANG THI DIEP	***039	655400
92	NGUYEN HONG HANH	***986	1000000
93	NGO THI THU HUONG	***275	888250
94	TRAN THI QUYNH ANH	***702	999000
95	HOANG THI THU THUY	***224	630000
96	BUI THI HONG	***525	949500
97	PHAN KHANH NGOC	***383	888250
98	TRAN THI HANH	***077	742500
99	PHAM MINH HANG	***583	599000
100	NGUYEN HONG VAN	***929	652500
101	NGUYEN THI XUAN TRANG	***283	389100
102	NGUYEN XUAN VINH THANH	***301	1000000
103	DOAN HONG NHUNG	***355	652500
104	PHAM DINH TRONG	***851	1000000
105	DAO THU TRANG	***899	1000000
106	DAO THANH HUNG	***393	1000000
107	TRAN DIEU LAN	***274	1000000
108	TRINH THI VAN ANH	***016	1000000
109	DAO THU LE	***003	540000
110	NGUYEN THI KIM THAO	***004	1000000
111	NGUYEN NHAT TRANG	***009	1000000
112	NGUYEN THU GIANG	***354	319300
113	PHAM THI QUYNH HOA	***461	538800
114	NGUYEN DUY DANH	***226	1000000
115	BUI THI MAI	***421	970000
116	NGUYEN THI HUE	***867	1000000
117	DAO THUY LINH	***711	1000000
118	DAO THI THUY	***907	768800
119	LU NGUYEN BAO UYEN	***358	1000000
120	DOAN THI LAM HUONG	***787	1000000
121	NGUYEN HOANG SANG	***902	1000000
122	PHAM MINH TUAN	***936	1000000
123	HUYNH VAN ANH	***782	1000000
124	PHAN THI NGOC HA	***612	799000
125	BUI DUC AN	***347	1000000
126	NGO THANH CUONG	***162	1000000
127	YOSUKE KONNO	***404	849000
128	LE MINH PHONG	***460	1000000
129	TRAN BA TIEN	***074	1000000
130	HUYNH THI KIM PHUONG	***937	1000000
131	TRUONG THI HANH	***481	1000000
132	VO THI NGOC TUYET	***234	885000
133	NGUYEN THI THUAN	***856	936000
134	NGUYEN THI THU HIEN	***999	1000000
135	DO TAN TAI	***817	789000
136	PHAM VAN ANH	***440	1000000

137	LAM THANH MINH THY	***082	1000000
138	DO THI NGOC YEN	***111	317300
139	VU THI THIEN LY	***983	990000
140	TO CAM LINH	***762	774700
141	VU THI KIEU TRANG	***500	1000000
142	PHAN QUYNH MAI	***100	735000
143	NGUYEN THANH LONG	***962	1000000
144	DAO THI HUE	***419	1000000
145	TRUONG THI VIET HA	***339	1000000
146	NGO THI LAN	***296	1000000
147	DO DINH VAN	***574	1000000
148	NGUYEN KHOA THANH TU	***501	1000000
149	KHUC THI LEN	***035	1000000
150	NGUYEN HONG THANH	***174	1000000
151	PHAM THI HONG NHUE	***742	1000000
152	NGUYEN PHU BINH	***515	1000000
153	LE THI THU HA	***601	1000000
154	TRAN THI THU HUONG	***853	769000
155	HA THI HUYEN	***387	800000
156	NGUYEN VAN TAI	***260	1000000
157	LE DINH HUNG	***085	649000
158	PHAM MY LINH	***537	1000000
159	PHAN TIEN PHUC	***683	1000000
160	HOANG MINH DUC	***673	1000000
161	LE XUAN CHINH	***428	1000000
162	BUI NHAT TUONG	***083	889300
163	TRAN THI THANH VAN	***808	1000000
164	CHU KHANH TOAN	***743	700000
165	TRAN MY HANH	***545	850500
166	NGUYEN TIEN BINH	***836	1000000
167	NGUYEN NGOC TRUONG	***010	1000000
168	VO DONG BINH	***127	319800
169	TRAN VAN THUAN	***836	1000000
170	QUACH TAN CUONG	***122	1000000
171	NGUYEN HIEU THAO	***613	1000000
172	VO THI BICH THUY	***099	1000000
173	NGUYEN QUOC HUY	***952	1000000
174	NGUYEN MINH SON	***222	945600
175	THIEU PHUONG NAM	***539	685800
176	NGUYEN THI HUONG	***154	979200
177	NGUYEN THI HONG VAN	***827	940000
178	NGUYEN XUAN LAN	***869	1000000
179	VU LAN HUONG	***036	1000000
180	TRINH BICH NGOC	***412	1000000
181	TA TUAN NGHIA	***898	379700
182	NGUYEN THI THANH THUY	***987	1000000
183	CAP TRONG CUONG	***608	1000000
184	NGUYEN THAI DAT	***153	1000000

185	NGUYEN ANH TUAN	***193	400000
186	NGUYEN THI BICH HONG	***045	958000
187	BUI KIM OANH	***936	1000000
188	TANABE TSUYOSHI	***435	1000000
189	VU ANH DUC	***729	1000000
190	TRAN VAN HAI	***243	319700
191	TRUONG TRONG TUAN VU	***301	1000000
192	HOANG THI HUONG	***618	489500
193	PHAM THI THU HANG	***716	1000000
194	VU THI KIM DUNG	***739	872000
195	LE NGUYEN KHAI HOAN	***303	1000000
196	NGUYEN THI BINH	***281	344400
197	HOANG THU THAO	***654	1000000
198	TRAN NGOC	***318	1000000
199	VU THI KHANH HA	***542	667600
200	TRIEU QUOC TUNG	***507	1000000
201	NGUYEN QUYNH TRANG	***503	579700
202	NGUYEN VIET TRUNG	***252	1000000
203	TRAN THI THU HUONG	***688	1000000
204	NGUYEN BICH MINH	***155	970000
205	LUONG MINH HIEU	***521	454600
206	DAM HAI GIANG	***141	1000000
207	NGUYEN HA PHUONG	***983	1000000
208	NGUYEN D HOANG HAI	***651	344500
209	NGUYEN NGOC PHU	***244	999000
210	DOAN BAO HA	***050	565900
211	NGUYEN VU GAGARINA HONG HA	***177	309600
212	TRUONG THI THU HA	***734	319600
213	DANG THI MAI HUONG	***747	1000000
214	NGUYEN NGOC MY	***560	1000000
215	BUI HONG QUY	***628	1000000
216	LA NGOC HA	***032	959000
217	NGO HOANG NHAT	***102	529200
218	BACH QUANG MINH	***553	1000000
219	DAO HONG HANH	***965	1000000
220	TRAN THUY LINH	***163	1000000
221	NGUYEN HUY DUONG	***212	1000000
222	BUI THI HONG ANH	***065	619400
223	NGUYEN THI NHU TRANG	***089	1000000
224	THANG THI HANH	***611	697250
225	HA VAN DONG	***341	998800
226	DO HUU VIET	***220	655900
227	LE THI KIM CHAU	***623	551900
228	TRUONG HOAI NAM	***646	602800
229	NGUYEN THI KIM HAI	***540	789400
230	LE HOANG PHONG	***557	725500
231	NGUYEN ANH SANG	***891	1000000
232	DAO DUC TRUNG	***043	703900

233	PHAM VU HUNG	***630	1000000
234	TRINH DANG CUONG	***656	1000000
235	PHAM HUY HOANG	***473	1000000
236	NGUYEN MINH TIEN	***776	1000000
237	BUI TRUNG KIEN	***518	1000000
238	NGUYEN THI KIEU OANH	***914	339600
239	NGUYEN NGOC HUNG	***106	1000000
240	LE HUU TINH	***635	1000000
241	DANG THI THU HIEN	***795	642200
242	NGUYEN TUAN ANH	***800	1000000
243	NGUYEN DUC TRONG	***542	1000000
244	NGUYEN VU THUY HUONG	***230	1000000
245	LE THI THANH BINH	***440	1000000
246	VO THI XUAN TRANG	***510	569500
247	VU THI THUY NGA	***832	1000000
248	NGUYEN THI HA	***623	1000000
249	BUI XUAN BAC	***686	854000
250	VU THI LUU MAI	***530	1000000
251	TRAN DUONG THUY MAN	***327	1000000
252	AU NGUYEN MINH THI	***094	429500
253	NGUYEN THI MY PHUONG	***119	379600
254	TRAN VI MY	***459	309700
255	TO VIET CUONG	***792	1000000
256	NGUYEN VU TOAN	***336	849000
257	LE ANH THU	***349	964200
258	LE THI TUYET	***605	1000000
259	LE THI BICH NGA	***178	539600
260	DANG CHI THANH	***876	927900
261	NGUYEN THI THANH TRUC	***680	1000000
262	LE THI THUY DUONG	***959	600000
263	DO TRONG THIEN	***375	749500
264	NGUYEN T THANH LOAN	***788	314400
265	DANG MAI KHANH	***571	1000000
266	HO THUY TIEN	***944	359500
267	MAI TIEN CONG	***019	1000000
268	NGUYEN THI PHUONG LE	***682	309700
269	NGUYEN THI HANG	***848	1000000
270	NGUYEN THI THU THAO	***561	1000000
271	DU THI MY LAN	***705	800000
272	BUI THU HA	***346	991610
273	NGUYEN VAN CHIEN	***683	1000000
274	NGUYEN HANH CHI	***431	359600
275	NGUYEN VAN TUONG	***604	569400
276	VU HOANG VIET	***415	515000
277	LIU CHIEN LIN	***308	1000000
278	NGUYEN VAN NINH	***326	1000000
279	THAN AN	***767	2000000
280	TRAN XUAN QUANG	***220	399100

281	PHUNG THI QUYNH NHU	***562	872100
282	PHAM MINH TRUNG	***301	1000000
283	LE THI MY DUNG	***793	975000
284	VU TRONG ANH QUAN	***714	1000000
285	NGUYEN MINH DANG TUYEN	***190	1000000
286	NGUYEN NGUYET ANH	***660	1000000
287	DAO DANG MANH	***216	658000
288	NGHIEM XUAN DUC	***776	1000000
289	BUI THANH HA	***666	1000000
290	CAO MANH CUONG	***402	1000000
291	NGO TRUONG DA	***390	1000000
292	SIN TUYET MAI	***418	932200
293	NGUYEN THI HONG HANH	***472	1000000
294	NGUYEN PHUONG HOA	***976	910000
295	DO THI LAN DAI	***234	429700
296	LE ANH NAM	***032	1000000
297	NGUYEN TRUONG GIANG	***316	1000000
298	NGUYEN TIEN TRONG	***078	1000000
299	NGO Y LINH	***605	1000000
300	NGUYEN THI HUONG GIANG	***304	359700
301	LE HAI LONG	***212	1000000
302	NGUYEN ANH VU	***905	1000000
303	DUONG THI VAN NGA	***886	379600
304	BUI THI NGOC BICH	***549	1000000
305	DO DONG THANH	***223	319800
306	TRAN THI NAM	***871	829000
307	NGUYEN VU HOANG TAN	***365	986500
308	TRAN KIEN	***066	1000000
309	DANG HONG QUANG	***638	580000
310	HA MANH HUNG	***066	699000
311	TRAN DINH OANH NGAN	***520	574100
312	DINH NAM VINH	***307	629000
313	NGUYEN T THANH GIANG	***979	1000000
314	NGUYEN THI TAN XUAN	***569	1000000
315	NGUYEN THI HONG NHUNG	***304	1000000
316	DANG THIEN TAN	***644	843000
317	PHAM THI HONG TOAN	***085	1000000
318	NGUYEN HUY HOANG	***427	567500
319	VAN TIEN THANH	***632	600000
320	NGUYEN TIEN PHONG	***004	615600
321	THAI NHIEU PHUONG	***403	1000000
322	VU THI TRANG	***135	1000000
323	NGUYEN TRONG NGHIA	***285	1000000
324	DANG VIET HANG	***886	1000000
325	NGUYEN VIET TRINH	***804	863300
326	NGUYEN THI THU HUONG	***431	599800
327	NGUYEN THI BICH THUY	***296	509100
328	NGUYEN THI MAI HUONG	***036	739800

329	NGUYEN THI NGOC HANG	***352	1000000
330	TRIEU GIA BICH	***373	1000000
331	NGUYEN THI XUAN TRANG	***376	881000
332	DO MANH TIEN	***003	631000
333	VU THI KIM NGAN	***128	1000000
334	LE THI THU HA	***119	339600
335	LE DUONG UYEN KHANH	***104	519600
336	HUYNH MY LIEN	***541	1000000
337	DO TUAN ANH	***187	1000000
338	NGUYEN TRUNG NAM	***144	1000000
339	DOAN VAN THANH	***516	1000000
340	NGO VIET TRUNG	***786	1000000
341	PHAN BICH VAN	***628	1000000
342	NGUYEN THAI HA	***777	319600
343	NGUYEN THAC PHUONG	***390	790000
344	PHAM DUC LOC	***770	699400
345	TRAN ANH PHUONG	***992	1000000
346	PHAM THI HONG VAN	***452	799000
347	TRAN THI PHUONG LY	***737	314200
348	PHAM VIET PHUONG	***416	891750
349	NGUYEN VU LAM VIEN	***454	505300
350	DO HUU LUAN	***609	1000000
351	PHAN VAN HUNG	***418	594000
352	PHAM VAN CUONG	***460	1000000
353	TRINH THI Y	***434	1000000
354	LE VAN TUAN	***795	1000000
355	NGUYEN DAC LUC	***995	602000
356	HOANG DUNG	***789	1000000
357	NGUYEN THI HONG DIEP	***048	710000
358	HOANG THI HANH	***714	1000000
359	DOAN DANH HONG	***454	1000000
360	LE THI THU HANG	***465	439600
361	TRAN HUU THO	***803	1000000
362	TRINH HOA LE	***566	759400
363	NGUYEN THI THU THUY	***165	501900
364	MAI HOANG ANH	***046	1000000
365	NGUYEN VAN CONG	***024	1000000
366	NGUYEN THI THUY LINH	***786	1000000
367	LUU QUYNH HOA	***388	326600
368	NGUYEN LOC HA	***123	1000000
369	NGUYEN DUC HUYNH	***141	329800
370	LE THI NU	***038	1000000
371	MO THI LAN HUONG	***676	1000000
372	CHU TRAN PHUONG ANH	***939	947800
373	NGUYEN THANH TUNG	***162	364700
374	NGUYEN THI ANH THU	***232	1000000
375	THAI KHA Y	***561	1000000
376	LE NGUYET ANH	***214	469700

377	VU THI HOA	***809	813600
378	PHUNG THUY CAC VI	***856	1000000
379	TRAN THI THANH TU	***234	663400
380	NGUYEN BICH THUY	***337	1000000
381	NGUYEN THI QUYNH HOA	***198	1000000
382	HOANG HOAI QUOC	***079	1000000
383	TRAN THACH ANH	***855	749000
384	LE THI TRI	***463	658600
385	LE DUC ANH	***428	499700
386	DANH NGOC OANH	***313	693600
387	NGUYEN VAN TIEN	***465	1000000
388	NGUYEN HAI	***738	699400
389	LUU VY DAO	***820	402300
390	PHAM THI HUONG	***621	1000000
391	TONG TRAN HIEU	***668	1000000
392	TRAN THI THU	***348	1000000
393	THAI NHU HIEP	***198	1000000
394	LE THI NGAN HA	***089	1000000
395	NGUYEN VINH HANH	***671	1000000
396	NGUYEN KHANH TRUNG	***088	792000
397	LE NGOC QUANG	***956	1000000
398	LE THI THU TRANG	***740	844900
399	TRAN THI NGOC	***061	1000000
400	DO MINH TRI	***593	1000000
401	DINH HONG HAI	***678	1000000
402	DAO THI NGOC YEN	***377	918000
403	BUI THI QUYNH GIAO	***710	759100
404	QUACH THI HOANG MAI	***334	359700
405	NGUYEN CUONG	***737	1000000
406	NGUYEN NGOC DUY	***489	699000
407	NGUYEN VO TUNG LAM	***542	479300
408	DO THI THUY NGA	***883	1000000
409	NGUYEN BA HOAN	***740	1000000
410	NGUYEN THANH HUYEN	***274	860000
411	NGUYEN NHUT CAO	***878	1000000
412	PHAM TUAN KHANG	***214	1000000
413	TRUONG THI PHUONG	***770	848900
414	NGUYEN HOANG NGUYEN	***209	1000000
415	TRAN VAN MINH	***372	719100
416	NGUYEN HOANG ANH	***763	1000000
417	LE MINH SON	***987	319800
418	NGUYEN HUU THUC	***753	1000000
419	SONG BYUNG CHAN	***108	684000
420	NGUYEN THI THUY	***533	544800
421	LE THANH TRUNG	***563	899000
422	VU DAI THANG	***842	1000000
423	LE VAN TOI	***628	1000000
424	NGUYEN NGOC LAN	***447	1000000

425	VU HUONG LIEN	***190	319600
426	BUI THI BICH VAN	***031	1000000
427	NGUYEN THI THANH THAO	***146	499500
428	QUACH NGUYET NGA	***112	1000000
429	DO THI THUY NGA	***674	1000000
430	NGUYEN VAN TRUONG	***224	519800
431	NGUYEN THANH XUAN	***269	1000000
432	LE THI KIM NGA	***931	580000
433	LE HUY HOANG	***771	954000
434	NGUYEN VAN BAO	***298	629900
435	HOANG CONG GIA KHANH	***512	1000000
436	NGUYEN VAN DANH	***045	1000000
437	DAM THI PHUONG THAO	***043	998000
438	LE THUY DAO	***379	610100
439	PHI QUANG DUC	***917	918000
440	NGUYEN THI TU OANH	***939	901655
441	BUI THI VIET HA	***338	1000000
442	TRAN QUOC KHAI	***059	567840
443	NGUYEN THI MY ANH	***732	509600
444	DIEC TUAN VI	***565	573400
445	LE HOANG THAI	***353	1000000
446	NGUYEN THI LE HANG	***809	514600
447	HA THI THU HA (VCB	***850	830000
448	NGUYEN THI THU HA	***734	1000000
449	DINH THI QUYNH ANH	***630	500000
450	UONG DIEU HUONG	***932	1000000
451	NGUYEN DANG HUY	***651	1000000
452	NGUYEN THI HANG	***072	469600
453	TRINH XUAN TRUONG	***741	1000000
454	LE QUANG VIET	***422	1000000
455	THACH MINH TRANG	***038	315400
456	THAN THI THU THAO	***514	489500
457	BANH BOI THI	***036	878700
458	NGUYEN THI HANG NGA	***070	775000
459	VO THI THU THAO	***129	535000
460	NGUYEN THI NGOC TIEN	***578	459600
461	NGUYEN TIEN DUNG	***561	1000000
462	NGUYEN MINH HUONG	***488	1000000
463	BUI TIEN THANH	***220	841500
464	TRAN THANH XUAN	***160	1000000
465	TRAN HOAI AN	***837	1000000
466	HO CAM UYEN	***332	1000000
467	MAI NGOC QUYEN	***134	763000
468	TRAN DUC HANH	***517	900000
469	DAO VAN QUYNH	***832	1000000
470	DO THUY ANH	***880	314700
471	NGUYEN DUC HANH	***352	656000
472	HUYNH THANH DUYEN	***072	654500

473	NGUYEN CUU QUY HY	***819	1000000
474	NGUYEN THI BICH NGOC	***524	1000000
475	TRAN LONG GIANG	***860	1000000
476	VU THUY LINH	***899	1000000
477	HOANG THI HOAI	***865	761000
478	LE THI KIM PHUONG	***896	600000
479	TRAN VU HOANG MAI	***064	1000000
480	NGUYEN DUC HUY	***608	342400
481	TRAN NGOC LUU	***033	1000000
482	TO THI PHUONG DUNG	***281	1000000
483	DINH VIET KHOA	***672	509153
484	NGUYEN HA HOANG VIET	***848	1000000
485	NGUYEN NGOC LIEN	***924	1000000
486	NGUYEN THI HONG HOANG	***864	689500
487	CHAU DOAN TRUC	***163	1000000
488	DO HUU HUY	***314	548000
489	DOAN THI KHANH VAN	***798	339700
490	DO THI THU HUONG	***534	719500
491	NGUYEN THI HOANG YEN	***220	649300
492	PHAM HOAI NAM	***250	380200
493	TRAN HA LE	***568	1000000
494	NGUYEN THI OANH	***064	719000
495	TRUONG THE ANH	***824	1000000
496	NGUYEN THI KIM ANH	***684	775000
497	TRAN THI HONG THAM	***178	1000000
498	TRAN THAO NGUYEN	***839	1000000
499	LE TRI VU	***372	1000000
500	DUONG ANH CHI	***596	1000000
501	PHAM QUYET TIEN	***034	1000000
502	NGUYEN NHU TUONG	***097	819500
503	TRAN THI NGOC BICH	***213	990000
504	VU QUYNH HUONG	***763	1000000
505	NGUYEN CANH NAM	***503	517900
506	NGUYEN VINH THUC NHI	***592	534200
507	NGUYEN THI MINH THU	***615	1000000
508	DO MINH HO HAI	***033	1000000
509	HO NGOC UYEN UYEN	***294	879200
510	VO THI BICH SON	***240	499400
511	NGUYEN THI TUAN ANH	***360	699000
512	NGUYEN THI THUY HONG	***313	1000000
513	MANH BOI SAN	***568	878500
514	NGUYEN HUU HONG PHONG	***028	729550
515	TRAN THI PHUONG LAN	***347	1000000
516	TRUONG THI XUAN MAI	***301	589000
517	LE THI HUONG	***586	1000000
518	THAI HIEN MINH	***039	1000000
519	HO DINH NHU GANG	***362	769000
520	HO THAO MY	***393	1000000

521	TRAN VAN TUAN	***277	739000
522	VIEN DIEU HOA	***030	1000000
523	TRUONG SONG HAO	***335	1000000
524	DAM THU HUONG	***005	1000000
525	TRINH QUAN	***153	1000000
526	NGUYEN THI TAM THU	***585	384500
527	BUI CHI THIEP	***852	735000
528	TRUONG THI HONG THUY	***169	1000000
529	NGUYEN QUOC HUNG	***105	645000
530	NGUYEN HUU AN	***597	830000
531	PHAM BICH XUAN	***924	1000000
532	NGUYEN HONG LINH	***465	769000
533	LE THI THUY VAN	***386	617100
534	NGUYEN HOANG THAI	***157	1000000
535	NGUYEN CONG NAM	***124	700000
536	DUONG QUANG HUY	***461	1000000
537	NGUYEN THI NGOC HANG	***989	815600
538	DONG THI MINH THANH	***402	739400
539	BUI TIEN DUNG	***980	1000000
540	HOANG THANH TUNG	***762	1000000
541	NGUYEN THI MINH HANG	***076	799000
542	NGO CHI QUYET	***320	1000000
543	NGUYEN XUAN THANH	***672	1000000
544	HO THI XUAN THUY	***570	650000
545	PHAN DINH QUYEN	***029	678000
546	PHAM THANH TU	***453	1000000
547	LE DUC THAI	***561	1000000
548	LE THI HOAI NAM	***939	1000000
549	TRAN NGUYEN HUU	***024	701900
550	TRAN THANH VUI	***571	648900
551	NGUYEN DUC THONG	***771	1000000
552	NGO THI LAN HUONG	***937	512050
553	NGUYEN THI VEN	***248	987000
554	PHAM THI CHUNG	***987	969000
555	VU THI THU HIEN	***355	1000000
556	CAO PHUONG NGA	***225	629000
557	NGUYEN NGOC BIEN	***039	529200
558	NGUYEN TAN DUNG	***687	589400
559	LE XUAN THUY AN	***931	500000
560	NGUYEN THI THU THUY	***346	1000000
561	NGUYEN THI BICH HONG	***346	354400
562	LE THI HUYEN	***915	1000000
563	LE HONG PHUC	***325	1000000
564	LE THU HA	***803	775000
565	VU HUYEN LY	***709	1000000
566	PHAM THI MINH PHUONG	***468	515000
567	VUONG TO HANG	***925	1000000
568	THAN VAN VI	***973	629000

569	NGUYEN LE HANG	***689	1000000
570	NGUYEN DUC LUAN	***116	636000
571	LUONG VAN MINH	***930	715000
572	NGUYEN THI MY TIEN	***510	1000000
573	LE THI LIEU	***379	1000000
574	TA DIU THUONG	***575	775000
575	TRAN ANH DAO	***927	1000000
576	PHAM THANH THUAN	***272	1000000
577	NGUYEN VAN NGUYEN	***989	668800
578	NGUYEN DUC LINH	***537	349700
579	PHAM THI QUYNH NGOC	***668	740000
580	DOAN HUONG LAN	***970	1000000
581	PHAM THI THUY NGOC	***489	706000
582	LE THI THANH GIANG	***902	1000000
583	NGUYEN MAI GIANG	***397	968000
584	NGUYEN TRUNG KIEN	***411	1000000
585	TIET LE TRAN	***118	800000
586	HUYNH NGA	***284	1000000
587	DOAN THI THUY LINH	***332	889000
588	NGUYEN THANH VY	***118	862155
589	DANG TRAN HOAN	***768	773000
590	HOA THI NGOC DIEP	***290	769000
591	NGUYEN BACH VIET	***375	459800
592	NGUYEN VIET HOAN	***201	990000
593	NGUYEN TRONG HUNG	***220	1000000
594	TRAN HOAN QUE	***206	336500
595	PHAM THI THANH LOAN	***503	948000
596	DO PHUONG LIEN	***312	1000000
597	DINH DUC TIEN	***193	1000000
598	NGUYEN THI HONG NHUNG	***454	1000000
599	KIM THUY TIEN	***386	1000000
600	UNG LE TUAN ANH	***315	1000000
601	TA NGOC PHUONG	***988	1000000
602	DO THI HONG NGOC	***930	590000
603	VU THUY LIEN	***779	939000
604	LE THANH BINH	***996	858800
605	NGUYEN THI MONG TRINH	***688	1000000
606	NGUYEN THI MY LE	***860	597600
607	NGUYEN THI AI VAN	***275	500000
608	HOANG KIM HUE	***078	1000000
609	BUI MY HANH	***483	569000
610	LE HONG NGAN	***290	1000000
611	VU BINH MINH	***703	1000000
612	THAN THI HOAN	***186	970000
613	TRINH VAN LAM	***963	779000
614	PHAN THI THU HIEN	***318	919000
615	NGUYEN HONG GIANG	***263	1000000
616	TRAN THI DUNG	***785	1000000

617	DUONG THI NGOC LINH	***693	773910
618	NGO MY DUYEN	***771	1000000
619	NGUYEN QUYNH LY	***617	1000000
620	NGUYEN THI DIEM TRINH	***747	1000000
621	HOANG THI PHUONG	***245	1000000
622	TRAN KHAC QUAN	***137	320400
623	TRAN THI THANH HUYEN	***462	940000
624	NGUYEN NGOC QUANG	***082	969000
625	LE THI THANH HANG	***729	714800
626	DO VAN DIEM	***891	699000
627	NGUYEN THI THU TRANG	***819	1000000
628	LOI THUY PHUONG	***578	1000000
629	NGUYEN MINH KHOA	***802	672500
630	MAI CAM VAN	***720	1000000
631	BUI THI LAN CHI	***156	1000000
632	NGUYEN QUANG TUONG	***855	1000000
633	TRINH BAO THIEN	***794	1000000
634	TRAN VAN SANG	***151	999000
635	HINH MINH THU	***441	1000000
636	LE THANH TUAN	***366	800000
637	PHAM THI HONG	***913	1000000
638	NGO THI SEN	***511	1000000
639	TRAN HOANG ANH	***990	500000
640	VO VAN HUY	***079	1000000
641	NGUYEN THI TUYET NHUNG	***221	1000000
642	NGO HO ANH THI	***282	536000
643	PHAM THANH MAI	***405	519400
644	DANG THUY LINH	***372	369800
645	BUI KIM XUAN	***829	1000000
646	TRAN HUE HIEN	***709	1000000
647	NGUYEN THI THANH PHUONG	***799	1000000
648	LAI HUU UOC	***985	1000000
649	HOANG THI HIEN	***779	906900
650	NGO NGOC PHU	***730	825000
651	NGUYEN THI MY HANH	***746	1000000
652	NGUYEN THU NGAN	***682	1000000
653	NGUYEN VYLY	***429	1000000
654	NGUYEN THI KIM MINH	***986	1000000
655	TRAN VAN TAN	***600	1000000
656	LE TRONG AN	***733	1000000
657	BUI DINH PHUC	***722	990000
658	TRAN THI PHUONG LAN	***745	500000
659	BUI QUOC HUNG	***490	1000000
660	DINH VINH HA	***238	979000
661	NGUYEN THI VANH	***241	1000000
662	TRAN THUY THANH THUY	***160	1000000
663	HOANG THU HA	***236	1000000
664	NGUYEN VAN TOAN	***416	500000

665	VU DIEU LINH	***875	1000000
666	PHAM THUY LUONG	***514	389700
667	MA QUYNH MAI	***302	1000000
668	NGUYEN THI YEN	***172	619000
669	NGUYEN QUANG TRUNG	***756	1000000
670	HOANG PHUONG LOAN	***419	1000000
671	HO THI HOA	***684	749000
672	DANG VAN HOA	***875	674000
673	TRAN HUONG GIANG	***197	1000000
674	NGUYEN VAN THUY	***360	500000
675	NGUYEN T T NGOC MAI	***249	1000000
676	NGUYEN MINH THU	***616	1000000
677	NGUYEN MINH THUNG	***389	1000000
678	NGUYEN THANH VU	***860	1000000
679	PHUNG THUY TUONG VI	***734	1000000
680	VU DANG LINH	***582	1000000
681	NGUYEN THI NGOC QUYN	***131	1000000
682	NGUYEN THI THUY TRANG	***043	702600
683	LE HUYNH PHI	***406	1000000
684	TRAN THANH LOAN	***327	1000000
685	NGUYEN THANH DAT	***077	1000000
686	MAI NHAT QUANG	***209	699000
687	MAI KIM VAN	***463	550000
688	NGUYEN DUC LAM	***786	1000000
689	VU THI HUONG	***881	1000000
690	DANG THI BICH PHUONG	***008	1000000
691	NGUYEN THI THANH	***501	1000000
692	CAO THUY DUONG	***785	504900
693	PHAN THI NGA	***196	1000000
694	DANG THI HUONG LY	***056	1000000
695	LE THU TRANG	***038	643900
696	TRUONG THI THU HIEN	***325	1000000
697	PHAM QUANG NHAT	***121	799000
698	HA VAN HOI	***601	500000
699	NGUYEN ANH THU	***814	510000
700	LE THI LOAN	***167	878120
701	BUI THI THU DUNG	***167	500000
702	TRAN THI QUE CHAU	***189	547800
703	LUU THI LAN	***936	659000
704	VU HUU HIEN	***984	849000
705	TRAN HOANG CHIEN	***240	679000
706	NGUYEN THUY DUONG	***772	699000
707	NGUYEN THUY HUONG	***241	538800
708	DO MINH HOANG	***014	1000000
709	HUYNH MINH CAM	***508	1000000
710	NGUYEN THI TO CAM	***391	745900
711	NGUYEN NHAT QUANG	***700	899000
712	NGUYEN THI THUY LINH	***025	739000

713	PHAM VU DANH	***973	1000000
714	LE NGOC THACH	***234	500000
715	NGUYEN VIET ANH	***023	429600
716	DO THI THUY DUNG	***820	1000000
717	TRAN XUAN LOC	***324	1000000
718	LUONG TIEN PHAT	***040	739000
719	PHAM HANG HANH	***690	1000000
720	NGUYEN THI THU TRANG	***264	1000000
721	NGUYEN THI PHAN	***447	1000000
722	LY NGOC THAO	***542	617000
723	NGUYEN H QUOC DUNG	***262	1000000
724	NGUYEN THI NAM	***517	640800
725	DINH VAN SINH	***731	800000
726	NGUYEN THI NGOC NY	***437	1000000
727	VI NGOC TUNG	***372	1000000
728	LE NGOC HAN	***871	500000
729	LE THI HAI DUYEN	***674	628900
730	NGUYEN THI MINH XUAN	***836	1000000
731	TRAN PHUONG ANH	***083	1000000
732	VU NGOC CHUNG	***940	630000
733	HUYNH TUAN ANH	***390	599000
734	DUONG TUAN THANH	***640	729900
735	LE QUANG MINH	***475	789000
736	NGUYEN MANH CONG	***848	1000000
737	TRAN THI THU NGUYET	***396	1000000
738	NGUYEN NGOC ANH	***659	598800
739	NGUYEN THI LIEN VAN	***665	1000000
740	LE HONG DUONG	***160	1000000
741	NGUYEN MINH NGOC	***675	1000000
742	NGUYEN THUY TRANG	***037	1000000
743	BUI MINH THU	***979	1000000
744	DO NGOC HIEN	***937	1000000
745	LUONG BAO NGOC	***666	1000000
746	HOANG VAN LOC	***847	819900
747	PHAN THI HUONG	***462	1000000
748	TRAN PHUONG HOAN	***570	912600
749	NGUYEN THAO LAN OANH	***933	613900
750	PHAM THI MAI	***815	929000
751	PHAN THI KIM THANH	***733	1000000
752	BUI THI PHUONG LOAN	***829	799000
753	NGUYEN DO NHU QUYEN	***141	1000000
754	VU XUAN NGHI	***424	1000000
755	NGUYEN DANG NGOC CHAU	***450	1000000
756	TRAN HOAI NAM	***561	1000000
757	DINH MANH HUNG	***137	500000
758	PHUNG THANH TUNG	***268	1000000
759	HOANG VAN SON	***581	824000
760	TO VAN BA	***846	518800

761	NGUYEN NGOC TAN	***416	1000000
762	NGUYEN PHUONG DUNG	***807	1000000
763	NGUYEN KIM PHUNG	***093	1000000
764	NGUYEN THI NGOC LAN	***824	649000
765	TANG THI NGÀ	***843	1000000
766	PHAM VAN TU	***833	631200
767	TRUONG TON KIEN	***766	1000000
768	LE QUOC TOAN	***990	1000000
769	TRAN THI HANG NGA	***747	699000
770	NGUYEN PHUONG DIEP	***504	1000000
771	TRINH THI THUY HOAN	***796	699000
772	NGUYEN MANH QUYET	***617	900000
773	HO THI THUY HOP	***777	570000
774	BUI DUC LONG	***629	1000000
775	VU THI HUYEN THU	***300	1000000
776	DOAN VAN TOAN	***930	899000
777	TRAN THI THANH THAO	***186	849000
778	THANH ANH SON	***425	1000000
779	DAO THANH HUONG	***290	1000000
780	NGUYEN XUAN BANG	***116	1000000
781	MAI HUU THANH THY	***223	599900
782	PHAM THI MAI HUONG	***847	1000000
783	PHAM THUY HANG	***041	1000000
784	HAN THI PHUONG LOAN	***759	1000000
785	NGUYEN THI KIM NHUNG	***852	1000000
786	LY QUOC LAM	***328	500000
787	HOANG THE DIEP	***200	799000
788	DINH THI HUYEN TRANG	***270	1000000
789	NGUYEN CHI THIEN	***945	500000
790	LE ANH DUC	***507	712800
791	THAI VAN THUONG	***946	1000000
792	HA HUE MINH	***047	1000000
793	VO MINH NHUT	***760	1000000
794	NGUYEN PHUNG TRUYEN	***747	1000000
795	TRAN THU HUONG	***316	1000000
796	NGUYEN VAN TIEN	***907	1000000
797	NGUYEN THI THANH HUY	***311	900000
798	TRAN THU TRANG	***794	789000
799	TRAN NGOC VIEN	***831	1000000
800	NGUYEN VAN THANH	***537	1000000
801	NGUYEN TO HONG ANH	***163	1000000
802	TRAN THUY TO NGAN	***922	1000000
803	TRAN THI HOANG ANH	***676	1000000
804	DAO THUY LINH	***403	500000
805	DAN QUYNH CHI	***796	1000000
806	TRINH THANH SON	***542	999000
807	HOANG HOA LE	***915	1000000
808	DUONG THI THANH	***135	1000000

809	NGUYEN TIEN VU	***666	1000000
810	DO THANH NAM	***743	1000000
811	LE THI NGA	***484	970000
812	LUU NGOC MANH	***760	507800
813	CAO THI THU HANG	***071	1000000
814	LE NGOC HUE	***705	503400
815	NGUYEN T NGOC TUYET	***436	548700
816	NGUYEN THUY HOA	***551	1000000
817	HUYNH THI DIEU HIEN	***663	1000000
818	HUYNH THI THANH THAO	***406	1000000
819	NGUYEN THI BICH NGOC	***174	1000000
820	NGUYEN NGOC MINH DUYEN	***859	1000000
821	NGUYEN NGOC NGAN TAM	***869	1000000
822	TRINH THU HAO	***510	621000
823	TRUONG THI DUNG	***954	1000000
824	DANG THI CAM NHUNG	***523	918000
825	DOAN THI OANH	***227	534900
826	NGUYEN NGOC BICH	***697	1000000
827	LAM THUY LINH	***265	1000000
828	NGUYEN THI THUY NGOC	***401	1000000
829	LE THI XUAN THUY	***971	1000000
830	VU QUYNH PHUONG	***819	568800
831	TRINH THI VUI	***749	1000000
832	NGUYEN TRUNG HAU	***540	1000000
833	NGUYEN VAN LONG	***641	1000000
834	DUONG PHUOC HAI	***190	1000000
835	NGUYEN THI TRA MY	***172	359700
836	VU THI HUONG	***910	1000000
837	VO THI NGOC YEN	***719	1000000
838	TRAN HOAI NAM	***116	1000000
839	DUONG THUY LINH	***295	369600
840	HOANG DINH DUC	***551	1000000
841	LE THI MAI	***300	1000000
842	NGUYEN THI ANH HANG	***242	659600
843	NGUYEN NHU HIEP	***288	549000
844	NGUYEN THI NGOC HA	***642	896000
845	NGUYEN VAN VINH	***350	429600
846	TRAN CHAU NGOC	***143	554000
847	NGUYEN THI LIEU	***545	560000
848	TRINH DINH THAI	***009	522200
849	NGUYEN QUOC CHIEN	***736	1000000
850	NGUYEN THI HUONG	***629	1000000
851	PHAN HAI QUE	***850	1000000
852	PHAN THI MAI TRINH	***489	659600
853	NGUYEN THANH HOA	***881	1000000
854	NGUYEN HOANG TRUONG	***275	734900
855	LE THU THUY	***460	1000000
856	NGUYEN THI LE CHI	***105	389600

857	NGUYEN THANH HANH	***702	1000000
858	PHAN NGUYEN KHANH	***673	785000
859	NGO LAM CAM THACH	***395	1000000
860	NGUYEN THI THU TRANG	***414	1000000
861	NGUYEN VAN HA PHUONG	***128	1000000
862	NGUYEN THI PHUONG HANH	***811	1000000
863	NGUYEN MINH PHUONG	***196	1000000
864	LAI QUANG HUY	***980	1000000
865	NGUYEN NGOC KHANH	***738	1000000
866	VUONG THI DUNG	***236	630000
867	DUONG THIEN AN	***832	615000
868	DUONG THI THANH HUYEN	***672	597000
869	PHAM NGOC HOA	***008	1000000
870	TRAN VAN MINH	***227	1000000
871	NGUYEN THI VAN ANH	***737	1000000
872	NGUYEN THI HOAI THUO	***733	319700
873	DINH TRONG ANH	***914	719000
874	LE THUY MY	***785	1000000
875	NGUYEN THUY HA	***732	503800
876	QUANG THI KIEU LOAN	***737	860000
877	NGUYEN ANH SON	***808	549000
878	LE THI MAI PHUONG	***625	699900
879	TRAN HAI YEN	***864	1000000
880	DINH THI HONG LOAN	***492	1000000
881	HO DIEP	***890	1000000
882	VU TIEN DUNG	***957	1000000
883	VO THI MY HANH	***623	1000000
884	TO PHUONG THUY	***060	1000000
885	VO THI THUY HANG	***141	1000000
886	PHAM THI HIEU	***894	1000000
887	NGUYEN DUC THUAN	***005	759000
888	HO THI THO	***106	579000
889	HOANG HUONG THAO	***668	319700
890	NGUYEN VUONG QUYNH	***447	637860
891	VU THI THU HOAI	***907	501920
892	NGUYEN THANH TUNG	***466	1000000
893	DAO THI BINH NGUYEN	***582	789000
894	LAM DANG MINH	***640	565000
895	DO THI THOAN	***397	834900
896	DUONG MINH HOAT	***588	600000
897	PHAM THI HUYEN	***551	584500
898	NGUYEN THI THANH NHA	***067	500000
899	TRAN LAM CAM NGOC	***414	949000
900	DANG THANH THUY	***267	1000000
901	NGUYEN TRONG TUAN	***153	1000000
902	TRAN THI PHAN NA	***425	799000
903	NGUYEN MINH TUYET	***954	399600
904	NGUYEN THI LAN ANH	***753	818000

905	NGUYEN DUC THANG	***007	1000000
906	LE HONG PHUONG	***916	1000000
907	DUONG NU HA AN	***116	1000000
908	HA THI HONG LE	***214	1000000
909	NGUYEN VAN PHI	***408	1000000
910	NGUYEN HOANG ANH	***170	999000
911	DANG KIM ANH	***728	569000
912	NGUYEN THANH VAN	***006	829700
913	NGUYEN THI QUYNH LAN	***383	1000000
914	VU THI THANH	***015	687000
915	NGUYEN HA TAN	***444	1000000
916	BUI DANG DUYEN MAI	***221	969000
917	TRINH THI VAN ANH	***053	529000
918	PHAM SON CA	***049	990000
919	VU DINH LINH	***667	1000000
920	DO THI NHU NGUYET	***663	1000000
921	HOANG VAN MINH	***544	1000000
922	VUONG KHANH TOAN	***898	1000000
923	LE CONG MINH	***216	1000000
924	DANG THI AN	***318	699000
925	LO VO BAO LAM	***994	1000000
926	LUU XUAN DUC	***506	1000000
927	NGUYEN THI KIM DUNG	***949	1000000
928	NGUYEN THI HOANG ANH	***877	1000000
929	TRAN THI HIEN MINH	***779	489600
930	DO PHUONG THAO	***826	599000
931	LAI DUC TOAN	***523	1000000
932	NGUYEN QUANG TU	***457	938000
933	NGUYEN MINH TAN	***883	1000000
934	VU THI HOP	***142	1000000
935	DANG THANH LUAN	***641	519000
936	TRAN HAI LINH	***103	609000
937	NGUYEN DUY HUNG	***166	710500
938	CAO THI DINH	***208	1000000
939	TRAN MINH HOA	***579	799000
940	LE HUONG GIANG	***545	1000000
941	VO THI KIM HOANG	***749	1000000
942	LE HAI DANG	***466	1000000
943	NGUYEN THI NGOC LAN	***039	529000
944	NGUYEN THI XUAN	***012	989700
945	NGUYEN HUU PHUONG	***925	1000000
946	PHAM THI KIM ANH	***345	1000000
947	TRINH NGOC LIEN	***354	529000
948	LE TRAN LIEN PHUONG	***913	523800
949	TRAN THU CUC	***264	1000000
950	PHAM KIM SON	***087	1000000
951	DINH THI CAM VAN	***561	1000000
952	NGUYEN TRAN DUY	***281	560000

953	TRAN BICH NGOC	***690	1000000
954	VUONG NHU THANH	***439	1000000
955	NGUYEN THI PHUONG TH	***347	349800
956	DO MY LINH	***642	529500
957	NGUYEN TUYET NGA	***915	850000
958	PHAM THI QUANG ANH	***705	1000000
959	NGO VAN TIEN	***417	1000000
960	NGUYEN THI NGOC HA	***885	1000000
961	LIEN ANH TUAN	***620	800000
962	TRINH THI HAI YEN	***406	1000000
963	VU PHUONG THANH	***726	717100
964	VU THI THANH VAN	***539	349900
965	NGUYEN PHUONG THAO	***704	1000000
966	PHAM THI HA	***939	1000000
967	DO THI HANG	***903	1000000
968	DAU NGUYEN ANH THU	***568	1000000
969	LE XUAN HAO	***167	1000000
970	PHAN HUU LOI	***455	500000
971	THAI THI DUONG	***876	849000
972	TRAN THANH SON	***725	1000000
973	PHO DUC BINH	***874	1000000
974	PHAM DUC CHUNG	***505	1000000
975	NGO XUAN TRINH	***996	1000000
976	CHAU QUANG DIEN	***541	758000
977	HUYNH LIEN ANH NGUYET	***286	1000000
978	LO CAM PHUONG UYEN	***475	359800
979	MAI THI THUY DUONG	***848	1000000
980	TRAN VAN LAM	***550	569000
981	MAI VIET NGHIA	***202	1000000
982	QUACH DUY HUNG	***294	1000000
983	NGUYEN PHU HOANG	***015	1000000
984	PHAM XUAN QUOC	***029	687700
985	VO THI THANH XUAN	***256	314600
986	NGUYEN TUAN ANH	***931	1000000
987	TRAN GIANG SON	***215	1000000
988	TRUONG THI NGAN	***227	1000000
989	BUI NGUYEN MINH QUAN	***280	349500
990	NGUYEN MANH HUNG	***681	1000000
991	PHAM VAN TUAN	***259	729000
992	NGUYEN THU THUY	***393	1000000
993	NGUYEN NGOC HUONG	***474	509100
994	NGUYEN THI THUY TRINH	***386	1000000
995	NGUYEN HOANG TU	***410	503100
996	BUI NGOC ANH	***461	1000000
997	VU DUY TU	***026	1000000
998	NGUYEN THANH THUY	***839	890000
999	TRAN THI LUONG	***399	1000000
1000	NGUYEN T PHUONG THUY	***676	1000000

1001	NGUYEN THUY THAO TRINH	***935	1000000
1002	NGUYEN PHAM NGUYET ANH	***570	690000
1003	LE THI KIM MAI	***007	1000000
1004	NGUYEN VAN SAM	***919	1000000
1005	LE THAO HIEN	***700	329400
1006	PHAM HONG LAM	***471	1000000
1007	PHAN NGUYEN QUYNH CHI	***801	531300
1008	HOANG MAI PHUONG	***161	1000000
1009	HUYNH THI THANH BINH	***551	618000
1010	PHAM LE TRUNG	***520	599000
1011	NGUYEN THI HONG VAN	***518	990000
1012	LE ANH CUONG	***799	1000000
1013	PHAM THI LINH	***214	989000
1014	NGUYEN MINH TAM	***211	1000000
1015	TANG TUYET NHU	***273	500000
1016	HO HONG PHUONG	***032	548800
1017	TRAN THI KIM DUNG	***905	502050
1018	DANG MANH HUNG	***983	1000000
1019	VO THI HOA	***595	598000
1020	NGUYEN THI KHANH HOA	***340	1000000
1021	PHAM THI HUYEN TRANG	***582	600000
1022	LUONG SON HUNG	***083	609000
1023	LE THI KIEU OANH	***239	1000000
1024	PHAM QUANG HIEU	***605	1000000
1025	NGUYEN THI THU HONG	***220	359600
1026	LE MINH TAN	***556	1000000
1027	NGUYEN MINH TU	***958	599900
1028	NGUYEN THU THUY	***266	622600
1029	PHAM VAN QUYET	***382	990000
1030	MA NGOC THANH	***051	1000000
1031	PHAM TRAN CAM VAN	***778	697000
1032	VU THI HUE	***852	1000000
1033	DANG THI HUONG GIANG	***652	509250
1034	NGUYEN THI NGOC ANH	***539	849000
1035	VO THI TO NGA	***019	1000000
1036	TRAN THI NGAN	***655	1000000
1037	PHAN MY DUNG	***880	839000
1038	TRUONG THUY HOA	***668	712500
1039	PHAN THI XUAN GUONG	***459	1000000
1040	NGUYEN VU HAI	***150	1000000
1041	NGUYEN THI HUYEN	***584	1000000
1042	DO NGOC DANG	***087	1000000
1043	NGUYEN THI THU TRANG	***645	602800
1044	NGUYEN THI YEN OANH	***306	899600
1045	DAO THI BICH NGOC	***549	907900
1046	DINH THANH HUYEN	***292	1000000
1047	HOANG MINH HIEN	***642	689300
1048	TRINH THI THU NGOC	***837	679000

1049	NGO THUY DUNG	***265	599000
1050	NGUYEN VIET HA	***899	1000000
1051	TRAN THI DIU	***880	1000000
1052	NGUYEN QUANG LAM	***633	1000000
1053	DUONG THI NGOC CAM	***593	779000
1054	NGUYEN MINH HAI	***599	1000000
1055	NGUYEN THANH DUY	***352	803482
1056	LUU THI THANH THUY	***133	1000000
1057	NGUYEN THI HA TRANG	***034	1000000
1058	VO TRAN TRUNG	***516	603000
1059	NGUYEN THI NGOC LIEN	***233	1000000
1060	LE THI HANG NGA	***224	1000000
1061	PHAM THI LAN ANH	***526	499400
1062	DOAN THI THANH MAI	***958	1000000
1063	NGUYEN THANH SON	***340	794000
1064	DUONG NGOC LAM	***449	559000
1065	LE BA KHANH	***793	751900
1066	CUNG DINH HOAN	***500	1000000
1067	NGUYEN THU HUONG	***504	793800
1068	LE TRONG TRUONG	***738	1000000
1069	NGUYEN THU TRANG	***991	849000
1070	NGUYEN THI THU	***373	787000
1071	TRAN NGHIEP HONG	***092	1000000
1072	NGUYEN CONG DINH	***396	648800
1073	TIEU TUAN KIET	***542	389600
1074	HUYNH THI TRUC GIANG	***815	909000
1075	NGUYEN DANG ANH TUYET	***504	1000000
1076	DO THI MINH THU	***757	1000000
1077	PHUNG THI THU HUONG	***890	699000
1078	LE THI KIM OANH	***820	689000
1079	VAN QUOC TUAN	***843	900000
1080	PHUNG PHUONG DUNG	***595	359700
1081	TRAN THI BAC	***790	999000
1082	NGUYEN MINH TUONG	***364	970000
1083	CAO VAN PHUC	***268	1000000
1084	BUI THANH HOA	***164	1000000
1085	NGUYEN DUY BANG	***021	1000000
1086	HOANG THI HAI HA	***214	640000
1087	NGUYEN THI HUE	***565	1000000
1088	KIEU XUAN TUYEN	***900	814900
1089	DIEM DANG PHUONG	***485	507800
1090	PHAM THI MAI HUONG	***734	799000
1091	NGUYEN THI HONG NHUNG	***299	1000000
1092	TRUONG THI HUONG LOAN	***496	829000
1093	DO THANH UT	***366	648800
1094	TRAN NGOC TUAN	***204	749000
1095	NGUYEN THI THUY NGAN	***777	1000000
1096	PHAM XUAN BACH	***350	569000

1097	NGUYEN THI THU TRANG	***607	799000
1098	TRAN TUAN KHANH	***114	1000000
1099	VO THI HONG HOA	***712	1000000
1100	PHAN DINH MANH	***310	1000000
1101	TRINH VAN HIEP	***916	1000000
1102	DUONG THI THU HA	***085	1000000
1103	HUYNH NGOC THO	***661	699000
1104	NGUYEN MINH QUAN	***436	1000000
1105	BUI THI THU THAO	***132	1000000
1106	NGUYEN VIET HUNG	***681	1000000
1107	NGUYEN VAN PHUONG	***125	995000
1108	HOANG THI HA	***109	848000
1109	TRINH THANH THUY	***995	769000
1110	LE VAN BINH	***343	725000
1111	DANG BICH HA	***674	1000000
1112	NGUYEN HANH TRAM	***789	1000000
1113	VU THI DAO	***813	699000
1114	QUACH THI THANH TINH	***449	613900
1115	LE THANH BINH	***517	718800
1116	NGUYEN VAN DAO	***381	1000000
1117	DANG THANH TUNG	***076	1000000
1118	BUI THI KIM NHUNG	***087	1000000
1119	DINH THI HOANG NHUNG	***619	1000000
1120	NGUYEN TRONG HONG PH	***951	1000000
1121	DINH THU HUYEN	***064	950000
1122	DAO THE CUONG	***675	834000
1123	HOANG THU THUY	***592	459600
1124	TA VIET THO	***055	778000
1125	HUYNH THI CAM HANG	***328	624200
1126	NGUYEN THI HONG VAN	***131	329700
1127	VU THI ANH	***110	1000000
1128	NGUYEN THI THU TRANG	***817	679300
1129	DANG THI THANH BINH	***472	939000
1130	NGUYEN TU UYEN	***078	459400
1131	NGUYEN TIEN DUNG	***554	1000000
1132	DINH THI THANH LOAN	***853	779000
1133	LE TAN BICH NGUYEN	***808	1000000
1134	HO PHUOC DAT	***459	553600
1135	PHAN THANH NAM	***910	828000
1136	NGUYEN XUAN HOA	***370	949000
1137	NGUYEN TIEN DUONG	***779	1000000
1138	DUONG THI HONG	***667	1000000
1139	PHUNG THI KIM HOA	***576	770000
1140	LE THI DUYEN	***629	700000
1141	LE LAN VY	***366	429300
1142	VU DAO HAI VAN	***089	849000
1143	PHUNG THI CHAU ANH	***183	500000
1144	DAO THI LOAN	***346	1000000

1145	TU HOANG HUY	***616	1000000
1146	LE TUAN ANH	***769	639900
1147	NGUYEN VAN HOANG	***040	1000000
1148	LUONG HONG CHAU	***896	724000
1149	NGO TRUONG GIANG	***084	1000000
1150	NGUYEN TRAN THAO HIEN	***926	859000
1151	NGUYEN HONG NHUNG	***626	1000000
1152	DANG VU LAN PHUONG	***022	949000
1153	CAO HOANG TIEN	***786	1000000
1154	HAN BOI LIEN	***674	581400
1155	NGUYEN THI MINH HUE	***905	1000000
1156	LUU MINH KHOA	***562	1000000
1157	NGUYEN THI CAM NHUNG	***362	1000000
1158	DO THI HIEN GIANG	***415	660000
1159	LE THANH HANG	***323	699200
1160	MAI KY TUAN	***446	659000
1161	HA THI THUY DUNG	***295	1000000
1162	VU VAN CANH	***708	799000
1163	NGUYEN VAN TAO	***555	1000000
1164	VO TA QUY	***281	969000
1165	PHAM CONG HUNG	***670	1000000
1166	NGUYEN HOANG VAN	***397	1000000
1167	NGUYEN VAN THAO	***744	1000000
1168	BUI THI NHUNG	***684	1000000
1169	NGUYEN THUY LINH	***173	1000000
1170	LE THUY NGOC DUNG	***662	1000000
1171	HA THI NHAT	***340	939000
1172	NGUYEN PHUONG THAO	***958	899000
1173	DINH MAI ANH	***212	548800
1174	DAM MINH HUYEN	***822	700000
1175	AN VIET TRINH	***139	1000000
1176	LE THI BICH THAO	***637	699000
1177	NGUYEN TIEN DAT	***610	1000000
1178	NGUYEN DINH TANG	***348	899000
1179	NGUYEN TAI HAI	***389	1000000
1180	NGUYEN THI THUY LOAN	***363	617000
1181	NGUYEN THI MINH HA	***273	754000
1182	NGUYEN CAM THUY	***991	319600
1183	VU QUANG HUNG	***164	849000
1184	NGUYEN DINH DUC	***288	1000000
1185	NGUYEN KAM LY	***534	539600
1186	NGUYEN THI THU HANG	***325	779000
1187	DANG THANH HIEU	***348	528800
1188	NGUYEN THU TRANG	***735	1000000
1189	NGUYEN T NGOC HUYEN	***894	649000
1190	VU THI MY HANH	***987	319800
1191	DANG TRONG THANG	***106	438300
1192	DINH THI THANH HUYEN	***134	1000000

1193	TRAN THANH BINH	***161	769500
1194	NGUYEN DUC ANH	***760	564500
1195	NGUYEN QUI THANH VAN	***089	859000
1196	KHUONG PHOI NHI	***012	500000
1197	LE THI YEN	***652	1000000
1198	NGUYEN THI BICH PHUONG	***040	950000
1199	LE TRIEU PHUC BINH	***274	1000000
1200	BUI TRANG HUONG	***607	700000
1201	DO VAN TIEN	***823	1000000
1202	HOANG QUOC THINH	***221	999000
1203	NGUYEN THI KIM NGUYET	***158	760000
1204	DO HUYEN TRANG	***164	830000
1205	NGUYEN THI DUYEN	***555	1000000
1206	NGUYEN THI PHUONG THAO	***329	949000
1207	DINH THI HUONG	***037	1000000
1208	TONG GIA BAO	***156	1000000
1209	NGUYEN NHAT QUY	***805	693000
1210	PHAM HA PHUONG	***729	1000000
1211	NGUYEN QUANG THANH	***740	549000
1212	NGUYEN THI HONG HANH	***700	619500
1213	TRAN THI THANH TUYEN	***872	1000000
1214	NGO THANH TUNG	***619	990000
1215	NGUYEN THANH MAI	***071	1000000
1216	TRAN PHU HAO	***529	1000000
1217	NGUYEN THI HONG NHUNG	***274	1000000
1218	LE THI THU THUY	***112	1000000
1219	HA VIET THU	***240	459500
1220	VU HONG QUAN	***075	529000
1221	CHU HANG NGAN	***898	1000000
1222	TRAN THI THANH THAO	***863	598000
1223	VAN HUNG SON	***709	1000000
1224	VUONG THANH NGOC	***201	1000000
1225	PHAM PHUONG LINH	***394	1000000
1226	VU THANH TAM	***308	1000000
1227	TRAN THI LY LY	***639	1000000
1228	HOANG THI THAO	***378	1000000
1229	LE QUANG HAN	***024	784500
1230	TRAN NGOC TRUNG	***540	1000000
1231	NGUYEN THI THUY HANG	***129	1000000
1232	TRUONG NGOC QUYNH	***848	871200
1233	DANG NGOC ANH	***160	749000
1234	CHU MINH VIET	***289	756000
1235	LO VAN TIEN	***220	1000000
1236	DUONG THI BICH HANH	***861	1000000
1237	LAM THI HONG TUOI	***230	678000
1238	NGO GIA THANH	***253	1000000
1239	BUI VAN TUAN	***227	1000000
1240	DO TUAN DUNG	***477	1000000

1241	VU THI DUNG	***309	814000
1242	TRAN QUANG PHUC	***037	1000000
1243	NGUYEN THI THU HA	***137	724000
1244	NGUYEN THI QUYNH HOA	***863	1000000
1245	VU TRUNG HIEN	***460	1000000
1246	TRAN THI HONG	***442	939000
1247	NGUYEN DUY THANH	***136	1000000
1248	BUI TUAN ANH	***464	1000000
1249	NGUYEN THI MUI	***257	1000000
1250	TRAN DUY HOANG HUNG	***463	899000
1251	TRAN THI TUYET HANH	***438	999000
1252	BUI VIET ANH	***182	799000
1253	DUONG LAN ANH	***295	1000000
1254	PHAM THI NU	***655	574000
1255	DUONG HIEU	***862	678000
1256	PHAM THO TUAN LINH	***403	505000
1257	PHAN THI THUY TIEN	***191	659200
1258	NGO VI NGOAN	***787	645800
1259	HOANG THI TAM	***387	758000
1260	TRUONG HONG NHUNG	***480	789000
1261	MAI VAN VUONG	***035	1000000
1262	NGUYEN DUC LONG	***279	1000000
1263	LE THI HONG NHUNG	***015	1000000
1264	PHAM NGOC KHUYEN	***805	1000000
1265	NGUYEN THI NHU QUYNH	***703	825000
1266	THACH THI THUY TRANG	***096	1000000
1267	NGUYEN HONG MINH	***219	799000
1268	TRAN CHANH HUNG	***300	1000000
1269	NGUYEN THI THU HUONG	***956	1000000
1270	NGUYEN LAN CHI	***292	779000
1271	DUONG THI PHUONG LOAN	***989	1000000
1272	NGUYEN DUC PHONG	***846	1000000
1273	NGUYEN THI HOA	***871	1000000
1274	PHAM BA TRUONG	***946	549000
1275	DANG TUAN DUY	***257	799000
1276	PHAM QUYNH GIANG	***477	389500
1277	NGUYEN THI THANH VAN	***131	1000000
1278	HOANG THI NGOC BICH	***698	523900
1279	VU ANH TUYET	***318	1000000
1280	LE THI THANH HUYEN	***382	964000
1281	NGUYEN THU HA	***871	1000000
1282	VU VAN HUNG	***012	939000
1283	NGO NHU QUYNH	***736	1000000
1284	VU HUY KHOI	***486	783000
1285	LE THI LUAN	***302	1000000
1286	LE THI DOAN THU	***579	559000
1287	DAM THI THUY	***072	1000000
1288	LE THI THU HUONG	***577	1000000

1289	NGUYEN THI BICH HANH	***276	1000000
1290	VU THI LAN HUONG	***097	1000000
1291	NGUYEN THI THAO	***735	797620
1292	NGUYEN THANH LOAN	***429	640000
1293	NGUYEN THI THUY QUYNH	***085	589700
1294	NGUYEN THI MAI HUONG	***968	1000000
1295	DINH THI TUYET TRINH	***663	1000000
1296	NGO THI PHUONG HA	***421	349700
1297	LE THI THUY	***304	679000
1298	NGUYEN DANG PHUOC HIEN	***838	1000000
1299	VAN NGOC SINH	***386	1000000
1300	NGUYEN THI PHUONG THAO	***346	1000000
1301	NGUYEN THI THU NGA	***694	669000
1302	BUI VAN LINH	***691	1000000
1303	PHAM THI NGOC HA	***540	1000000
1304	VU THI KIM HUNG	***477	799000
1305	NGUYEN THI PHUONG HA	***757	519000
1306	NGUYEN HUYNH LONG	***670	629600
1307	NGO THI DUyen	***739	718800
1308	LUU HOANG MINH TRANG	***459	1000000
1309	NGUYEN VIET HUNG	***651	500000
1310	NGUYEN THU TRANG	***785	1000000
1311	HO THI QUYEN	***346	939000
1312	NGUYEN VIET BANG	***319	1000000
1313	TRAN THI LOAN	***123	349900
1314	SAI THI PHUONG THUY	***063	1000000
1315	NGUYEN HOANG HAI	***324	1000000
1316	NGUYEN MINH DUC	***337	1000000
1317	NGUYEN THI QUYEN	***484	532000
1318	NGUYEN MINH PHUONG	***901	622400
1319	NGUYEN QUOC BAO	***184	1000000
1320	LE THU TRANG	***197	1000000
1321	TU HAI MY	***884	500000
1322	NGO THI HONG THINH	***460	1000000
1323	LY VI TINH	***309	600000
1324	NGUYEN THI ANH	***785	1000000
1325	NGUYEN THI LE THUONG	***345	1000000
1326	TRINH THI THANH PHUO	***443	999000
1327	AU BOI TRAN	***520	481000
1328	NGUYEN THI THU HONG	***298	1000000
1329	NGUYEN HUYEN THANH	***662	349600
1330	TRAN TRUNG TRIEU	***008	1000000
1331	MAI THU HUONG	***071	768800
1332	QUYEN TRUONG GIANG	***084	949000
1333	NGUYEN TUAN DUNG	***709	506900
1334	DOAN THUY HANG	***101	1000000
1335	LE THI MINH THUY	***598	1000000
1336	DO TIEN DAT	***213	549000

1337	LE NHU QUANG THINH	***483	1000000
1338	HOANG NGOC BICH	***470	526000
1339	NGUYEN THI NGOC THU	***393	1000000
1340	PHAM VAN TUYEN	***989	799000
1341	PHAM HONG THAI	***966	984453
1342	PHAN HO THUY HANG	***673	349600
1343	TRUONG TRONG KHANH	***428	549000
1344	LE THI NGOC NHUNG	***310	737200
1345	HOANG HAI DUNG	***093	1000000
1346	HOANG THI THU TRANG	***272	1000000
1347	NGUYEN THI XUAN HOA	***631	349600
1348	NGUYEN THANH BINH	***059	1000000
1349	NGUYEN THANH DUY	***138	1000000
1350	PHAM TRUONG SON	***114	899000
1351	NGUYEN THANH HIEU	***330	1000000
1352	NGUYEN THI THAO	***694	1000000
1353	NGUYEN NGOC HAI DANG	***265	1000000
1354	BUI THI HUYEN TRANG	***642	528800
1355	DO QUANG THIEN TOAN	***250	500000
1356	LY THI MAI KHANH	***106	1000000
1357	NGUYEN THU TRANG	***850	799000
1358	TRAN THAO VY	***084	1000000
1359	PHAM TRUNG KIEN	***038	1000000
1360	LE HOANG DIEU LINH	***461	1000000
1361	NGUYEN TAN DAT	***085	1000000
1362	NGUYEN THI HONG CAM	***948	510305
1363	NGUYEN HUONG GIANG	***183	937000
1364	TA THUY DUONG	***294	1000000
1365	DANG DUC DUONG	***546	1000000
1366	LE THI NGOC THUY	***578	459200
1367	NGUYEN THI ANH NGOC	***651	1000000
1368	LE KIM KHUYEN	***562	658000
1369	LE THI THANH NHAN	***487	1000000
1370	TRUONG NGOC THU	***019	810000
1371	LE HOANG TRANG	***982	921400
1372	NGUYEN MINH HIEU	***953	1000000
1373	NGUYEN THI HOA	***891	619000
1374	DO PHUONG TUNG	***719	1000000
1375	NGUYEN THUY CHI	***825	930000
1376	MANH NGOC YEN	***028	1000000
1377	VU THI DUNG	***369	798000
1378	DANG VU HUNG	***980	699000
1379	TRIEU GIA HAO	***123	1000000
1380	DOAN THI NGOC DIEP	***491	1000000
1381	DINH PHAM NHA BINH	***461	419500
1382	BUI VAN TUONG	***441	749000
1383	NGUYEN THI MAI	***179	547800
1384	DUONG THE HUNG	***470	1000000

1385	PHAM THI THU HIEN	***969	1000000
1386	THAI TAM ANH	***139	600000
1387	TRAN PHUONG NHUNG	***096	1000000
1388	HUYNH NGOC NHUNG	***014	1000000
1389	BANH THI KIM LY	***047	930000
1390	LE QUANG	***732	900000
1391	NGUYEN THI THANH HONG	***173	887680
1392	BUI THI THAI	***736	1000000
1393	THAI THI MY TRINH	***670	1000000
1394	HOANG THI LAN HUONG	***040	1000000
1395	DAO CHI ANH	***380	589400
1396	NGUYEN THI THUY TRANG	***888	932000
1397	NGUYEN KIM NHUNG	***402	1000000
1398	LAI DUC MINH	***384	999000
1399	PHAM THAI QUANG	***654	1000000
1400	BUI QUYNH NHI	***268	439600
1401	ONG THUC PHUONG	***792	1000000
1402	LE ANH DUC	***115	1000000
1403	TRAN THI PHUONG NGA	***529	754000
1404	DO TUYET ANH	***030	676000
1405	PHAM VAN LOI	***657	1000000
1406	PHAN VAN THANH	***759	1000000
1407	PHAM DUC PHUONG	***170	637400
1408	TRUONG THI PHUONG CH	***891	1000000
1409	CAO NGUYEN THANH	***917	649919
1410	NGUYEN HUU DUY	***816	999000
1411	NGUYEN HOANG MAI ANH	***063	908700
1412	TRAN VAN TUAN	***167	1000000
1413	NGUYEN VAN HUNG	***197	590000
1414	NGUYEN THI PHUONG HA	***248	1000000
1415	HOANG VAN HAI	***698	889000
1416	PHAN THANH HUNG	***368	1000000
1417	PHAM VU PHONG	***563	1000000
1418	NGUY TRAN MANH TRUNG	***870	1000000
1419	NGUYEN HOANG THANG	***890	969000
1420	NGO THANH HUNG	***048	1000000
1421	TRINH MY NGOC	***735	1000000
1422	TRAN HUYEN TRANG	***248	389700
1423	NGUYEN THI THANH HUY	***320	1000000
1424	TRUONG QUOC TUAN	***610	931200
1425	NGUYEN THI HUYNH NGA	***033	1000000
1426	VIET NGOC THEM	***823	1000000
1427	BUI KHANH TOAN	***623	1000000
1428	NGUYEN NGOC TOAN	***083	552300
1429	LAM THANH SY	***531	1000000
1430	DAO THI HONG	***224	528800
1431	TRAN THI QUYNH TAM	***054	775030
1432	NGO DUC THINH	***786	500000

1433	DO VAN LONG	***587	1000000
1434	PHAM THI BAO NGOC	***474	309500
1435	LE QUYNH TRANG	***016	479700
1436	HOANG THI PHUONG	***768	619500
1437	HUYNH VAN THE	***128	629000
1438	PHAN MANH CUONG	***965	560000
1439	NGUYEN THU TRANG	***100	1000000
1440	PHAN THI HONG VAN	***701	730000
1441	NGUYEN THI HUONG	***085	1000000
1442	PHAM QUOC KHANH	***403	459800
1443	HO QUOC BINH	***773	1000000
1444	HUA THI TRAM ANH	***176	1000000
1445	TRAN THI TUYET	***330	853300
1446	NGUYEN HAI LONG	***756	749900
1447	TRAN NGOC KIM TUYEN	***610	1000000
1448	DO ANH NGA	***694	508286
1449	MAC THI THOA	***213	1000000
1450	NGUYEN THI NGOC LAN	***750	1000000
1451	HO VIET DONG	***212	538200
1452	DAO NGOC DUNG	***543	532000
1453	DO MINH SON	***987	599000
1454	VU THI HIEN	***749	869400
1455	VO MINH TAI	***301	1000000
1456	NGUYEN THI TRANG	***559	1000000
1457	TRAN VAN VIET	***388	907000
1458	BUI TRONG QUYNH	***624	929000
1459	PHAM TRUNG PHUONG	***462	519800
1460	NGUYEN THE MANH	***121	1000000
1461	TRUONG HONG QUANG	***147	859700
1462	LE THUY VU LINH	***584	1000000
1463	KY LINH LINH	***779	610000
1464	NGUYEN VAN TUNG	***059	1000000
1465	NGUYEN MANH HA	***250	1000000
1466	HOANG THANH HUYEN	***963	1000000
1467	TRINH VIET TRUNG	***267	703000
1468	NGUYEN KIM CHI	***768	500000
1469	PHAM THUY DIEM CHI	***480	1000000
1470	NGUYEN THI THUY DUONG	***654	1000000
1471	HO THI KIM NGAN	***424	544700
1472	NGUYEN THI KIM THOA	***870	1000000
1473	NGUYEN QUANG THANG	***028	700000
1474	LY GIA VINH	***177	670000
1475	NGUYEN THI THUY AN	***030	1000000
1476	NGUYEN THI THOM	***114	1000000
1477	NGUYEN VAN TRUNG	***029	565000
1478	VU VAN PHU	***784	1000000
1479	HO HOANG LAN	***443	1000000
1480	NGUYEN CUC ANH	***415	702000

1481	NGUYEN DU	***581	1000000
1482	PHAM MINH THIEN	***630	559600
1483	PHAM QUYNH ANH	***995	886000
1484	NGUYEN THI HONG MINH	***157	1000000
1485	NGUYEN THI HONG LOAN	***918	1000000
1486	NGUYEN DUONG VIET	***943	1000000
1487	VU NGUYEN GIAP	***618	1000000
1488	NGUYEN THI ANH NGUYET	***319	1000000
1489	TRAN VAN BAN	***238	1000000
1490	NGUYEN DUC DAN	***470	1000000
1491	VU DUC ANH	***582	1000000
1492	NGUYEN THI THU THUY	***965	1000000
1493	NGUYEN THI BICH LIEN	***177	627000
1494	NONG THI BICH LIEN	***559	439700
1495	NGUYEN THI NGOC ANH	***764	522900
1496	YASUYUKI YOSHIOKA	***007	518000
1497	VU THU HANG	***953	382700
1498	TRAN THI THU HUYEN	***043	982205
1499	LUONG THI VAN ANH	***390	1000000
1500	NONG THI ANH NGOC	***971	1000000
1501	LE THI HUE	***521	759700
1502	CAO QUANG CUA	***371	1000000
1503	NGUYEN THI THANH HA	***235	339700
1504	TRINH QUYNH NGA	***972	1000000
1505	VU TIEN NAM	***996	879000
1506	DUONG THI THUY DUNG	***116	668000
1507	MAI THU HIEN	***341	1000000
1508	NGUYEN THI BICH DAO	***169	608800
1509	PHAM HUU HIEN	***435	1000000
1510	NGUYEN TRI HIEU	***692	1000000
1511	NGUYEN CAO KHANH TRAM	***945	849000
1512	TRAN THI THU HUONG	***890	399800
1513	HOANG THI NGOC ANH	***598	540000
1514	TRAN HAI YEN	***034	1000000
1515	VU HUONG HOA	***246	1000000
1516	TRAN QUANG CHINH	***863	532000
1517	TRAN NGOC CUC	***264	1000000
1518	PHAM THI THU PHUONG	***699	459500
1519	HOANG THUY VAN	***472	1000000
1520	NGUYEN HONG VAN	***180	1000000
1521	NGUYEN HOANG HA	***514	558600
1522	NGHIEM HAI SON	***955	1000000
1523	TANG THI THANH HA	***013	379600
1524	LE HOANG SON	***617	1000000
1525	NGUYEN THI TINH	***085	552900
1526	NGUYEN QUOC HUAN	***504	1000000
1527	NGUYEN THI THU HUONG	***899	1000000
1528	VU THI THUY	***672	459600

1529	HOANG THI BICH HANH	***150	1000000
1530	PHAM HUY TRUNG HIEU	***519	1000000
1531	DO THI THUY DUONG	***630	1000000
1532	TRAN THI THU HIEN	***464	524000
1533	NGUYEN THI TUYET NGA	***157	1000000
1534	HO THI HUONG BINH	***574	1000000
1535	PHAM THI BE HAI	***875	1000000
1536	VU THI HUONG SEN	***228	845920
1537	PHAN NHU HOA	***413	769200
1538	NGUYEN THI VAN ANH	***250	1000000
1539	NGUYEN THANH TUNG	***513	699000
1540	DINH DUC THANG	***318	768800
1541	DINH HONG LONG	***175	1000000
1542	VU THI THUAN	***015	1000000
1543	PHAN LE THUY	***893	544000
1544	NGUYEN HONG DUNG	***700	700000
1545	LUONG THI THANH LAN	***953	939000
1546	NGUYEN DUC DO	***113	649900
1547	DAU DUC THUAN	***915	1000000
1548	NGUYEN THI VIET ANH	***991	1000000
1549	TRUONG VINH LOC	***778	1000000
1550	NGUYEN VAN TRUNG	***172	1000000
1551	BUI TRAN PHUONG MINH	***198	1000000
1552	NGUYEN HA LINH	***036	580000
1553	LE THANH THUY	***311	1000000
1554	LE THI PHUONG HANH	***234	1000000
1555	NGUYEN HONG NHUNG	***626	797200
1556	DINH HUU THANH	***234	596000
1557	LE THI KIM LIEN	***839	1000000
1558	HOANG NHAT TIEN	***124	779000
1559	VO PHAN THUY CAM LOAN	***709	608500
1560	NGUYEN HUU DUNG	***762	1000000
1561	CAO LE PHUONG THANH	***520	598000
1562	DOAN THI VIET HA	***387	1000000
1563	BUI THIEN TRUNG	***028	1000000
1564	HUYNH VAN HIEN	***460	1000000
1565	LE THI BICH LOC	***840	1000000
1566	NGUYEN QUOC KHANH	***914	569000
1567	NGO DAC LUC	***308	1000000
1568	NGO Y LAN	***883	1000000
1569	TRUONG THI THU HUYEN	***517	569900
1570	NGUYEN THUY DUONG	***665	469600
1571	NGUYEN VAN TIN	***504	1000000
1572	TRAN ANH TUAN	***748	1000000
1573	NGUYEN THI PHUC LOC	***634	1000000
1574	BUI QUOC TUAN	***095	539000
1575	HOANG THI MAI ANH	***428	793400
1576	DINH QUANG NGOC	***497	579800

1577	NGUYEN VAN TRUONG	***521	1000000
1578	NGUYEN THI DIEM XUAN	***654	1000000
1579	TRAN THAO LY	***087	1000000
1580	TRUONG THI MINH TAM	***876	1000000
1581	LAM THI THUY TRANG	***205	1000000
1582	DINH HONG HANH	***282	540000
1583	KIEU VAN VINH	***041	1000000
1584	DANG THI THANH THUY	***735	872000
1585	NGUYEN THI DONG DOANH	***258	610200
1586	LE THI TUYET HOA	***060	550000
1587	BUI HUU MANH	***035	1000000
1588	NGUYEN PHAM HOANG SAN	***168	1000000
1589	NGUYEN THUY CHAU	***211	1000000
1590	PHAM VAN TAN	***774	329500
1591	TRAN THI THU TAM	***305	329700
1592	LAM TU TOAN	***550	1000000
1593	LE THI LE THUY	***352	799000
1594	TA THI HANG	***372	1000000
1595	MAI THI THANH THUY	***698	1000000
1596	NGUYEN THANH LONG	***039	1000000
1597	TRINH TRAN TUYET ANH	***281	679000
1598	LUU DIEM PHUONG	***508	531000
1599	KARL LATRAVERSE	***284	569400
1600	LE TRAN GIA KHANH	***807	1000000
1601	TRAN DUY BAO	***823	535200
1602	LE THI THU GIANG	***826	1000000
1603	NGUYEN MAI HUONG	***232	768800
1604	TA THI LY	***290	1000000
1605	LY QUOC CHINH	***704	869000
1606	LUONG THI QUYNH ANH	***485	349400
1607	NGUYEN THI KIM CHUNG	***305	1000000
1608	DO DINH TRUC	***383	1000000
1609	VU TO NHU	***184	954000
1610	NGO MINH TUAN	***886	1000000
1611	DUONG THI BAO TRAM	***726	860100
1612	HOANG TUAN ANH	***942	1000000
1613	NGUYEN TRAN HUNG	***989	919000
1614	DO HONG NHUNG	***696	674100
1615	LE THI THU HUONG	***986	1000000
1616	NGO VIET DUC	***054	1000000
1617	LE THU NGUYET	***959	819000
1618	DANG VAN DUNG	***072	1000000
1619	NGUYEN QUOC TUAN	***860	1000000
1620	BUI THI THANH HA	***642	520000
1621	LAM QUOC TIEN	***628	1000000
1622	KHA THI LE	***194	372600
1623	TRUONG THI LIEN	***070	699600
1624	LE LAN HUONG	***581	1000000

1625	NGUYEN THANH QUANG	***283	1000000
1626	NGUYEN THI HIEN LUONG	***840	319600
1627	HOANG THI THU HUONG	***470	1000000
1628	PHAN NHAN DUY	***847	1000000
1629	DANG THI THUY HONG	***060	1000000
1630	NGUYEN LE PHUONG THAO	***792	769500
1631	LE THU TRANG	***717	1000000
1632	NGO QUANG HAI	***072	719000
1633	LE PHU TUYEN	***254	1000000
1634	DO NGUYEN DAI TRANG	***417	1000000
1635	TANG THI HONG THUY	***115	1000000
1636	HO TRUNG DUNG	***345	799000
1637	TRINH THI MINH	***210	1000000
1638	DONG QUANG TRUNG	***185	1000000
1639	DO QUYNH ANH	***811	369500
1640	TRUONG PHUOC HAO	***014	500000
1641	BUI VIET THANG	***343	1000000
1642	KHONG YEN GIANG	***871	1000000
1643	TRAN THI HONG TRANG	***127	1000000
1644	LE HOANG LAN THANH	***868	1000000
1645	HOANG PHUONG	***992	1000000
1646	NGUYEN THI QUYNH	***251	1000000
1647	VU THI HAN	***146	849000
1648	BUI THI TU GIANG	***417	309700
1649	NGUYEN LE TRUC DAN	***670	359700
1650	TRAN DINH TUAN	***283	1000000
1651	DO THANH HOA	***509	1000000
1652	DO LUONG GIANG	***735	1000000
1653	NGUYEN THI MAI ANH	***719	514900
1654	HUYNH NGOC CHAU	***475	1000000
1655	PHAM THU THUY	***390	910400
1656	LE MINH DUC	***152	1000000
1657	MAI THUY DUONG	***057	1000000
1658	NGUYEN HAI HA	***658	649000
1659	NGUYEN MINH HAI	***785	1000000
1660	PHAM HUNG SON	***862	1000000
1661	NGUYEN THI CAM TU	***157	1000000
1662	TRAN THI MY LAN	***309	1000000
1663	DO MAI LAN	***236	1000000
1664	LY THI LE	***303	997500
1665	NGUYEN QUANG DINH	***534	1000000
1666	DANG THI TRANG	***365	359700
1667	DUONG VAN CHINH	***100	848800
1668	TRAN TIEN DUNG	***521	1000000
1669	LE THI THUY KIEU	***819	1000000
1670	PHAN QUOC HOANG	***206	339700
1671	DO KHAC HOANG	***377	962600
1672	NGUYEN THI THUY TRANG	***002	743400

1673	LE TRUONG GIANG	***909	1000000
1674	PHAN TRUONG XUAN	***362	629500
1675	TRAN THI THU HUONG	***574	1000000
1676	NGUYEN DO QUAN	***403	1000000
1677	NGUYEN MINH TRANG	***361	945000
1678	NGUYEN THANH LOAN	***279	1000000
1679	HUYNH THI MY NGAN	***709	1000000
1680	TRAN DUNG TIEN	***264	529800
1681	NGUYEN MINH PHONG	***827	799000
1682	HOANG DANG BAC	***246	504400
1683	PHAM THI LOAN	***786	1000000
1684	TA VAN HUYEN	***520	849000
1685	VU THI LAN HUONG	***801	1000000
1686	PHAM DINH BAO	***689	1000000
1687	NGUYEN THANH HAI	***426	1000000
1688	NGUYEN SI LAM	***626	1000000
1689	VO THI THUY MINH	***865	1000000
1690	NGO CONG DANH	***313	699000
1691	TRAN THI NHUNG	***472	779300
1692	DO THI TUYET MAI	***224	539600
1693	DANG THANH AN	***178	1000000
1694	NGUYEN THI THUAN	***879	799000
1695	TANG BA PHUC	***786	930000
1696	DO THI PHUONG HANH	***678	1000000
1697	NGUYEN VAN QUANG	***283	1000000
1698	NGUYEN VAN DUC	***740	1000000
1699	HOANG NGOC THAO	***842	859000
1700	TAN THI QUYNH	***768	749000
1701	VU HUE CHI	***129	339700
1702	VU THI PHUONG THAO	***127	1000000
1703	NGUYEN THI DIEM	***421	634000
1704	PHAM THI KIM NHUNG	***452	1000000
1705	MAI TRAN NGUYEN VINH	***093	1000000
1706	LAM NGOC HUYEN	***341	589300
1707	TRINH TUAN NAM	***322	898000
1708	TRAN NGOC LAN KHUE	***259	1000000
1709	NGUYEN T THUY HUONG	***606	606800
1710	HUYNH THI HANH NGUYEN	***816	734999
1711	TRAN THI KIM OANH	***971	419700
1712	VU THANG	***670	1000000
1713	NGUYEN THI QUYEN	***269	569000
1714	LE THI THANH NGA	***303	1000000
1715	HUYNH THI QUOC	***252	639000
1716	DANG THI MINH ANH	***883	599000
1717	PHAM THANH THUY	***641	1000000
1718	NGO HOANG ANH	***691	690000
1719	VU THI BICH HANH	***944	1000000
1720	TRAN THI HA LINH	***847	839300

1721	TRAN VAN TRUA	***246	1000000
1722	NGUYEN HONG NGUYEN	***960	939610
1723	NGUYEN TRAM ANH	***515	1000000
1724	TRAN VAN SINH	***283	1000000
1725	TA THI LE	***670	1000000
1726	LE THI LAN ANH	***207	1000000
1727	NGUYEN T HUONG GIANG	***626	659600
1728	VU QUANG CON	***084	902500
1729	JENNIFER ANNE NGUYEN	***283	780450
1730	NGUYEN MANH CUONG	***962	749000
1731	LE THI HOANG DIEP	***110	858000
1732	NGUYEN NGOC MAI	***314	1000000
1733	NGUYEN VAN HIEN	***597	591000
1734	NGUYEN THI BICH NGOC	***517	359700
1735	NONG THI DIEP ANH	***793	509500
1736	VO THANH MINH	***042	969000
1737	DANG THI QUYNH	***082	1000000
1738	LE THI BICH THANH	***532	1000000
1739	NGUYEN THI MAI THANH	***728	1000000
1740	PHAN VAN SI	***987	708500
1741	PHAM THI LAM HUONG	***708	1000000
1742	PHAM THI LAN ANH	***358	1000000
1743	BUI BAO NGOC	***512	1000000
1744	DANG QUOC KHANH	***207	1000000
1745	PHAM THI HONG LOAN	***544	609000
1746	LE HUONG GIANG	***751	1000000
1747	NGUYEN THI THU	***283	1000000
1748	TRAN MINH OAI	***934	804100
1749	NGUYEN THI LIEU	***906	618000
1750	PHAM THI THU HUYEN	***567	909000
1751	NGUYEN MY NGOC	***630	1000000
1752	PHAN THI THU HUONG	***491	1000000
1753	NGUYEN TUAN ANH	***593	1000000
1754	TRAN PHUONG ANH	***275	1000000
1755	NGUYEN THANH LUAN	***276	1000000
1756	DINH CUONG ANH	***059	745930
1757	DANG XUAN TRUNG	***155	1000000
1758	DO PHAN DUY KHUE	***828	532500
1759	NGUYEN THI HANG NGA	***524	1000000
1760	TRAN HONG DUNG	***791	1000000
1761	NGUYEN TRA MY	***682	1000000
1762	HUYNH BAO TRAN	***582	1000000
1763	BUI THANH LAM	***145	1000000
1764	NGUYEN THI NGOC HOA	***718	799000
1765	NGUYEN THI LAN ANH	***613	1000000
1766	TRAN XUAN DUNG	***120	700000
1767	QUACH VAN PHUONG	***389	563400
1768	PHUNG THI TUYET NHUNG	***595	819100

1769	NGUYEN PHUC HIEN	***003	399500
1770	LE THI NGOC DUNG	***220	1000000
1771	LE NGOC DUNG	***226	1000000
1772	PHAN THI THANH HA	***608	509500
1773	BUI THU GIANG	***605	999000
1774	NGUYEN THI TU ANH	***730	588000
1775	BUI THI BICH PHUONG	***032	569700
1776	DAU VIET HA	***905	1000000
1777	HA KHANH LINH	***346	1000000
1778	NGUYEN THI LUU HA	***145	1000000
1779	LE VAN HOP	***073	745000
1780	NGUYEN THE SON	***141	1000000
1781	NGUYEN THI THU YEN	***657	797100
1782	DANG LE NAM	***556	600000
1783	NGO HUYNH MAI	***607	790000
1784	LE THI NGUYET	***385	1000000
1785	LUONG HAI LONG	***733	1000000
1786	TRAN THI MINH DUC	***408	1000000
1787	PHAM THI HA	***396	540000
1788	NGUYEN THANH THUAN	***756	1000000
1789	LE THI HUONG THUY	***010	679500
1790	DINH HONG THAI	***043	1000000
1791	DO PHUONG HANG	***876	1000000
1792	BUI CONG NGHIEP	***354	1000000
1793	NGUYEN THI THU OANH	***360	700000
1794	VU TRONG HUONG	***572	1000000
1795	IKEGUCHI SATSUKI	***616	873900
1796	PHAM CONG AN	***768	1000000
1797	NGUYEN QUYNH HOA	***872	1000000
1798	NGO BICH NGOC	***256	309600
1799	NGUYEN HONG NGOC	***252	319600
1800	LE THI THANH	***791	1000000
1801	TO BICH HUE	***320	707900
1802	PHAN DANG ANH	***134	339700
1803	NGUYEN THI LY	***161	382400
1804	DO KIM HOAN	***435	1000000
1805	NGUYEN THI KIM ANH	***588	1000000
1806	LUONG NHU HUE	***278	849000
1807	DUONG TUAN MINH	***311	1000000
1808	NGUYEN ANH TUAN	***871	549000
1809	PHAM NGOC LAM	***276	1000000
1810	NGUYEN KIEN CUONG	***608	1000000
1811	DINH THI THU HIEN	***978	1000000
1812	NGUYEN HOANG XUAN LAN	***778	1000000
1813	DO THI HA	***929	1000000
1814	NGUYEN THI LE OANH	***481	1000000
1815	PHAM VAN TAN	***782	623700
1816	NGUYEN DUC QUANG	***000	1000000

1817	DO HUY THANH	***105	912000
1818	NGUYEN THI PHUONG HANH	***403	990000
1819	NGUYEN THI NGUYET MINH	***734	1000000
1820	NGUYEN AN	***001	579700
1821	PHAM THI TUYET	***094	1000000
1822	DAO HUU DUY ANH	***005	429500
1823	PHAM THI KIEU TRANG	***336	648880
1824	VUONG PHUC NGHIA	***208	1000000
1825	NGUYEN DUC AN	***855	1000000
1826	NGUYEN DUC VUONG	***593	548000
1827	DO ANH TUAN	***677	653200
1828	NGUYEN VAN ANH	***133	1000000
1829	HUYNH LE BACH TUYET	***631	1000000
1830	DAO HOANG YEN	***859	559500
1831	NGUYEN THI KIM TUYEN	***562	1000000
1832	DO TIEN DUNG	***844	1000000
1833	NGUYEN LAN ANH	***123	319700
1834	HOANG NGUYEN CUONG	***753	379600
1835	TRAN THUONG ANH	***417	940000
1836	NGUYEN THI HONG VAN	***021	660000
1837	BUI THI LAN HUONG	***475	899000
1838	TRAN THO TRAM ANH	***982	409500
1839	LE THANH HA	***085	1000000
1840	LE VIET HUNG	***120	624300
1841	HUYNH THI THU HIEN	***109	811000
1842	NGUYEN THI THANH PHUONG	***025	1000000
1843	NGUYEN THI HIEN	***752	1000000
1844	NGUYEN MINH NHAT	***979	1000000
1845	NGUYEN TUAN KHANH	***932	540000
1846	LE THUY HUONG	***292	800000
1847	LE THI HONG LAN	***213	1000000
1848	NGUYEN THI HONG QUYNH	***308	693000
1849	HOANG MINH HUE	***749	1000000
1850	HOANG THI TUYET NHUN	***080	890000
1851	DO THI KIM SA	***447	1000000
1852	NGUYEN QUE HUONG	***215	1000000
1853	HO THANH PHU	***898	1000000
1854	DINH THANH NAM	***293	521800
1855	TRAN QUYET THANG	***936	399500
1856	NGUYEN THI PHUONG THUY	***169	1000000
1857	LE QUANG HUNG	***583	1000000
1858	NGUYEN TAN LINH	***643	1000000
1859	TRAN NGUYEN DUC TRUNG	***920	650700
1860	NGUYEN THU HA	***486	638100
1861	DONG BANG TRANG	***795	698000
1862	PHAM NHAT PHUONG	***819	1000000
1863	TRAN THI HANG	***878	1000000
1864	HUYNH HUU PHUONG HA	***990	509600

1865	NGUYEN THI HONG THUY	***283	1000000
1866	THAI TRINH NAM	***682	1000000
1867	PHAM VIET CUONG	***640	1000000
1868	NGUYEN THI BINH	***173	1000000
1869	DINH CAO KHUE	***766	540000
1870	LE THI THANH XUAN	***047	1000000
1871	LE NGUYEN THI DIEM HUONG	***315	377100
1872	LE THI THU HANG	***510	539800
1873	NGUYEN THI THU GIANG	***725	773500
1874	NGUYEN MINH HANG	***988	619500
1875	TRAN THI THANH BINH	***510	750400
1876	NGUYEN ANH TUAN	***042	1000000
1877	NGUYEN THE HOA	***039	1000000
1878	NGUYEN DANG KHOA	***567	674290
1879	PHAM KHOA THU HUONG	***719	1000000
1880	BUI THI NGOC HA	***863	1000000
1881	LE MINH HOANG	***978	899000
1882	THAN DUC KHANH	***173	1000000
1883	NGO THI THUY HANG	***603	1000000
1884	NGUYEN THI HA	***214	459400
1885	CHU THI VAN ANH	***617	864700
1886	NGUYEN KIM BINH	***399	1000000
1887	NGUYEN TRA GIANG	***889	529000
1888	TRAN HONG DUC	***119	569000
1889	NGUYEN PHI LONG	***423	812900
1890	HA NHU QUYNH	***020	697000
1891	TRINH HOAI NAM	***490	1000000
1892	VO THI THANH KIEU	***144	579300
1893	NGUYEN THI KIM THOA	***812	500000
1894	DAM THI HUONG	***408	1000000
1895	LE HUYEN TRAN	***812	1000000
1896	NGUYEN MANH HUNG	***612	1000000
1897	NGUYEN VU TOAN	***864	558500
1898	PHAM THE TUNG	***210	1000000
1899	PHAM THI LOAN	***495	1000000
1900	NGO MINH DUC	***367	499100
1901	LEE JUNG SOO	***805	1000000
1902	NGUYEN THUY DAN HOA	***501	1000000
1903	DANG NGOC BAO	***968	1000000
1904	NGUYEN THI HONG	***893	1000000
1905	NGUYEN MINH GIANG	***247	1000000
1906	HA NGOC CUONG	***243	359700
1907	DUONG THUY HA	***354	314600
1908	PHAM THI QUYNH NGOC	***459	955000
1909	TON NU MINH THU	***339	1000000
1910	HOANG THU THUY	***913	1000000
1911	VU THI CAM NHUNG	***849	1000000
1912	PHAN THI THU HA	***295	1000000

1913	PHAM DAC TAN PHAT	***714	322600
1914	LUU DINH THANH	***352	1000000
1915	HO DANG TIEN	***635	1000000
1916	NGUYEN BICH THUY	***262	1000000
1917	LE VAN HUNG	***168	587000
1918	TRINH THANH HUYEN	***682	1000000
1919	DANG DUC HUNG	***871	1000000
1920	PHAM THI NGOC LONG	***748	540000
1921	TONG VIET TRUNG	***919	589000
1922	NGUYEN THI LY	***966	843200
1923	BUI THI THANH DAN	***078	1000000
1924	TIEU THI HOAI	***772	384500
1925	DINH VAN THANH	***870	689700
1926	NGUYEN THI HOANG ANH	***134	665400
1927	BUI THU TRANG	***712	999200
1928	TRUONG VAN PHEN	***595	1000000
1929	NGUYEN THI HAI NGOC	***177	729300
1930	LE THU NGA	***043	1000000
1931	NGUYEN THANH PHUC	***241	1000000
1932	DINH QUOC HUNG	***721	1000000
1933	PHAM NHAT THANG	***259	809000
1934	VU VAN DUNG	***039	1000000
1935	CAO THI THUY	***471	1000000
1936	NGO VIET HOANG GIAO	***079	559550
1937	DAO KIM HOA	***884	587000
1938	LE GIANG NAM	***666	502600
1939	TA VIET HA	***339	817000
1940	NGUYEN MANH QUANG	***269	1000000
1941	NGUYEN THUY LINH	***136	709200
1942	HUYNH VAN LONG	***128	1000000
1943	NGUYEN THI MY HANG	***332	1000000
1944	VU THANH THUY	***201	859000
1945	THAI DOAN HUNG	***297	1000000
1946	NGUYEN NHU DON	***077	999000
1947	NGUYEN THI VUI	***412	688000
1948	NGUYEN THANH MAI	***157	1000000
1949	PHAM NGOC KHUE	***659	1000000
1950	RAMANI RAJA	***661	1000000
1951	VU ANH TUAN	***603	679500
1952	PHAM ANH TUAN	***151	1000000
1953	NGUYEN CHI TOAN	***157	1000000
1954	BUI THI HA THANH	***282	1000000
1955	NGUYEN CONG THANG	***504	1000000
1956	VU THI PHUONG THAO	***426	1000000
1957	NGUYEN THI HOANG YEN	***593	1000000
1958	LE HONG SON	***487	855500
1959	TO ANH TUAN	***927	524000
1960	DUONG HOANG HIEP	***349	1000000

1961	DONG THI HOAI THU	***568	1000000
1962	TRUONG HONG LOAN	***386	389500
1963	DO VAN THUAN	***584	814703
1964	TRUONG THI DUNG	***644	724750
1965	CHAU THANH LONG	***485	970290
1966	LE QUANG LONG	***735	1000000
1967	PHAN THI HUONG	***049	509100
1968	NGUYEN TRAN DOAN TRANG	***029	1000000
1969	NGUYEN THE HAI	***999	1000000
1970	NGUYEN PHUONG ANH	***164	439300
1971	NGUYEN THI HANH	***675	1000000
1972	NGUYEN NHU CUONG	***373	332400
1973	NGUYEN THANH TUNG	***946	1000000
1974	BUI THI KIM LAN	***406	1000000
1975	BUI NAM PHUONG	***399	1000000
1976	NGUYEN THAI HA	***712	528000
1977	DINH THI BICH THAO	***918	639500
1978	LUONG DINH KIEN	***118	1000000
1979	CHU DINH BINH	***395	1000000
1980	LE THANH PHUOC	***456	674000
1981	NGUYEN VAN CONG	***506	1000000
1982	NGUYEN VAN LAM	***548	623336
1983	NGUYEN TRUNG HAI	***410	875000
1984	DUONG TRUNG KIEN	***656	1000000
1985	LAM MINH NGUYET	***555	1000000
1986	NGUYEN THI THU HUONG	***910	1000000
1987	NGUYEN THI KIM THANH	***138	1000000
1988	DANG LAY MUI	***365	669500
1989	TRAN ANH PHUONG	***243	1000000
1990	NGUYEN THI HANG NGA	***139	719400
1991	VU THI BICH THAO	***838	1000000
1992	DUONG VAN PHUONG	***569	1000000
1993	NGUYEN THAI HUY	***123	736200
1994	HO THI DIEM TRANG	***804	1000000
1995	TRINH VAN TUAN	***070	1000000
1996	NGUYEN THI BICH	***339	1000000
1997	LE DINH HOANG	***635	540000
1998	NGUYEN VAN DONG	***140	773100
1999	DOAN THI KIM TRAM	***100	703400
2000	LE QUOC TUAN	***363	599000
2001	LE THI HOANG OANH	***646	349800
2002	NGUYEN LE CHI MAI	***891	989500
2003	TO XUAN HIEU	***154	1000000
2004	HUYNH THI HONG DAO	***366	1000000
2005	TRINH THI BICH HIEN	***127	1000000
2006	VU VAN HA	***327	1000000
2007	NGUYEN THI AI VAN	***201	359700
2008	PHAM THI PHUONG LOAN	***468	1000000

2009	VO NHAT LAM	***286	329600
2010	TRAN QUYNH CHI	***121	1000000
2011	NGUYEN DIEU LINH	***197	1000000
2012	CAO TIEN DOAN	***324	1000000
2013	NGUYEN THI MONG DAO	***906	1000000
2014	NGUYEN THI LE THUY	***330	1000000
2015	HOANG LIEN SON	***712	960000
2016	PHUNG THI VINH	***207	479600
2017	NGUYEN THI THU YEN	***162	835000
2018	PHAM THI KIM OANH	***924	1000000
2019	PHAN KHAC HIEU	***312	1000000
2020	BUI THI MY LINH	***852	519500
2021	NGUYEN PHUONG LAN	***404	1000000
2022	LE QUANG VINH	***111	1000000
2023	NGUYEN BICH NGOC	***500	479500
2024	NGUYEN DAI TRUONG	***354	636300
2025	NGUYEN THI HIEU	***423	395400
2026	TRAN MINH HOANG	***346	1000000
2027	GIANG TU LAN	***272	1000000
2028	BUI DUY DUNG	***529	500000
2029	NGUYEN MINH THU	***560	1000000
2030	PHAM GIA KHANH	***498	1000000
2031	NGUYEN THI KIM CHUNG	***001	858000
2032	CHU DINH HUY	***778	1000000
2033	LUU THI THU HANG	***427	687000
2034	NGUYEN THI KIM PHUONG	***605	1000000
2035	HUYNH TRAN THANH	***249	1000000
2036	LE NGOC HUYEN TRAN	***126	429600
2037	LUONG THI LIEN	***767	584800
2038	LE THI VIET THAO	***420	1000000
2039	NGUYEN THI NGA	***210	369600
2040	TRAN THANH VU	***187	824000
2041	NGUYEN THO THO	***400	670000
2042	NGUYEN THI HANH	***617	359500
2043	TRAN VAN TUYEN	***249	1000000
2044	LE THI THUY VAN	***773	1000000
2045	LE NGOC HIEN	***095	1000000
2046	NGUYEN THI KIM THACH	***591	881400
2047	NGUYEN THI THANH THUY	***672	1000000
2048	NGUYEN DANG TOAN	***861	1000000
2049	NGO THI HUYNH PHUONG	***308	479400
2050	NGUYEN DAI NGHIA	***286	1000000
2051	LE THI THANH HUYEN	***213	699000
2052	DO MANH CUONG	***430	629700
2053	MAI THI LAN ANH	***063	859000
2054	HUYNH VU KIM PHUONG	***201	550000
2055	LE THI NGOC YEN	***544	1000000
2056	TRAN LE BAO NGOC	***514	939900

2057	TRAN THUY DUONG	***520	1000000
2058	HOANG NGOC KHANH	***920	1000000
2059	PHAM THI HONG	***412	1000000
2060	NGUYEN HOANG TIEN	***022	750000
2061	NGUYEN THI KIM DUNG	***250	769000
2062	TRUONG TU QUYNH	***549	339600
2063	NGUYEN HO QUYNH NHU	***608	339700
2064	LAM THI TUONG VAN	***093	747950
2065	VU THI BICH	***430	1000000
2066	HOANG THI HIEN	***414	1000000
2067	NGUYEN DUY HUNG	***063	1000000
2068	DO THI TRANG THE	***160	359700
2069	PHAM THI TRANG ANH	***397	339600
2070	CAO THI PHUONG TRUC	***023	1000000
2071	LAM THI THU HUONG	***000	944100
2072	BANH QUANG HIEN	***287	1000000
2073	TRAN DO NGOC DIEP	***388	1000000
2074	NGUYEN THI THANH HUONG	***032	532000
2075	NGUYEN NGOC LE CA	***246	540000
2076	KIEU PHUONG DUNG	***420	404600
2077	LUONG DUC TAM	***760	1000000
2078	PHAM HUNG SON	***429	1000000
2079	NGUYEN THI THU TRANG	***302	558600
2080	NGUYEN THI HONG ANH	***180	1000000
2081	LE THI HUYEN DUNG	***116	609000
2082	TRAN CHI NGUYEN	***727	989000
2083	NGUYEN DUC TUAN	***575	1000000
2084	VU MANH LINH	***602	1000000
2085	PHAM THI QUYNH HOA	***418	538200
2086	DOAN THI THANH TAM	***883	1000000
2087	PHAM THI OANH	***697	1000000
2088	PHAM QUYNH HOA	***526	649000
2089	NGUYEN THU HA	***287	309700
2090	PHAN DINH SANG	***120	1000000
2091	NGUYEN THI LINH TAM	***652	999000
2092	NGUYEN THI HANG NGA	***156	1000000
2093	LUONG YEN OANH	***891	1000000
2094	DANG THI THANH THUY	***477	1000000
2095	LUONG THANH HIEN	***649	1000000
2096	BUI THI THANH THAO	***377	1000000
2097	NGUYEN THI THANH THUY	***528	1000000
2098	VU THI QUE ANH	***098	508800
2099	NGUYEN THI THU NGAN	***307	890000
2100	NGUYEN VIET HUNG	***670	1000000
2101	TO NGUYEN BICH VY	***867	600000
2102	NGUYEN THU HUYEN	***237	1000000
2103	LE QUANG NHUT	***885	1000000
2104	TRAN LE DUY CHAU	***435	699000

2105	TRUONG SO MY	***231	775100
2106	KHIEU VIET TRINH	***517	868000
2107	DAO DUY ANH	***397	989000
2108	LE THI HOANG OANH	***711	961270
2109	NGUYEN THUY DUNG	***430	1000000
2110	PHAM THU TRANG	***843	349900
2111	NGUYEN THI MINH	***169	1000000
2112	DUONG DUY SON	***436	898800
2113	PHUNG NGOC HOA	***396	1000000
2114	NGUYEN THI MINH HIEN	***100	1000000
2115	KIEU VIET HUNG	***120	649000
2116	DO THI THUY	***080	908000
2117	TRUONG QUOC THANG	***984	1000000
2118	PHAM THI MAN LINH	***299	1000000
2119	NGUYEN THUY LINH	***584	1000000
2120	NGUYEN TIEN MANH	***273	997400
2121	HUYNH THI MONG NGHI	***033	1000000
2122	NGUYEN DINH CONG	***344	749000
2123	LAI THE TIEN	***945	1000000
2124	TRAN THI THUY VI	***626	646000
2125	LE TRAN HAI NAM	***022	1000000
2126	NGUYEN DUC THANG	***193	1000000
2127	LE THI NHU QUYNH	***981	970000
2128	PHAN DUC HUY	***888	1000000
2129	TRAN DINH TOAN	***728	690000
2130	DOAN THI THU PHUONG	***396	321400
2131	NGUYEN THU HA	***917	799000
2132	LE MINH THANH	***145	699000
2133	VU HOANG NAM	***609	1000000
2134	TRAN HUU TAN	***234	799000
2135	DAO XUAN TUAN	***162	989000
2136	NGUYEN LUU MANH LINH	***904	424200
2137	TRINH THU HANG	***020	600000
2138	TRAN THI THU HA	***026	999000
2139	NGUYEN THANH HONG	***270	540700
2140	LE THUY LINH	***555	569000
2141	PHAM QUOC CUONG	***426	969000
2142	NGUYEN NGAN HA	***597	620000
2143	MAI QUYET THANG	***527	1000000
2144	NGUYEN THAI BINH	***247	599000
2145	LE VIET SAN	***207	1000000
2146	TRINH THI NGOC ANH	***570	1000000
2147	NGUYEN THANH DOANH	***703	990000
2148	TRAN THI THUY NHA	***414	1000000
2149	NGUYEN VAN CONG DANH	***529	519000
2150	NGO HOANG VIET	***598	1000000
2151	VU TU ANH	***312	1000000
2152	VU QUYET THANG	***870	1000000

2153	NGUYEN TRUNG HIEU	***066	1000000
2154	PHAN THI THUY TAM	***501	1000000
2155	NGUYEN THU HUYEN	***654	999000
2156	NGUYEN MINH NHAT	***948	1000000
2157	DINH THU NGA	***032	1000000
2158	TRAN QUANG THIEU	***862	849000
2159	NGUYEN VU HOANG	***564	1000000
2160	NGUYEN THI MAI ANH	***002	1000000
2161	NGUYEN PHO TOAN NGUYEN	***732	1000000
2162	PHAN THI NGOC BICH	***827	799000
2163	NGUYEN VAN PHUONG	***651	700000
2164	NGUYEN THANH LAM	***379	1000000
2165	NGUYEN MINH PHUONG	***542	581030
2166	TRAN THI KIM LOAN	***818	1000000
2167	HOANG MINH TRANG	***470	799000
2168	PHAM VAN HOA	***823	1000000
2169	NGUYEN VAN PHUC	***988	909000
2170	PHAM VAN LUC	***812	1000000
2171	NGUYEN THI CHAU	***360	1000000
2172	VU THI KIM DUNG	***337	940000
2173	PHAN THI THU TRANG	***820	1000000
2174	TRAN THI BICH THU	***452	888000
2175	DO QUANG NGHI	***416	500000
2176	DO THI QUYNH HUONG	***428	1000000
2177	TRAN THI THANH BINH	***501	745930
2178	NGUYEN NHU TY	***455	1000000
2179	HUYNH THI CAM PHUONG	***911	619000
2180	TRAN THI ANH THU	***323	969000
2181	NGUYEN THI THU HUONG	***181	1000000
2182	TRAN ANH HUONG	***187	789000
2183	VU THI THU VAN	***626	1000000
2184	PHAM MINH HUE	***120	1000000
2185	VU THI NGAN	***433	1000000
2186	LE THANH HUNG	***379	949000
2187	CHE THI HUONG GIANG	***586	1000000
2188	VU THI THU HUONG	***968	1000000
2189	HUYNH THI BICH	***497	520310
2190	PHAM MINH HANH	***473	359700
2191	DANG THI HONG NGOC	***103	979000
2192	TRUONG QUYET CHIEN	***796	988000
2193	TRAN NGOC LONG	***256	979000
2194	NGUYEN ANH TUAN	***706	979000
2195	NGUYEN VAN THIET	***913	939000
2196	LE VAN NGHI	***435	1000000
2197	PHUNG NGOC KHANH	***116	950000
2198	NGUYEN THI THANH THUY	***474	510000
2199	TRAN NGOC THU	***236	799000
2200	THAI MY PHUONG	***835	1000000

2201	BUI THI THANH	***864	699000
2202	TRAN THI NGOC NGA	***739	1000000
2203	NGUYEN TRUNG HAU	***813	1000000
2204	TANG QUANG HUNG	***292	799000
2205	LE PHAT LOI	***133	900000
2206	HA THI HONG NHUNG	***316	1000000
2207	PHAM HONG ANH	***544	1000000
2208	DUONG QUOC VIET	***105	1000000
2209	PHAN ANH TUAN	***078	950000
2210	NGUYEN THI THANH TUYEN	***155	790000
2211	NGUYEN THI HA	***776	1000000
2212	NGUYEN THI THAO ANH	***668	1000000
2213	NGUYEN NGOC HUYEN	***943	719000
2214	HUYNH NGOC DUC	***614	610100
2215	TRAN LAN	***032	899000
2216	PHAM KIEN QUOC	***316	659000
2217	NGUYEN THI NGOC HANH	***067	872100
2218	LUU DINH QUANG	***728	1000000
2219	PHAM ANH TUAN	***114	833200
2220	NGUYEN DUC THUAN	***823	1000000
2221	NGUYEN TRONG HUNG	***203	1000000
2222	PHAM THI NGOC HAN	***214	825000
2223	NGUYEN XUAN ANH TUAN	***114	586500
2224	NGUYEN THI KIM HUONG	***378	544400
2225	PHAM THI TAN	***783	589400
2226	DINH THI THU	***183	967900
2227	HOANG HONG HA	***465	399700
2228	NGUYEN MINH TU	***614	1000000
2229	TRAN HUY DUNG	***594	1000000
2230	NGUYEN CONG THANH	***834	1000000
2231	NGUYEN THI NGA	***963	429200
2232	TRAN DUY DONG	***811	999200
2233	PHAM DIEU HUNG	***547	598000
2234	NGUYEN XUAN HIEU	***382	900000
2235	NGUYEN THI THANH TUYEN	***353	1000000
2236	DOAN NGOC QUY	***894	699000
2237	DAO THI BICH LIEN	***350	1000000
2238	NGUYEN THI THANH BINH	***308	1000000
2239	TRAN SON PHU	***239	1000000
2240	LE QUYNH NHU	***110	752000
2241	TRAN NGOC ANH	***865	1000000
2242	LUONG THANH TUAN	***389	1000000
2243	LAM THI DAN AN	***426	1000000
2244	BUI CONG KY	***422	1000000
2245	NGUYEN VIET HUNG	***060	669000
2246	NGUYEN VAN THINH	***061	1000000
2247	DO KIM HA	***265	1000000
2248	HUYNH THANH TUAN	***351	1000000

2249	TRUONG THI LE	***479	439600
2250	LE THI BICH THUY	***215	1000000
2251	VU VAN TRONG NGHIA	***499	1000000
2252	NGUYEN THI HANG NGAN	***395	591480
2253	BUI NGOC SANG	***508	1000000
2254	NGUYEN HOANG VIET	***224	859500
2255	DO THI MAI THI	***644	1000000
2256	NGUYEN THI CAM HUYEN	***175	1000000
2257	NGUYEN THI HUONG	***335	1000000
2258	NGUYEN TRUNG HIEU	***011	1000000
2259	NGUYEN THI KIM YEN	***605	655000
2260	HOANG THI HANG	***998	500000
2261	TRAN THI LE HUYEN	***392	580000
2262	DO MINH TRI	***942	1000000
2263	HOANG NGOC NGA	***727	712500
2264	NGUYEN THI LAM GIANG	***774	579600
2265	DANG THI KIM TRUC	***599	364200
2266	LU KIM VAN	***560	1000000
2267	PHAM HUONG LIEN	***772	529400
2268	DO THI THU TRANG	***339	522200
2269	DOAN THANH TUAN	***707	998100
2270	NGUYEN THI NGOC	***303	635000
2271	PHAM DINH HUNG	***092	1000000
2272	VU THU HIEN	***292	917000
2273	NGHIEM THANH HUONG	***725	1000000
2274	VU CHI HIEU	***636	1000000
2275	NGUYEN THU HONG	***930	1000000
2276	NGUYEN THI THIEN PHUONG	***832	1000000
2277	PHAN BACH MAI	***833	1000000
2278	NGUYEN THI THU HONG	***855	359600
2279	LE TRAN VI THAO	***346	1000000
2280	LE HOANG THANH	***520	669000
2281	TRAN MINH TRI	***029	1000000
2282	NGUYEN VAN HUYEN	***814	539900
2283	HUYNH TRUNG NGHIA	***974	1000000
2284	PHAM VAN DIEP	***510	928000
2285	TRAN THI TINH	***727	1000000
2286	NGUYEN THU GIANG	***286	1000000
2287	NGUYEN THI THANH THAO	***446	933000
2288	DOAN THUY ANH	***605	1000000
2289	PHAM THANH TRUNG	***902	456500
2290	TA THANH HUYEN	***895	1000000
2291	TRAN THI THUY DUONG	***687	660000
2292	NGUYEN THI SU	***775	1000000
2293	DONG THI QUYNH NHU	***357	1000000
2294	NGUYEN VAN TRUNG	***021	1000000
2295	NGUYEN THI HONG SINH	***578	549300
2296	LE MINH TUYEN	***462	1000000

2297	TO CHIEN	***529	1000000
2298	NGUYEN THI HIEN	***027	419500
2299	THAI THI MAI PHUONG	***298	824000
2300	TRUONG NAM GIANG	***367	1000000
2301	NGUYEN THANH SON	***541	650000
2302	HO PHAN THANH THUY	***052	769500
2303	LUONG GIANG NAM	***776	1000000
2304	PHAM HA LINH	***005	339800
2305	PHAM THI NHU	***761	1000000
2306	NGUYEN NGOC HUONG	***648	972020
2307	LE THI HONG HANH	***936	1000000
2308	HAN THI THUY CHIN	***493	1000000
2309	PHAM THI KIEM	***304	690000
2310	TRAN HOANG NGOC CHAU	***420	1000000
2311	NGUYEN PHUONG LIEN	***517	944000
2312	PHAM THI LIEN	***649	1000000
2313	PHAM MINH HANG	***209	1000000
2314	NGUYEN MINH HUONG	***149	1000000
2315	DINH VAN KHA	***728	1000000
2316	NGUYEN THANH BINH	***910	1000000
2317	NGUYEN HOA THUAN	***634	1000000
2318	NGUYEN HONG HAI	***044	575320
2319	VU VAN DONG	***461	1000000
2320	NGUYEN THI QUYNH NGA	***011	1000000
2321	NGO DUC HUY	***614	549000
2322	NGUYEN THI HONG HA	***588	699000
2323	NGUYEN THI MINH DUC	***987	1000000
2324	DAO VIET AN	***555	1000000
2325	VAN THI THANH HOA	***942	950400
2326	NGUYEN THAI AN	***094	1000000
2327	NGUYEN TUAN HAI	***183	1000000
2328	HOANG THI AN	***793	799000
2329	NGUYEN MINH CHANH	***942	1000000
2330	HA TUAN ANH	***598	996600
2331	TRINH QUOC HUNG	***326	1000000
2332	NGUYEN DANG NAM	***290	600000
2333	NGUYEN THI XUAN VI	***281	1000000
2334	NGUYEN HUU KHANH	***611	1000000
2335	SHUNSUKE KOYA	***860	549000
2336	LE THI THAO HANH	***641	1000000
2337	TRUONG DUONG TIEN	***815	1000000
2338	PHAN BA CUU	***989	1000000
2339	HO THI HONG HANH	***311	850000
2340	HOANG THI THANH LOAN	***776	598000
2341	TRINH THU HA	***243	500900
2342	DINH HOANG VIET	***106	506700
2343	DANG THI PHUONG MAI	***249	409400
2344	NGUYEN HOANG OANH	***433	1000000

2345	PHAN THI MINH NGOC	***620	1000000
2346	LY TU HUE	***328	1000000
2347	NGUYEN THI PHUONG THAO	***657	969000
2348	DANG THI ANH DONG	***271	949000
2349	HOANG THI THU HIEN	***350	1000000
2350	TRAN THU HANG	***716	1000000
2351	LY THI THU THAO	***727	652000
2352	NGO QUANG DAT	***415	794000
2353	NGUYEN QUOC DUY KHUONG	***662	1000000
2354	CHE MINH LY	***381	1000000
2355	PHAN THI PHUONG ANH	***641	419700
2356	VO THI THUY HONG	***240	575200
2357	TRAN VIET DUNG	***781	1000000
2358	BUI MY HANH	***629	556000
2359	NGUYEN MINH HUONG	***635	829500
2360	NGUYEN KHAC BAO ANH	***231	699000
2361	PHAM THI HANH TRANG	***165	699300
2362	DUONG THI QUYNH CHI	***086	840000
2363	LAM VAN	***197	1000000
2364	NGUYEN VAN TUAN	***618	1000000
2365	NGO VUONG THANH	***373	1000000
2366	TRAN THI KIM NGAN	***618	964900
2367	NGUYEN THI LE HA	***344	1000000
2368	NGUYEN KIM PHUOC	***610	1000000
2369	TRAN MINH NGUYET	***326	389700
2370	PHAN MINH PHUC	***361	948000
2371	LE VAN NINH	***958	1000000
2372	NGUYEN THI DIEU MAI	***531	359600
2373	DO THI THUY TRANG	***478	600000
2374	LE VAN VUNG	***709	1000000
2375	NGUYEN THI LIEN CHAU	***823	979000

4. Tại Mcdonald's giai đoạn 3

STT	Họ và tên khách hàng	Số thẻ	Số tiền trả thưởng (VNĐ)
1	VO THI BICH HANG	***041	90,400
2	NGUYEN VAN HANH	***518	67,800
3	ER KIAN HERN	***272	385,200
4	NGUYEN NGOC DANG KHOA	***279	101,000
5	VO HOANG LONG	***900	483,700
6	HUYNH THI MAI THY	***790	211,200
7	CHAN NUAN NI JOSELYN	***399	151,800
8	TRAN HONG NGOC	***699	170,400
9	TRAN NGOC TUNG	***815	237,200
10	AU NHU Y	***610	139,000
11	TRUONG HOAI MINH PHUONG	***606	75,600
12	LAM THANH TUNG	***089	350,000

13	VO ANH PHUONG	***427	553,200
14	PHAN THANH HUNG	***909	123,200
15	PHAM NGUYEN HAI NAM	***015	189,800
16	KASHINE RYOH	***220	121,800
17	DO DUY HIEU	***555	63,800
18	NGUYEN N THIEN KIM	***833	240,000
19	PHAN THI BICH NGAN	***705	66,800
20	LE DINH THANG	***096	162,800
21	NGUYEN VIET QUOC	***419	225,000
22	PHAM HO LIEN CHI	***489	115,200
23	NGUYEN NGOC LOI	***455	420,400
24	NGUYEN THI KIM XUYEN	***994	84,200
25	LY NHI NGHIA	***647	139,800
26	DO DUY THAI	***220	79,600
27	TA HUU HIEN	***089	78,600
28	TRUONG DIEU QUANG	***189	125,600
29	MARTIN BRINKAC	***519	259,000
30	CHAU KEVIN	***419	79,600
31	TRAN NHU CHI LAI	***412	354,800
32	HO TUYET QUYEN	***951	82,800
33	KAO HSIANG JANE	***465	111,200
34	NGUYEN THI HANH PHUC	***812	105,800
35	NGUYEN MINH NHUT	***384	66,800
36	TRAN XUAN HOAN	***805	97,200
37	NGUYEN VAN DUY	***816	125,400
38	TA KIM PHU	***639	433,800
39	NGUYEN HOANG ANH	***168	402,600
40	NGUYEN TAM THAO	***556	271,600
41	CRISTIAN ANTONIO DI	***177	181,400
42	THAI THI XUAN HONG	***213	254,800
43	DOAN QUANG BICH THAO	***048	273,200
44	NGUYEN THI QUYNH NHU	***502	78,000
45	CAO HOAI THU	***671	157,200
46	PHAM NHUONG	***207	64,400
47	TRUONG NGUYEN ANH MINH	***587	86,000
48	NGUYEN THI HONG VAN	***072	551,600
49	TRUONG DINH DUY	***906	67,000
50	NGUYEN MINH LUU	***378	94,600
51	LE THUY CHAU PHUONG	***677	161,400
52	PARK JUNE SIK	***041	62,800
53	DONG SON LAM	***504	72,600

54	PHAM LE VI	***679	81,600
55	LUONG VAN AN	***789	89,600
56	NGUYEN TRUNG NGHIA	***670	217,400
57	TA DUY VUONG	***382	629,600

5. Tại Vietnam Airlines giai đoạn 3

STT	Họ và tên khách hàng	Số thẻ	Số tiền trả thưởng (VNĐ)
1	UONG QUE CHAU	***098	200,000
2	HOANG ANH TUAN	***013	200,000
3	TRAN THI LE	***809	200,000
4	TRAN LE MAI KHANH	***463	200,000
5	PHAN THANH HAI	***803	200,000
6	NGUYEN THE SON	***149	200,000
7	TRUONG LAM HANH DUNG	***719	200,000
8	NGUYEN XUAN THANH	***555	200,000
9	DUONG THI HUYEN	***964	200,000
10	TRAN THI CAM LY	***408	200,000
11	LE THUY HOA	***986	600,000
12	NGUYEN HOANG NGAN	***357	200,000
13	NGUYEN VIET THANH	***740	600,000
14	NGUYEN VAN GIANG	***095	600,000
15	DANG VIET ANH	***792	800,000
16	DANG QUOC KHANH	***704	1,000,000
17	NGUYEN THI AI HIEN	***911	200,000
18	NGUYEN VAN DUNG	***576	200,000
19	NGUYEN DANG LAM	***561	200,000
20	TRAN THANH NGA	***355	200,000
21	HUYNH THI QUYNH HOA	***188	200,000
22	NGUYEN THI HUONG LAN	***737	200,000
23	NGUYEN THANH HA	***055	200,000
24	LE TU QUOC PHAT	***381	200,000
25	VU THU HAI	***215	600,000
26	HO THI AI THANH	***892	600,000
27	LE VU HONG HAI	***566	200,000
28	PHUNG THI VIET HANG	***003	400,000
29	NGUYEN THI LOAN	***489	200,000
30	NGUYEN THI MINH HAI	***181	200,000
31	NGUYEN THUC ANH	***502	200,000
32	NGUYEN THI THU HA	***137	200,000
33	NGUYEN VAN DUNG	***210	200,000
34	HO THANH NAM	***260	400,000
35	NGUYEN THI THANH HIE	***024	200,000

36	NIM CAM	***792	200,000
37	NGUYEN THI NGOC NHUNG	***029	600,000
38	NGUYEN LE TRANG TINH	***796	200,000
39	HA QUY QUYNH	***898	200,000
40	NGUYEN HOANG NHA VI	***415	200,000
41	NGUYEN MANH TU	***529	200,000
42	DO VAN HY	***835	200,000
43	NGO THI THANH HUYEN	***293	200,000
44	PHAM THUY HOA LAN	***322	200,000
45	PHAM QUOC HUNG	***025	200,000
46	LUONG THI DIEM	***961	200,000
47	HO QUOC HUNG	***399	200,000
48	THAI THI THUY TRANG	***677	400,000
49	NGUYEN THI HANH	***830	200,000
50	THACH NGUYEN THANG	***313	200,000
51	TRAN VIET TOAN	***429	200,000
52	NGUYEN THI DUNG	***040	200,000
53	VU LE AN	***237	200,000
54	PHAM HUONG GIANG	***161	200,000
55	VU PHUONG THANH	***820	200,000
56	NGUYEN TRUNG DUNG	***625	200,000
57	NGUYEN THI BICH HOA	***808	200,000
58	PHAN THUY TRANG	***434	200,000
59	VO THI THANH VI	***863	200,000
60	NGUYEN THU HANG	***901	200,000
61	DUONG THI THUY HANG	***659	200,000
62	NGUYEN VAN THE	***298	200,000
63	DINH THI BICH HA	***506	400,000
64	NGUYEN THI THUY	***191	200,000
65	NGUYEN THI MINH TAM	***279	200,000
66	PHAM DUC LOC	***770	400,000
67	TRAN THANH BINH	***199	200,000
68	NGUYEN HOANG PHUONG	***876	400,000
69	PHAM THI THANH HOA	***843	200,000
70	CAO QUOC CHUNG	***036	400,000
71	BUI THUY HANH	***848	200,000
72	NGO THI NGOT	***234	400,000
73	NGUYEN THI NGUYET ANH	***282	400,000
74	LE NGO HONG THAO	***242	200,000
75	NARIMITSU SATOSHI	***320	200,000
76	LE HUYNH NGUYEN KHANG	***341	400,000

77	TRAN ANH TUAN	***171	200,000
78	WATARU HIRONAKA	***080	200,000
79	NGUYEN THI THU TRANG	***546	200,000
80	LE HOAI PHUONG	***945	200,000
81	NGUYEN LAN HUONG	***459	200,000
82	MORI HIROTO	***175	200,000
83	NGUYEN THI NGOC ANH	***510	200,000
84	TRUONG TRONG TUAN VU	***301	600,000
85	NGUYEN VAN LOC	***116	200,000
86	TRAN LE PHU NINH	***440	400,000
87	NGUYEN THAI HUY	***123	200,000
88	TRAN PHUONG NHUNG	***096	200,000
89	BUI NGOC CUONG	***208	200,000
90	PHAM VIET	***489	200,000
91	SAUMYA RANJAN SWAIN	***255	400,000
92	LUU TIEN DAT	***479	200,000
93	NGUYEN XUAN HAI	***340	200,000
94	TRAN VAN MINH	***614	400,000
95	FABIEN TIRGOUINE	***417	200,000
96	NGUYEN NGOC HIEU	***495	200,000
97	LA THI HONG MINH	***603	800,000
98	PHAM THI BICH PHUONG	***330	600,000
99	NGUYEN THANH NAM	***042	200,000
100	LE NGOC THE PHIET	***540	200,000
101	NGUYEN LUU NGOC	***485	200,000
102	LY THI MY LINH	***412	400,000
103	VUONG THUY NGA	***473	200,000
104	HOANG CHI TAM	***496	200,000
105	NGUYEN THI MAI CHI	***120	200,000
106	LE THIET CUONG	***124	200,000
107	NGUYEN THI HONG LAN	***285	200,000
108	LE BICH THUC	***532	200,000
109	LE DUC THANH	***190	200,000
110	LY TRI KHOA	***110	200,000
111	PHAN MINH LIEM	***407	200,000
112	NGUYEN THI THI LAI	***400	200,000
113	TRAN LE NAM	***991	400,000
114	TRAN THI KIM PHUONG	***756	200,000
115	NGUYEN THU TRANG	***037	200,000
116	HA LINH THU	***848	200,000
117	NGUYEN HOANG HA	***502	200,000

118	NGUYEN TIEN CHIEN	***033	400,000
119	LUU THAI BINH	***266	200,000
120	NGUYEN THI THUY DUONG	***684	200,000
121	TRUONG TRIEU THUAN	***542	200,000
122	CHAU QUANG HUY	***016	200,000
123	NGUYEN DUY KHANH	***266	200,000
124	NGUYEN ANH TOAN	***083	200,000
125	NGUYEN THANH TRI	***097	200,000
126	NGUYEN THI THANH TRUC	***077	200,000
127	TA HUNG SINH	***477	200,000
128	HA TIEU DINH	***582	200,000
129	NGUYEN TON VIET	***848	200,000
130	NGUYEN DANG QUANG	***058	200,000
131	UONG THI MAI HUONG	***758	1,000,000
132	PHAM MINH TUAN	***948	1,000,000
133	LIM BENG TEE ANDREW	***972	400,000
134	NGUYEN LAN PHUONG	***797	200,000
135	JOHN NICHOLAS ROBINS	***000	400,000
136	DANG THI MAI NGA	***674	200,000
137	VU THI NHUNG	***647	200,000
138	THAI QUOC DUNG	***976	200,000
139	TRAN BA TUNG	***076	200,000
140	LE THANH HAI	***649	200,000
141	NGUYEN CHI THIEU	***344	200,000
142	PHAN PHU CUONG	***328	600,000
143	VO THI KIM THOAI	***364	200,000
144	VU THI HONG PHUC	***714	200,000
145	NGUYEN HOANG LIEN SON	***503	200,000
146	NGUYEN THANH HUONG	***319	400,000
147	TRAN THI MINH HA	***983	400,000
148	DOAN DUC HUNG	***692	200,000
149	NGUYEN XUAN THAO	***127	200,000
150	CAO TIEN THANH	***886	200,000
151	DIEP THI BAO NGAN	***344	200,000
152	MAI PHUONG DUNG	***488	200,000
153	NGUYEN HUONG LY	***241	600,000
154	NGUYEN THI NGOC HAN	***257	200,000
155	LUONG THU HOA	***142	200,000
156	NGUYEN THI KHANH CHI	***045	200,000
157	VU TAN PHAT	***433	200,000
158	DO THI HONG HANH	***211	200,000

159	PHAN THI VAN TRANG	***336	200,000
160	PHAM THI NGOC DUNG	***433	200,000
161	STELLA JOHNSON	***059	200,000
162	TRAN ANH TIEN	***720	400,000
163	KENTA YOSHIKAWA	***320	200,000
164	LE THI TO HAI	***556	200,000
165	MICHAEL ANDREAS WIRZ	***268	200,000
166	NGUYEN THI MINH THUY	***923	200,000
167	NGUYEN THI VINH	***108	400,000
168	FRANK MICHAEL POGADE	***830	200,000
169	LE THI PHUONG THANH	***187	400,000
170	PHAN TRONG DAI	***936	400,000
171	BACH THANH TIEN	***538	200,000
172	NGUYEN LONG	***173	200,000
173	NGUYEN TUAN QUYNH	***311	200,000
174	NGUYEN ANH TUYET	***122	200,000
175	NGUYEN THI NGOC DIEP	***439	200,000
176	TA ANH TUAN	***482	200,000
177	HOMMA TOSHIYA	***439	200,000
178	LE TRAN NGOC DUNG	***083	200,000
179	NGUYEN VAN PHE	***464	600,000
180	VU THI LAN HUONG	***892	200,000
181	TSUBUKU RYOSUKE	***983	200,000
182	NGUYEN SY THA	***818	200,000
183	NGUYEN QUOC VIET	***615	200,000
184	TRUONG TU TRINH	***760	200,000
185	DINH VAN CHIEN	***452	200,000
186	TRAN THI THANH THUY	***070	200,000
187	PHAM THI NGOC LAN	***986	200,000
188	LE THI KHANH HOA	***066	200,000
189	TRINH THUONG MAI	***275	200,000
190	TRAN NHAT QUANG	***726	200,000
191	TRAN VAN THONG	***082	200,000
192	PHAM QUOC LINH	***737	200,000
193	NGUYEN HUYNH NGAN	***039	200,000
194	LE MINH LONG	***502	600,000
195	PHAM XUAN THAO	***255	200,000
196	NGUYEN TUAN ANH	***866	200,000
197	PHAM MINH ANH	***880	400,000
198	NGUYEN NGUYET HA	***944	200,000
199	NGUYEN THI BAO NGAN	***534	200,000

200	HO MANH CUONG	***219	200,000
201	NGUYEN DAC LUC	***932	200,000
202	PHAM THAI SON	***806	200,000
203	DAM MINH DUC	***000	1,000,000
204	LE DINH DUNG	***297	200,000
205	TRAN THI KIM CHUNG	***412	200,000
206	TRAN NGOC LUU	***886	200,000
207	NGUYEN HUNG TIEN	***280	200,000
208	THAN THE CUONG	***804	200,000
209	PHAN VAN CAC	***369	200,000
210	GIANG THANH BINH	***951	200,000
211	NGUYEN THI HONG PHUC	***466	200,000
212	VO DINH HA	***208	400,000
213	NGUYEN QUANG HUY	***409	200,000
214	LE THI BINH MINH	***848	800,000
215	MAC KIEU LINH	***301	200,000
216	TRAN THI THANH HUYEN	***046	200,000
217	NGUYEN HOANG YEN	***187	200,000
218	NGUYEN DINH THAI	***522	200,000
219	PHAN THI THU HIEN	***786	200,000
220	NGUYEN THI THU TRAM	***152	400,000
221	NGUYEN THI HUYNH THO	***617	200,000
222	NGUYEN THI MINH HOA	***412	200,000
223	VU TU ANH	***911	200,000
224	TO MANH HAI	***076	200,000
225	LE THI HONG NHUNG	***244	400,000
226	DO THI THU HANG	***476	200,000
227	HOANG THI DIEM TRAM	***882	200,000
228	DOAN THI THUY TRANG	***374	200,000
229	BUI THIEU QUOC	***868	200,000
230	LE YEN THI	***162	200,000
231	VO XUAN QUY	***688	200,000
232	VU HOA BINH	***563	200,000
233	TRAN CONG THANH	***416	200,000
234	NGUYEN THU HIEN	***003	200,000
235	TRAN THI THU THUY	***752	200,000
236	TRAN THI THU TRANG	***897	200,000
237	LUONG QUANG SANG	***081	200,000
238	PHAN VAN MANH	***800	200,000
239	TRAN HA THUY	***244	400,000
240	NGUYEN QUOC HOANG	***298	800,000

241	VU HAI SON	***360	200,000
242	NGUYEN THI THUY VAN	***803	200,000
243	NGUYEN THI THU THUY	***596	200,000
244	VU VAN CONG	***517	200,000
245	TRAN DANH HUU	***226	200,000
246	DAO THI BICH THUY	***253	200,000
247	NGUYEN THI HUE	***670	200,000
248	NGUYEN NGOC PHUONG	***685	200,000
249	LE THAI HA	***170	200,000
250	TRUONG NU KHANH LINH	***911	200,000
251	CU THU HUONG	***774	400,000
252	NGO THI THU HOA	***534	200,000
253	NGUYEN THI MINH TRAM	***168	200,000
254	HUYNH THI NGOC THAO	***434	200,000
255	LE DINH KHANH	***681	200,000
256	TRUONG THE ANH	***824	200,000
257	TRAN THI VAN ANH	***212	200,000
258	PHAM THI TRINH	***903	200,000
259	NGUYEN DINH THAI	***586	200,000
260	VU LE BANG	***243	1,000,000
261	NGUYEN THI DUNG HANH	***152	200,000
262	LEE SWEE HUAT	***387	200,000
263	HOANG THI THUY HANG	***861	200,000
264	NGUYEN VIET DUNG	***962	200,000
265	BUI QUANG TOAN	***018	200,000
266	NGUYEN QUANG TRUNG	***620	200,000
267	LE NHA TRANG	***443	200,000
268	TRINH LAN PHUONG	***401	200,000
269	NGUYEN THI HUONG	***207	400,000
270	TANG MY LINH	***024	200,000
271	NGUYEN THI THU HANG	***629	400,000
272	VO BA THO	***750	200,000
273	CAO CHINH THANH	***923	200,000
274	BUI TRUNG HAU	***972	200,000
275	NGUYEN VAN CUONG	***831	200,000
276	TRAN TUAN PHONG	***283	200,000
277	NGUYEN HOANG ANH	***364	200,000
278	DOAN HOANG GIANG	***535	400,000
279	NGUYEN HONG QUANG	***356	200,000
280	LE TRAN TRUNG HIEU	***564	200,000
281	DANG THI NHUNG	***046	200,000

282	PHAM THANH HUONG	***723	200,000
283	VUONG LINH NHA TRUC	***352	200,000
284	TRAN HOANG TRUNG	***578	400,000
285	PHAN THI LOC	***837	200,000
286	TRAN THI HONG THU	***407	200,000
287	PHAM NGOC THANG	***354	200,000
288	VU PHUONG	***343	200,000
289	NGUYEN THI ANH THU	***442	200,000
290	SONIA SANDHU	***789	200,000
291	LE THANH TAM	***860	200,000
292	DAO DOAN NGOC	***074	200,000
293	NGUYEN THU VAN	***135	200,000
294	NGUYEN THI HONG VAN	***663	200,000
295	HOANG TIEN LOI	***925	200,000
296	TRAN VAN DIEN	***840	200,000
297	VU TUAN ANH	***695	400,000
298	TRAN QUANG TRI	***722	400,000
299	NGUYEN NGOC PHUONG	***431	600,000
300	LOC DIEU LINH	***586	200,000
301	TRINH THI BICH HANG	***854	200,000
302	NGUYEN THI PHUONG LAN	***229	200,000
303	PHUNG BA KHANG	***762	200,000
304	NGUYEN DAI CAN	***980	1,000,000
305	VUONG UT NGOAN	***657	200,000
306	NGUYEN TRAN ANH CHI	***667	200,000
307	PHAM THI LAN HUONG	***236	200,000
308	LE THI THU HANG	***465	200,000
309	PHAM THANH HOAI BAO	***081	200,000
310	DINH MANH HA	***675	400,000
311	TU THU NGA	***018	200,000
312	NGUYEN PHUONG THAO	***366	200,000
313	NGUYEN THI THANH BINH	***685	200,000
314	VO NGOC HIEU	***722	200,000
315	LE KIM CUONG	***127	200,000
316	HUYNH THI KIM QUYEN	***281	200,000
317	NGUYEN HAI HA	***272	200,000
318	CHU NGOC THANG	***968	400,000
319	NGUYEN DANG KHOI	***583	200,000
320	NGUYEN T NGOC HUONG	***979	400,000
321	LE THI MY DUNG	***259	200,000
322	PHAM DINH KIEN	***679	200,000

323	NGUYEN VU THANH	***197	200,000
324	TRAN LE	***824	400,000
325	PHAN VAN MINH	***602	200,000
326	PHAN HOANG DAO	***178	200,000
327	DO DUC TAM	***248	400,000
328	NGUYEN THI THUONG HI	***477	200,000
329	NGUYEN DUY HOA	***425	400,000
330	HOANG TRUC HUNG	***931	200,000
331	DOAN KIM THANH	***040	200,000
332	VU VAN HUNG	***565	600,000
333	TRAN XUAN DAN	***070	400,000
334	DOAN NGOC BAO	***231	200,000
335	VU THI HUONG LAN	***465	200,000
336	LE THI THANH PHUONG	***576	200,000
337	NGUYEN HUU BINH	***878	200,000
338	NGUYEN THI THANH TRUC	***768	200,000
339	NGUYEN THI HONG MINH	***121	200,000
340	NGO DUC BINH	***568	200,000
341	NGUYEN THI HONG NHUN	***385	200,000
342	TRAN VIET PHUONG	***250	200,000
343	PHAM MINH HANG	***036	200,000
344	NGUYEN THUY ANH	***491	200,000
345	VU XUAN TRONG	***609	200,000
346	LY HONG VAN	***295	200,000
347	PHAM THI HUONG	***128	200,000
348	PHAM THI PHUONG THAO	***951	200,000
349	LE VAN TINH	***069	200,000
350	BUI PHUONG NGA	***933	400,000
351	PEH CHEE SIONG	***361	200,000
352	TRAN THI HA	***661	400,000
353	NGUYEN HUU TIN	***914	200,000
354	NGUYEN HOANG QUAN	***203	200,000
355	HA XUAN TRUONG	***092	400,000
356	THIEU THI NGOC ANH	***407	200,000
357	HOANG MANH LINH	***573	400,000
358	TRINH THANH VINH	***616	600,000
359	TRINH HOAI NAM	***490	200,000
360	TRAN THI MAI THAO	***795	200,000
361	PHAM ANH MINH	***000	400,000
362	PHAM NGUYEN PHUC	***295	200,000
363	TA THI TAI	***216	200,000

364	PHAM NGOC MINH TRA	***657	200,000
365	NGUYEN QUOC TRUONG ANH	***405	600,000
366	THAI THI THU HA	***568	400,000
367	KAO HUY PHUONG	***283	200,000
368	PHAM THI HONG QUYNH	***209	200,000
369	NGUYEN XUAN TAM	***088	200,000
370	NGUYEN HAI DANG	***360	400,000
371	TRAN LE THUY ANH	***874	400,000
372	VU BAO TRAM	***247	200,000
373	NGUYEN PHAM ANH TUYET	***465	200,000
374	TOAN THU TRANG	***692	400,000
375	QUACH NHU HONG	***417	200,000
376	TAKEI SHUJI	***122	200,000
377	TRAN THI NGOC UYEN	***554	400,000
378	PHAN CHI BUU	***063	200,000
379	CHEN HSING FU	***239	400,000
380	TRAN THI KIM NGAN	***863	200,000
381	PHAN THI BICH VAN	***880	200,000
382	TRAN THI HUYEN	***787	400,000
383	NGUYEN THI PHU HA	***944	400,000
384	DANG MINH QUANG	***546	200,000
385	DANG DUC ANH	***781	200,000
386	PHAM THANH CUONG	***913	600,000
387	TRUONG HOANG PHU PHI	***385	600,000
388	NGO HUYEN LIEU	***549	400,000
389	TRAN PHAM THUC	***144	200,000
390	NGUYEN DUC THIEN	***265	400,000
391	TRAN THUY HANH	***739	200,000
392	NGUYEN THE PHIET	***726	600,000
393	NGUYEN MINH TUE	***560	200,000
394	TRAN THANH HIEN	***439	400,000
395	PHUNG ANH TUAN	***103	200,000
396	LE QUY LAN	***714	200,000
397	NGUYEN THI MAI THANH	***883	800,000
398	MAI DUC BAO	***855	400,000
399	NGUYEN HONG LINH	***206	200,000
400	NGUYEN THI HONG HANH	***813	200,000
401	NGUYEN QUANG LINH	***658	200,000
402	NGUYEN TU OANH	***824	200,000
403	NGUYEN THAI HOANG	***535	200,000
404	NGUYEN TUAN ANH	***934	400,000

405	TRINH THI BICH HANH	***281	200,000
406	VU VAN TRUC	***774	200,000
407	TRAN NGOC HUNG	***946	200,000
408	NGUYEN LUONG HOANG	***685	200,000
409	HOANG THI THU HUONG	***047	200,000
410	TO NGOC HAN	***694	200,000
411	CAO THANH MINH	***993	200,000
412	TO MAI XUAN HONG	***345	400,000
413	NGUYEN THI THU HIEN	***249	200,000
414	HOANG QUY THACH	***941	200,000
415	LE MINH THU	***054	600,000
416	NGUYEN D THONG NHAT	***327	200,000
417	TRAN HAI LE	***666	400,000
418	NGUYEN TUAN VIET	***717	200,000
419	NGUYEN THI NGOC HA	***191	200,000
420	PHAM THI THUY MUI	***821	200,000
421	TRAN HONG VIET	***165	200,000
422	DANG THI MY HONG	***682	600,000
423	NGUYEN NGOC QUY	***426	200,000
424	PHAN THE CHIEN	***513	200,000
425	NGUYEN THI THU HANG	***496	200,000
426	PHAM HUU TUNG	***595	200,000
427	PHAN XUAN TRANG	***890	200,000
428	NGO THI LAN HUONG	***937	400,000
429	TO THI LAN HUONG	***995	200,000
430	TRAN DANH THANG	***858	200,000
431	NGUYEN THANH LUAN	***653	200,000
432	VU TRUNG KIEN	***432	200,000
433	RODRIGUEZ SEBASTIEN	***729	200,000
434	TRAN THI HAI YEN	***481	200,000
435	LUONG MAI DUNG	***436	200,000
436	NGUYEN KIM NGOC HA	***526	200,000
437	VU THI THANH NHAN	***117	200,000
438	DO LINH CHI	***421	200,000
439	DANG SI CAM	***467	200,000
440	NGUYEN HAI TUAN	***323	200,000
441	ALOYSIUS PATRIC FERN	***374	200,000
442	DANG THI NGOC LAN	***796	200,000
443	NGUYEN TUAN VIET	***311	200,000
444	LE TUAN ANH	***513	200,000
445	DUONG THI NHU QUYNH	***020	200,000

446	BUI ANH TUAN	***204	200,000
447	HA QUOC HIEN	***765	200,000
448	DO THI PHUONG	***898	200,000
449	LE THI KIM THANH	***220	200,000
450	DINH THANH HIEN	***745	200,000
451	NGUYEN THI TU OANH	***214	200,000
452	NGUYEN THI THANH HOA	***228	200,000
453	DUONG QUANG HUY	***461	200,000
454	PHAM NGAN HA	***435	200,000
455	TRAN THI MAI DUNG	***986	200,000
456	VU THI THU HUONG	***227	200,000
457	PHAM THI DUNG	***179	200,000
458	HA MINH SON	***570	200,000
459	HOANG THIEN	***868	200,000
460	VO NHAN	***704	200,000
461	LE XUAN LOC	***961	600,000
462	KAO HUY MINH	***187	400,000
463	DUONG HONG QUAN	***190	200,000
464	MAI MANH CUONG	***738	200,000
465	THAI HO PHUONG	***227	200,000
466	KEISUKE SUZUKI	***812	400,000
467	VU MINH TAM	***655	200,000
468	DO PHUONG HOA	***289	200,000
469	LE THI HA GIANG	***710	200,000
470	NGUYEN LE DUY	***233	400,000
471	TRAN THI MAI ANH	***402	600,000
472	TRAN THI THANH THUY	***309	200,000
473	LE THI QUYNH VAN	***925	200,000
474	NGUYEN TUNG LAM	***111	200,000
475	ALEXANDER SCHMID	***537	200,000
476	DO THI DUNG	***304	200,000
477	DAO XUAN PHUC	***276	200,000
478	MAI NGOC THACH	***287	200,000
479	VU THI HANG	***836	200,000
480	THAI-CONG PATRICK QUACH	***029	200,000
481	LE THANH BINH	***006	200,000
482	BUI DUC SON	***106	200,000
483	CHITAKA OBARA	***022	200,000
484	TOBIN THOMAS WILLIAM	***877	200,000
485	HIROKI NAGATA	***958	200,000
486	GUYARD CHRISTOPHE	***360	200,000

487	TRAN THI NGOC PHUONG	***964	200,000
488	BUI THI NHUONG	***585	200,000
489	DUONG THI VIET HA	***820	200,000
490	LE CONG AN	***096	200,000
491	VU THI VAN HA	***052	200,000
492	CHAU BUU CHI	***338	200,000
493	DO THI KHANH TRANG	***783	200,000
494	VO THAI KHUYEN	***008	200,000
495	HOANG THUONG HA	***779	200,000
496	NGUYEN TIEN DUNG	***872	400,000
497	DINH THI THANH HANG	***018	200,000
498	LE NGOC QUANG	***558	200,000
499	NGUYEN THU THUY	***564	200,000
500	PHAM KHANH SON	***338	200,000
501	DUONG QUYNH CHI	***098	200,000
502	TRAN NGOC MINH	***538	600,000
503	NGUYEN CUONG QUOC	***501	200,000
504	PHAM THI QUYNH LAM	***553	200,000
505	LUU THI LIEN	***537	200,000
506	VU VIET ANH	***130	200,000
507	NGHIEM HAI THANH	***992	200,000
508	PHAM TUAN ANH	***564	200,000
509	LE UYEN DIEM	***766	200,000
510	PHUNG THUY PHUONG	***926	200,000
511	NGUYEN NGO NGOC HOA	***548	600,000
512	VU HA LAM	***965	200,000
513	NGUYEN HUU TANG	***433	200,000
514	DO THI TO QUYEN	***529	200,000
515	LE ANH HAI	***503	1,000,000
516	NGUYEN KHANH LINH	***181	200,000
517	LUONG NGOC BAO	***404	200,000
518	PHAN NHAT AI	***473	400,000
519	NGUYEN VAN CUONG	***465	200,000
520	TRAN THI MAI HOA	***111	200,000
521	ON VINH HUONG	***998	200,000
522	HOANG THI NGOC HANG	***221	200,000
523	NGUYEN TIEN LOC	***033	200,000
524	NGUYEN THI NHU LOAN	***380	200,000
525	LE THI THAO	***494	400,000
526	LUU THI HONG YEN	***204	200,000
527	LE THI THUOT	***274	400,000

528	VU THANH NGA	***549	200,000
529	LE NHO THONG	***329	400,000
530	NGUYEN VAN TUONG	***084	200,000
531	LE THI MINH THI	***482	200,000
532	NGUYEN THI THUY HUYE	***222	200,000
533	NGUYEN VAN HANG	***059	200,000
534	LE HUNG ANH	***114	200,000
535	PHAN THI KIEU HOA	***228	200,000
536	NGUYEN NGOC DUNG	***974	200,000
537	PHAN QUANG HUNG	***685	400,000
538	LE MAI DUNG	***604	200,000
539	VU VIET DUNG	***056	400,000
540	NGUYEN QUOC KHUONG AN	***058	200,000
541	LE THI THU HANG	***780	200,000
542	VU SON	***361	200,000
543	NGUYEN THI HA	***521	200,000
544	NGUYEN THI HONG NHUNG	***371	200,000
545	DUONG DINH ANH HOA	***708	200,000
546	TRAN HUYEN LINH	***704	200,000
547	NGUYEN THI THUY	***524	200,000
548	THAI THI THANH HA	***307	200,000
549	TRAN TINH MINH TRIET	***130	200,000
550	CAO VAN VINH	***273	200,000
551	HOANG HUY THONG	***754	400,000
552	LE THI THANH THAO	***652	200,000
553	NGUYEN VAN THANH	***520	400,000
554	PHAM NGOC QUANG	***938	200,000
555	NGUYEN KHANH CHI	***842	200,000
556	VO DONG VIEN	***679	200,000
557	NGUYEN PHUONG KHANH	***467	200,000
558	NGUYEN THI YEN KHOA	***165	200,000
559	TRAN QUANG DAI	***105	200,000
560	NGUYEN DANH DUY	***172	200,000
561	NGO NGOC PHUONG	***584	600,000
562	DANG THI NGOC CHIEN	***935	200,000
563	TRIEU THI VINH HOA	***319	200,000
564	LIM JAECHOON	***345	200,000
565	LE QUANG HIEP	***757	200,000
566	PHAM CHIEN THANG	***325	200,000
567	NGUYEN QUOC HOAN	***400	200,000
568	NGUYEN THI LAI	***158	200,000

569	NHAN THUY TIEN	***037	200,000
570	NGUYEN THI THUY LINH	***954	200,000
571	NGUYEN THUY VI	***776	200,000
572	TRAN THI MAI DUONG	***625	400,000
573	MUSSONI MARCO	***547	200,000
574	HO NGOC UYEN UYEN	***294	400,000
575	HOANG THANH NAM	***921	200,000
576	THE THIAM HENG	***662	200,000
577	DO THI HONG DUC	***013	200,000
578	LE DUC LONG	***403	200,000
579	LARSEN CARLOS HENRIK	***091	200,000
580	TRINH CAO MINH	***932	200,000
581	INOUE TOMOHIRO	***799	200,000
582	HAN QUOC HUY	***302	200,000
583	NUNI VENKATA RAMANA	***967	200,000
584	CAO XUAN BINH	***918	200,000
585	DINH THI BICH HANG	***490	200,000
586	NGUYEN LONG HUNG	***039	800,000
587	PHAM DINH PHUONG	***841	200,000
588	NGO MINH THIEN	***416	200,000
589	CU HUY GIANG	***753	400,000
590	LE TUYET THU	***457	200,000
591	DO DUY THAI	***424	200,000
592	VU THI LAN ANH	***416	200,000
593	HOANG DUC THANH	***458	200,000
594	DANG THI KIM DUNG	***220	600,000
595	LE THI BICH HOA	***622	200,000
596	NGUYEN VAN HIEN	***634	400,000
597	LE HONG ANH	***325	200,000
598	NGUYEN LINH NGAN	***953	400,000
599	NGUYEN THI THU DIEM	***788	200,000
600	NGUYEN XUAN DUNG	***545	200,000
601	NGUYEN THI DIEM THI	***721	200,000
602	KHIEU TRUNG TRUC	***643	200,000
603	DO QUOC TRUNG	***073	200,000
604	NGUYEN THANH DUC	***093	200,000
605	NGUYEN QUE NGA	***510	200,000
606	TA ANH QUAN	***200	800,000
607	TRAN PHUONG UYEN	***776	200,000
608	THAI HOANG LONG	***093	800,000
609	NGUYEN THI THAO VI	***264	600,000

610	HOANG THI THANH VAN	***255	600,000
611	DO TRI THANH	***157	200,000
612	DUONG KY LAM	***179	200,000
613	LE THUY THUOC VY	***606	200,000
614	PHAN NGOC THAO	***695	200,000
615	NGUYEN PHUONG THAO	***429	200,000
616	DAO THANH HUNG	***785	200,000
617	PHAM TRUNG DUNG	***593	600,000
618	NGUYEN NGOC SON	***542	200,000
619	DINH THUY THU HIEN	***506	200,000
620	NGUYEN THI TRANG NHA	***456	200,000
621	HA XUAN DUONG	***327	600,000
622	NGUYEN THI THUY LIEN	***661	200,000
623	NGUYEN THI ANH THU	***312	400,000
624	DINH THI PHUONG THU	***581	200,000
625	NGUYEN THI BICH HANH	***714	200,000
626	PHI TIEN THANH	***168	600,000
627	NGUYEN TRUNG HIEU	***610	200,000
628	NGUYEN CAO BAO AN	***630	200,000
629	LE THI PHUONG DUNG	***322	200,000
630	BUI HAI ANH	***057	200,000
631	NGUYEN THI THANH	***018	200,000
632	DONG NGOC ANH	***208	200,000
633	NGUYEN HONG PHUONG	***872	200,000
634	TRAN DANG NGAN	***088	200,000
635	NGUYEN THI MY HANH	***265	200,000
636	VO THANH CHAU	***482	200,000
637	DANG PHUC HOA	***272	200,000
638	PHAM THI HONG PHUC	***028	200,000
639	LE NGOC MAI	***594	200,000
640	NGUYEN VAN HOAN	***284	1,000,000
641	NGUYEN MANH HA	***196	200,000
642	NGUYEN HONG VIET	***676	200,000
643	NGUYEN HOANG MANH	***431	200,000
644	LE THI BICH NGA	***178	200,000
645	VO THU HIEN	***768	200,000
646	LAM QUOC THONG	***933	400,000
647	NINH DINH CHI	***408	600,000
648	TIEU THI THANH	***278	200,000
649	VO MINH TRU	***422	200,000
650	LOUIS DEREK WALTERS	***724	200,000

651	LE HOANG LAN	***740	400,000
652	TRINH HUY THONG	***738	200,000
653	NGUYEN LE QUYNH NHU	***268	200,000
654	PHAM THI LE HUONG	***525	200,000
655	VU THANH CONG	***328	200,000
656	LE THI NGOC HIEU	***110	200,000
657	DAM THI NGAN	***598	200,000
658	NGUYEN THI HONG LIEN	***544	200,000
659	BUI THANH CHI	***178	400,000
660	PHAM THI KIM PHU	***569	200,000
661	TO HONG PHONG	***199	200,000
662	NGUYEN QUOC CHINH	***710	200,000
663	LUU HAI ANH	***015	200,000
664	NGUYEN THI MY HUNG	***059	200,000
665	VU QUYNH ANH	***429	200,000
666	NGUYEN THI PHUONG THAO	***994	200,000
667	PHAM NGOC HUNG	***638	200,000
668	HOANG VAN TOI	***980	200,000
669	SUKEGAWA KOICHI	***145	200,000
670	TRAN DUC DO	***409	200,000
671	PHAM CAO THANH TUAN	***551	200,000
672	TRAN THANH BINH	***089	200,000
673	BUI VIET LINH	***832	400,000
674	DANG KHAC HUY	***936	200,000
675	NGUYEN THI MY HANH	***065	400,000
676	NGUYEN HUY MINH	***759	400,000
677	PHAM THUY LINH	***543	200,000
678	PHAM THAI HA	***007	400,000
679	RYU KYOUNGWO	***801	400,000
680	HA THU HANH	***737	200,000
681	TRINH THANH HUYEN	***682	400,000
682	NGUYEN KHAC PHUNG HOANG	***241	200,000
683	NINH VAN HOANG	***559	400,000
684	DINH THI HONG KHANG	***229	200,000
685	NGUYEN HONG QUAN	***729	200,000
686	PHAM THI TUYET	***072	200,000
687	TRAN THI THUY LINH	***082	200,000
688	BUI QUANG HUNG	***164	200,000
689	NGUYEN HOANG MOT	***296	200,000
690	TRUONG THI QUYNH NHU	***695	200,000
691	TRAN THI HOANG ANH	***676	400,000

692	FUKUDA YOSHIMASA	***597	200,000
693	NGUYEN HOANG SON	***592	600,000
694	DUONG TRONG KHOA	***660	400,000
695	PHAN THI QUYNH HUONG	***093	200,000
696	NGUYEN THANH MAI	***280	200,000
697	NGUYEN THI THANH HUYEN	***301	200,000
698	TRAN VAN TU	***780	200,000
699	VO KIM PHUONG	***775	200,000
700	NGUYEN XUAN THUC	***930	200,000
701	HUYNH TUAN ANH	***075	200,000
702	TRAN DINH OANH NGAN	***520	200,000
703	NGUYEN DUC HIEU	***852	400,000
704	BUI THI THANH NGOC	***301	400,000
705	PHAM THI BICH NGOC	***694	200,000
706	NGUYEN TAN PHAT	***681	200,000
707	NGUYEN TU ANH	***162	200,000
708	HA THI KIM NGA	***553	200,000
709	LE THI HA	***200	400,000
710	NGO XUAN TUE	***326	200,000
711	NGUYEN MANH CUONG	***110	600,000
712	VO THI PHAP	***212	200,000
713	DOAN MINH QUAN	***106	400,000
714	NGUYEN DUC TUONG	***552	200,000
715	PHUNG HUU THANH HUY	***312	200,000
716	NGO THI THU HUONG	***157	200,000
717	THI ANH DAO	***688	400,000
718	MAI THI THU LAN	***223	200,000
719	PHAM THUY TRANG	***565	200,000
720	DANG THI THANH VAN	***967	600,000
721	VUONG NHU KHUE	***518	400,000
722	TRUONG LE ANH TOAN	***101	200,000
723	TRUONG VAN TOAN	***179	200,000
724	TRAN THI HOANG ANH	***150	600,000
725	DANG XUAN TAN	***798	1,000,000
726	TA LE THANH	***690	200,000
727	NGUYEN QUANG HUY	***363	200,000
728	LE THI QUOC PHOI	***259	400,000
729	NGUYEN THI NGOC TAM	***408	400,000
730	TRAN XUAN NGOC	***392	200,000
731	HUYNH THI MY YEN	***080	200,000
732	GIANG THE ANH	***802	200,000

733	MAI THI THU THUY	***427	200,000
734	NGUYEN DUC HUONG	***062	200,000
735	NGUYEN ANH DUONG	***892	200,000
736	NGUYEN THE DUNG	***252	200,000
737	KHUAT DUY MINH DUC	***614	200,000
738	TRAN THI KIM NGOC	***610	400,000
739	NGO THI HUYEN TRANG	***398	400,000
740	PHAM MINH HAI	***894	200,000
741	TRAN TUAN CUONG	***711	200,000
742	BUI NHU QUYNH	***829	200,000
743	NGUYEN THANH HA THUY	***131	200,000
744	TRAN THI NGOC BICH	***461	200,000
745	BUI NHAT TUONG	***356	200,000
746	NGUYEN VAN KIEN	***909	200,000
747	TRAN HUU PHU	***011	200,000
748	NGUYEN VYLY	***460	200,000
749	LUU THI PHUONG TRANG	***495	200,000
750	NGUYEN HOANG TRUC LY	***558	400,000
751	HOANG THI DUC HANH	***913	200,000
752	NGUYEN HOAI ANH	***959	200,000
753	HA NHU QUYNH	***378	400,000
754	PHAN NHUT HAI	***271	200,000
755	THAI HOANG MAI	***671	400,000
756	DINH VI LAN	***527	600,000
757	NGUYEN HUU THIEN	***282	200,000
758	NGUYEN HAI LONG	***109	200,000
759	NGUYEN TRIEU DUONG	***158	200,000
760	PHAN HONG MINH	***856	200,000
761	MAI NGOC QUYEN	***134	200,000
762	PHAN HOANG VU	***755	200,000
763	DANG NGUYEN DUC	***511	200,000
764	HA NGUYEN QUYNH ANH	***740	200,000
765	NGO TIEN	***819	200,000
766	NGO THUONG KHAI	***011	200,000
767	NGUYEN NAM DUONG	***563	200,000
768	BENKO ISTVANNE	***146	200,000
769	NGUYEN XUAN SON	***928	200,000
770	LE THI THUY TRAM	***037	200,000
771	NGUYEN HONG THACH	***164	200,000
772	NGUYEN VIET QUANG	***998	200,000
773	NGUYEN THAI DAT	***153	800,000

774	NGUYEN VAN HIEU	***070	200,000
775	LE THI THANH TRA	***752	200,000
776	NGUYEN THUY LINH	***315	200,000
777	TRAN NGUYET ANH	***399	200,000
778	LE THI THU TRANG	***593	200,000
779	DO THI THANH HANG	***700	600,000
780	NGUYEN TRUNG SON	***050	200,000
781	TRAN THI VIET HA	***455	200,000
782	LE VAN DUNG	***565	200,000
783	NGUYEN THI THAO	***558	200,000
784	OKAWARA TAKASHI	***119	200,000
785	NGUYEN MANH CONG	***057	200,000
786	NGUYEN THI NGOC ANH	***577	200,000
787	HOANG DUC THIEP	***812	200,000
788	NGUYEN LE DAN	***483	400,000
789	TRAN XUAN HOAN	***636	200,000
790	LE THI HONG NHUNG	***749	400,000
791	TRINH DANG CUONG	***656	200,000
792	TRUONG MY BINH	***686	200,000
793	NONG THI NGOC HAN	***661	200,000
794	THIEU LE UYEN PHUONG	***090	200,000
795	NGUYEN DUC VONG	***785	200,000
796	VU THI QUYNH CHAM	***115	200,000
797	NGUYEN NHU THANH	***039	200,000
798	LAM BICH CHAU	***822	200,000
799	SUSILO GANI TANDJUNG	***327	200,000
800	TRUONG NGUYEN THI NGOC HUONG	***859	200,000
801	DANG THUY DUNG	***738	200,000
802	HA THUY QUYNH	***760	200,000
803	BUI HOAI BAC	***532	200,000